BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẢN LÍ CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC XÃ KHU VỰC 2 HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẢN LÍ CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC XÃ KHU VỰC 2 HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Chuyên ngành : Quản lí giáo dục

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài luận văn thạc sĩ quản lí giáo dục **"Quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng"** là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực, chưa từng được công bố trong bất kì một công trình khoa học nào khác.

Các số liệu thu thập và kết quả phân tích trong luận văn hoàn toàn trung thực, khách quan. Những số liệu tham khảo và các dẫn chứng đều có nguồn trích dẫn rõ ràng.

Tác giả luận văn

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền và các đoàn thể huyện Di Linh, các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền và các đoàn thể các xã thuộc khu vực 2, các chuyên viên, lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo và các đồng chí cán bộ quản lí và giáo viên các trường THCS ở huyện Di Linh đã tham gia đóng góp ý kiến, cung cấp thông tin cho tôi trong suốt thời gian nghiên cứu luận văn.

Với tấm lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin cảm ơn thầy hướng dẫn – TS. Nguyễn Đắc Thanh đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thiện luận văn. Xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Sau đại học và sự giảng dạy nhiệt tình của các thầy giáo, cô giáo khoa Khoa học giáo dục Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian học tập, nghiên cứu đã trang bị cho tôi những kiến thức vô cùng quý giá.

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, đồng nghiệp và bạn bè đã động viên giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu. Do vừa học vừa công tác và khả năng có hạn nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, kính mong các thầy cô trong hội đồng khoa học và bạn bè, đồng nghiệp chỉ bảo, góp ý.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Lời cảm ơn

Danh mục các chữ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các biểu đồ

MỞ ĐẦU 9

Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ QUẢN LÍ CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ 8

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề 8

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới 8

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam 11

1.2. Các khái niệm cơ bản 13

1.2.1. Xã hội hóa giáo dục 13

1.2.2. Xã hội hóa giáo dục ở trường THCS 15

1.2.3. Quản lí XHHGD ở trường THCS 16

1.2.4. Quản lí công tác XHHGD ở trường THCS thuộc xã khu vực 2 18

1.3. Công tác XHHGD ở trường THCS 19

1.3.1. Ý nghĩa của XHHGD ở trường THCS 19

1.3.2. Bản chất của XHHGD ở trường THCS 20

1.3.3. Nguồn lực huy động XHHGD ở trường THCS 21

1.3.4. Phối hợp các lực lượng trong XHHGD ở trường THCS 23

1.3.5. Nội dung XHHGD ở trường THCS 24

1.3.6. Hình thức thực hiện XHHGD ở trường THCS 25

1.3.7. Điều kiện thực hiện XHHGD ở trường THCS 28

1.3.8. Kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD ở trường THCS 32

1.4. Chức năng quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS 33

1.4.1. Lập kế hoạch XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS 34

1.4.2. Tổ chức công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS 36

1.4.3. Chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS 37
1.4.4. Kiểm tra, đánh giá kết quả công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS 38
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng ở các trường THCS 40
1.5.1. Những yếu tố chủ quan 40
1.5.2. Những yếu tố khách quan 42
Tiểu kết chương 1 43
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÍ CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG THCS THUỘC XÃ KHU VỰC 2 HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG 44
2.1. Khái quát về quy mô phát triển và mạng lưới các trường THCS thuộc xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 44
2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên 44
2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội 45
2.1.3. Tình hình giáo dục và đào tạo ở huyện Di Linh 46
2.1.4. Tình hình giáo dục tại các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 49
2.2. Mẫu khảo sát và cách thức xử lí số liệu 51
2.2.1. Mục tiêu khảo sát 51
2.2.2. Nội dung khảo sát 51
2.2.3. Phương pháp và công cụ khảo sát 52
2.2.4. Mẫu khảo sát 52
2.2.5. Cách thức xử lí kết quả khảo sát 53
2.3. Thực trạng công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 55
2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về công tác XHHGD ở các trường THCS xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 56

2.3.2. Thực trạng huy động các nguồn lực XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. 57

2.4. Thực trạng quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 63

2.4.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh,
tỉnh Lâm Đồng 63

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 70

2.4.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. 75

2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá trong công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 79

2.5. Thực trạng mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. 83

2.5.1. Yếu tố khách quan 84

2.5.2. Yếu tố chủ quan 86

2.6. Đánh giá chung về thực trạng 89

2.6.1. Điểm mạnh 89

2.6.2. Điểm yếu 90

Tiểu kết chương 2 91

Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÍ CÔNG TÁC XHHGD Ở CÁC TRƯỜNG THCS THUỘC XÃ KHU VỰC 2 HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG 92

3.1. Cơ sở và nguyên tắc đề xuất biện pháp 92

3.1.1. Cơ sở đề xuất biện pháp 92

3.1.2. Nguyên tắc đề xuất biện pháp 93
3.2. Các biện pháp quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 95
3.2.1. Biện pháp 1. Tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường 95
3.2.2. Biện pháp 2. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD 97
3.2.3. Biện pháp 3. Đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD 100
3.2.4. Biện pháp 4. Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường 102
3.2.5. Biện pháp 5. Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường 105
3.2.6. Biện pháp 6. Tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD ở các trường. 107
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp 109
3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp 111
3.4.1. Mục đích khảo nghiệm 111
3.4.2. Nội dung và phương pháp khảo nghiệm 111
3.4.3. Đối tượng khảo nghiệm 112
3.4.5. Đánh giá chung về khảo sát tính cần thiết và tính khả thi 130
Tiểu kết chương 3 131
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 132
TÀI LIỆU THAM KHẢO 136
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
THCS	Trung học cơ sở
TH-THCS	Tiểu học và trung học cơ sở
XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
UBND	Ủy ban nhân dân
DTNT	Dân tộc nội trú
PT DTNT	Phổ thông Dân tộc nội trú
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Quy ước số liệu và định khoảng trung bình 53
Bảng 2.2. Thực trạng huy động các nguồn lực XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. 58
Bảng 2.3. Thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 64
Bảng 2.4. Thực trạng tổ chức thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 70
Bảng 2.5. Thực trạng chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 76
Bảng 2.6. Thực trạng kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 80
Bảng 2.7. Mức độ tác động của các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 84
Bảng 2.8. Mức độ tác động của các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến kết quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng 87
Bảng 3.1. Quy ước mã hóa và định khoảng trung bình 112
Bảng 3.2. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường 113
Bảng 3.3. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD 116

Bảng 3.4. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD 120
Bảng 3.5. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường 122
Bảng 3.6. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường 125
Bảng 3.7. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD 128

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Khảo sát nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên và cha mẹ học sinh các trường THCS thuộc xã khu vực 2, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng về công tác XHHGD 56

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong tư tưởng và di sản Hồ Chí Minh có thể nói chữ "dân" có giá trị thiêng liêng và bền vững. Sinh thời, Người khẳng định: "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Vai trò và sức mạnh của nhân dân luôn luôn được Người đề cao ở nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo.

Quan điểm *"Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn được Đảng và Nhà nước ta tiếp thu và vận dụng vào quá trình xây dựng và phát triển nền giáo dục của đất nước. Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương khóa VII nhấn mạnh: "Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lí của Nhà nước". Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII tiếp tục nhấn mạnh: "Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Phê phán thói lười học. Mọi người chăm lo cho giáo dục. Các cấp uỷ và tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội, các gia đình và các cá nhân đều có trách nhiệm góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục - đào tạo".

Trên cơ sở quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, hàng loạt các văn bản được ban hành nhằm chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và đào tạo, tạo hành lan pháp lí thuận lợi, ưu đãi, khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục. Nhiệm vụ XHHGD đã được các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện và đạt được nhiều kết quả nhất định. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng (tháng 01 năm 2016) khẳng định: Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; chủ trương đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho con người đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo và nhận được sự ủng hộ của toàn xã hội. Tuy nhiên, theo báo cáo chính trị, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu. Một trong những nhiệm vụ đề ra là: Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Do vậy, nhiệm vụ xã hội hóa giáo dục là một trong những nhiệm

vụ chính trị mà toàn Đảng, toàn dân phải có trách nhiệm thực hiện để đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là một huyện vùng núi, bao gồm 19 đơn vị hành chính cấp xã. Toàn huyện có 22 trường trung học cơ sở (THCS) được quy hoạch đều ở 19 xã thị trấn trong toàn huyện, trong đó có 02 trường TH-THCS và 07 trường THCS thuộc các xã khu vực 2. Đây là những xã thuộc vùng dân tộc và miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định. Tuy nhiên, đời sống của người dân ở đây vẫn gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, cơ sở vật chất trường lớp cũng như các điều kiện phục vụ giảng dạy còn nhiều thiếu thốn, nguồn lực đầu tư cho giáo dục của địa phương vẫn rất hạn chế. Quy mô trường lớp nhỏ, ít học sinh, chất lượng giáo dục thấp so với các vùng phát triển. Theo báo cáo hàng năm của Phòng Giáo dục và Đào tạo Di Linh, công tác XHHGD, huy động các nguồn lực trong nhân dân để đầu tư cho giáo dục đã được các trường quan tâm triển khai thực hiện nhưng hiệu quả còn nhiều hạn chế như: hiệu trưởng nhà trường chưa có kế hoạch công tác XHHGD cụ thể, chỉ lồng ghép nội dung XHHGD vào trong kế hoạch năm học; chưa có kế hoạch huy động rộng rãi nguồn tài trợ từ các mạnh thường quân trong và ngoài địa phương, chỉ giới hạn trong cha mẹ học sinh; chưa vận động được chính quyền địa phương và các tổ chức, đoàn thể địa phương vào cuộc một cách quyết liệt; công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chưa được thường xuyên, chỉ tổ chức đánh giá vào cuối năm học. Hàng năm các trường huy động được từ 30 đến 80 triệu đồng và một số ngày công lao động của cha mẹ học sinh để tu sửa, bổ sung, tăng cường cơ sở vật chất trường lớp, xây dựng cảnh quan sư phạm nhà trường. Hình thức thực hiện xã hội hóa chủ yếu là vận động kinh phí hỗ trợ của cha mẹ học sinh. Do vậy, cơ sở vật chất trường lớp cũng như các điều kiện phục vụ giảng dạy vẫn còn thiếu thốn, nguồn lực đầu tư cho giáo dục của địa phương còn nhiều hạn chế.

Để có thể nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI thì ngoài nguồn lực sẵn có được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, các trường THCS thuộc xã khu vực 2 tại huyện Di Linh

cần đẩy mạnh việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về XHHGD nhằm huy động tối đa nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, bổ sung trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng phong trào học tập sâu rộng, góp phần nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài ở địa phương. Chính vì vậy, việc nghiên cứu bổ sung lí luận, đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là điều cấp thiết. Đặc biệt, tại Việt Nam hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu sâu sắc về vấn đề này dành riêng cho các trường THCS thuộc xã khu vực 2.

Xuất phát từ những lí do trên và tình hình thực tế của địa phương, tôi chọn đề tài **"Quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng"** để thực hiện luận văn của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Thông qua nghiên cứu lí luận và thực trạng về quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng để đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lí công tác XHHGD ở trường THCS.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

4. Giả thuyết khoa học

Quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã được các trường quan tâm triển khai thực hiện nhưng điều kiện cơ sở vật chất trường lớp cũng như trang thiết bị phục vụ giảng dạy vẫn còn nhiều thiếu thốn; sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng vào nâng cao chất lượng giáo dục còn hạn chế. Ngoài nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước còn hạn

hẹp thì nguyên nhân có thể là do quản lí công tác XHHGD ở các trường còn chưa hiệu quả. Hiệu trưởng các trường có thể chưa làm tốt công tác tuyên truyền, chưa xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác XHHGD của trường mình, chưa tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả một cách thường xuyên. Nếu đánh giá đúng thực trạng quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hiện nay và đề xuất các biện pháp khả thi như: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động; xây dựng kế hoạch thực hiện XHHGD cụ thể và hiệu quả; đa dạng hóa hình thức huy động xã hội hóa; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công khai kết quả công tác XHHGD của nhà trường thì có thể cải tiến hiệu quả quản lý hoạt động này.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lí luận về quản lí công tác XHHGD ở trường THCS.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
- Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
- Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

6. Phạm vi nghiên cứu

- Địa bàn nghiên cứu: 04 trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: trường TH-THCS Đinh Trang Thượng xã Đinh Trang Thượng, trường THCS Bảo Thuận xã Bảo Thuận, trường THCS Sơn Điền xã Sơn Điền và trường TH-THCS Gia Bắc xã Gia Bắc.

- **Mẫu khảo sát**: 16 cán bộ quản lí (04 hiệu trưởng, 04 phó hiệu trưởng, 08 tổ trưởng chuyên môn), 53 giáo viên (04 tổng phụ trách đội, 49 giáo viên), 10 lãnh đạo địa phương (02 đồng chí Bí thư đảng ủy, 02 đồng chí Chủ tịch xã và 04 đồng chí Phó chủ tịch phụ trách văn xã và 02 đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã).

- Thời gian khảo sát: Năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019.

- Giới hạn về nội dung: Nghiên cứu hoạt động quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận

- *Quan điểm về hệ thống – cấu trúc*

Vận dụng quan điểm hệ thống cấu trúc vào phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng ta sẽ thấy tầm quan trọng của việc tăng cường hiệu quả công tác quản lí xã hội hóa giáo dục ở trường THCS dưới nhiều hình thức giúp cán bộ quản lí thực hiện tốt các chức năng quản lí như: lập kế hoạch; tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá. Khi đề xuất các nhóm biện pháp phải được nghiên cứu trong mối quan hệ tổng thể giữa cách thức thực hiện và yêu cầu của việc quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

- *Quan điểm về thực tiễn*

Khi nghiên cứu cần phát hiện những mâu thuẫn, những khó khăn, những cản trở trong thực tiễn quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và xác định những vấn đề cấp thiết để tập trung nghiên cứu. Đồng thời phân tích những vấn đề của thực tiễn quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng để tìm ra bản chất của vấn đề. Từ đó, đề ra những biện pháp phù hợp với thực tiễn tại các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Quan điểm về lịch sử - logic*

Trong quá trình nghiên cứu, sử dụng kết quả điều tra thực tế để minh họa, chứng minh, làm rõ thực trạng quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, từ đó đề xuất các giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục các hạn chế, kém hiệu quả trong quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Đề tài sử dụng phương pháp này để phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa lí thuyết có liên quan về nội dung quản lí công tác XHHGD ở trường THCS từ các văn bản của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Giáo dục và đào tạo; từ sách, báo,

tạp chí, tập san chuyên ngành; các kỉ yếu hội thảo, hội nghị và các văn bản khác có liên quan nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài, định hướng cho việc thiết kế công cụ nghiên cứu và quá trình điều tra thực tiễn.

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

❖ ***Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi***

Mục đích điều tra: Thu thập dữ liệu từ ý kiến đánh giá của đối tượng điều tra nhằm đưa ra đánh giá một cách khách quan và toàn diện hoạt động quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh đó, phương pháp này cũng được sử dụng để khảo sát tính cần thiết và khả thi của hệ thống các giải pháp do đề tài đề xuất.

Nội dung điều tra: Khảo sát thực trạng hoạt động quản lí công tác XHHGD tại các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Điều tra các yếu tố thuận lợi và khó khăn của hoạt động quản lí công tác XHHGD tại các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đánh giá về tính cần thiết và khả thi hệ thống giải pháp hoạt động quản lí công tác XHHGD tại các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đối tượng điều tra:

Phiếu hỏi để khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí, giáo viên và cha mẹ học sinh của các trường thuộc xã Đinh Trang Thượng, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Bắc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Phiếu hỏi để khảo sát ý kiến đánh giá tính cần thiết và khả thi của cán bộ quản lí, chuyên viên Phòng GDĐT và cán bộ quản lí các trường THCS trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

❖ ***Phương pháp phỏng vấn sâu***

Mục đích: Những đánh giá, đóng góp ý kiến của người được phỏng vấn sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề trong phạm vi nghiên cứu của đề tài và giúp tác giả định hướng giải pháp để thúc đẩy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu trong hoạt động quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Nội dung: Nội dung phỏng vấn sâu tập trung vào những điểm mạnh, điểm yếu cùng các yếu tố thuận lợi và khó khăn trong hoạt động quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Đối tượng của phỏng vấn sâu là lãnh đạo địa phương, cán bộ quản lí và giáo viên của các trường.

Phương pháp phỏng vấn cá nhân: lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; cán bộ quản lí và giáo viên của các trường THCS thuộc xã Đinh Trang Thượng, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Bắc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; kết hợp với đánh giá thực trạng hoạt động quản lí công tác XHHGD để tìm hiểu đa chiều một số khía cạnh chưa hiệu quả trong công tác quản lí.

7.2.3. Phương pháp thống kê toán học

- *Mục đích:* Xử lí các thông tin định lượng và thông tin định tính thu thập được để xây dựng các luận cứ và khái quát thực trạng quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Nội dung:*

Đối với thông tin định lượng: Sử dụng phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) để phân tích dữ liệu thu thập được, tính các tham số thống kê đặc trưng mà tác giả cần làm cơ sở đưa ra kết luận.

Đối với thông tin định tính: Dữ liệu thu thập từ các cuộc phỏng vấn sẽ được đánh giá bằng phương pháp trích lọc nội dung theo các nhóm chủ đề. Các nội dung này được sử dụng phối hợp với dữ liệu định lượng để làm rõ hơn thực trạng nghiên cứu và làm cơ sở đưa ra các giải pháp.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung chính của luận văn được thể hiện ở 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lí luận về quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở trường THCS.

Chương 2. Thực trạng quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Chương 3. Biện pháp quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ QUẢN LÍ CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Giáo dục đóng vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của mỗi đất nước. Giáo dục ngày nay đã thực sự trở thành nhân tố phát triển kinh tế quan trọng của một quốc gia. Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin ngày nay thì giáo dục càng có vai trò quan trọng hơn nữa, bởi vì chỉ có giáo dục mới có thể cung cấp được nguồn nhân lực dồi dào, đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội. Do vậy, tất cả các quốc gia, từ đất nước phát triển đến đất nước kém phát triển đều tập trung đầu tư cho giáo dục, xem giáo dục là quốc sách hàng đầu. Điểm chung rất dễ nhận thấy ở tất cả các nước đó là đầu tư cho giáo dục không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà của toàn xã hội; Nhà nước chịu trách nhiệm chính, huy động sự tham gia của cộng đồng, của tổ chức, cá nhân và gia đình tham gia đầu tư cho giáo dục. Tuy nhiên, mô hình đầu tư cho giáo dục ở mỗi quốc gia có những điểm khác nhau đáng kể tùy vào chương trình, chính sách giáo dục ở mỗi nước.

Các nước trên thế giới sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau với các nội dung ít nhiều khác nhau để chỉ việc huy động các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động giáo dục như sự huy động (mobilization), sự tham gia (participation), tư nhân hóa (privatization), sự phân quyền (decentralization), còn ở Việt Nam ta thường dùng từ xã hội hóa (socialization). Từ yêu cầu và hoàn cảnh của mỗi quốc gia mà họ thực hiện các nội dung, hình thức khác nhau. Tuy nhiên, nét chung ở các nước là, đều khẳng định sự cần thiết có sự tham gia của xã hội vào phát triển giáo dục (Võ Tấn Quang, 2001).

Nhiều nghiên cứu, bài viết của các chuyên gia, các giáo sư trên khắp thế giới cho ta thấy tổng quan về mô hình huy động trách nhiệm, sự tham gia của cộng đồng vào phát triển giáo dục. Rất nhiều các bài viết về mô hình trên được đăng tải trên mạng internet giúp chúng ta có thể nghiên cứu để thấy được các chương trình, chính sách giáo dục khác nhau ở các nước trên thế giới thể hiện sự chuyển giao trách

nhiệm đầu tư cho giáo dục của nhà nước sang các tổ chức, cá nhân.

Theo Clive R. Belfield và Henry M. Levin, ở các nước Mĩ, Hà Lan, Đan Mạch, Bỉ, Phi-lip-pin, Anh, giáo dục được cung cấp hoặc tài trợ bởi các tổ chức, cá nhân (Clive and Henry, 2002). Tác giả Mitsue Uemura trong bài viết "Sự tham gia của cộng đồng vào giáo dục: Chúng ta biết những gì?" (Community Participation in Education: What do we know?) cho rằng, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những cách khác nhau mà cộng đồng tham gia vào giáo dục, cung cấp các kênh cụ thể mà qua đó, cộng đồng tham gia vào giáo dục trẻ em (Mitsue Uemura, 1999).

Cùng với những bài viết của các tác giả nước ngoài, nhiều nhà nghiên cứu của Việt Nam cũng nghiên cứu về cách thức thực hiện xã hội hóa của các quốc gia trên thế giới như Võ Tấn Quang, Bùi Minh Hiền, Nguyễn Minh Phương, ...

Theo nghiên cứu của Võ Tấn Quang, Ấn Độ gắn vấn đề huy động xã hội cùng tham gia giáo dục với phát triển nông thôn, tập trung vào đào tạo nghề, tìm việc làm với nâng cao trình độ văn hóa phổ thông. (Võ Tấn Quang, 2001). Cũng theo Võ Tấn Quang, Indonesia đặc biệt quan tâm giáo dục phi chính quy với sự tham gia của cộng đồng, một hình thức tham gia của xã hội là lập "Quỹ học tập" để lo việc học cho thanh thiếu niên và cho người lớn. (Võ Tấn Quang, 2001).

Theo Nguyễn Minh Phương, Hàn Quốc thực hiện mô hình phát triển giáo dục dựa trên nguyên tắc chia sẻ chi phí giữa Nhà nước và nhân dân, trong đó chi phí tư nhân cho giáo dục cao hơn chi phí công. Chính phủ và địa phương tài trợ ngân sách cho các trường tư đồng thời tăng cường quyền tự chủ tài chính cho họ. Ngoài nguồn tài trợ của chính phủ trung ương và địa phương, các trường tư ở Hàn Quốc huy động nguồn tài chính chủ yếu là lệ phí nhập học và học phí. Đối với các trường công ở địa phương, chính phủ Hàn Quốc tạo điều kiện cho các địa phương, cơ sở giáo dục, đào tạo thu hút các thành phần xã hội, các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư tài chính, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như trí lực vào phát triển cải cách giáo dục (Nguyễn Minh Phương, 2012).

Thái Lan thực hiện nhiều hình thức huy động nguồn lực đầu tư, hỗ trợ tài chính cho mục đích phát triển giáo dục. Ngoài việc nhà nước và các cơ quan hành chính địa phương được ủy quyền để thu các khoản thuế giáo dục để tổ chức các hoạt

động giáo dục thì tất cả mọi tổ chức, cá nhân như đội ngũ giáo viên, người quản lí trong các cơ sở giáo dục, tổ chức tư nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan hành chính địa phương, cơ quan chuyên môn, tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội khác đều được khuyến khích tham gia đóng góp nguồn lực cho giáo dục bằng hình thức tài trợ tài sản và các nguồn lực khác cho các tổ chức giáo dục, nhằm chia sẻ những chi phí hợp lí và cần thiết trong hoạt động giáo dục. Để khuyến khích, động viên các cá nhân, tổ chức trên tham gia tài trợ nguồn lực cho giáo dục, nhà nước và các cơ quan hành chính hỗ trợ, miễn, giảm cho họ các mức thuế phù hợp và cần thiết theo quy định của pháp luật (Nguyễn Minh Phương, 2012).

Ở Nhật Bản, khi thực hiện XHHGD, nhà nước đưa ra chính sách "không để trẻ em nào trong gia đình và không để gia đình nào trong cộng đồng không được giáo dục". Nhà nước Nhật Bản đã xây dựng hệ thống chính sách XHHGD như: "Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho giáo dục. Hiện nay, nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục của Nhật Bản chiếm 6,8% GDP. Các trường tư cũng được nhà nước cấp 10% ngân sách" (Bùi Minh Hiền, 2016). Ngoài ra, giáo dục còn nhận được đầu tư từ ngân sách địa phương, từ các doanh nghiệp, công ty, từ đóng góp của người học. Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản còn chú trọng tăng cường giáo dục gia đình và cộng đồng nhằm giúp nâng cao chất lượng giáo dục, giúp học sinh phát triển tình cảm và ý thức xã hội (Nguyễn Minh Phương, 2012).

Ở Trung Quốc, từ những năm 1980, chiến lược "khoa giáo hưng quốc" được thực hiện, đây là khởi đầu của phong trào XHHGD một cách mạnh mẽ ở nước này. Đảng Cộng sản Trung Quốc kêu gọi cả nước phấn đấu vì một nền giáo dục mới. Phong trào XHHGD được người dân hưởng ứng với hàng loạt các trường tư thục, các trung tâm đào tạo, liên kết đào tạo ngoài công lập ra đời. Từ khi thông tư của Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành yêu cầu Bộ Giáo dục từng bước đẩy nhanh công tác xã hội hóa với công tác giáo dục ở các cấp vào năm 2000 thì tỉ lệ trường ngoài công lập so với trường công lập đều tăng dần theo các năm. Cụ thể năm 2006, tỉ lệ trường sơ trung (trung học cơ sở) ngoài công lập ở Trung Quốc chiếm 6,61% nhưng đến năm 2008 tăng lên 7,67%, tăng hơn 1% chỉ trong 2 năm (Nguyễn Minh Phương, 2012).

Ở Hoa Kỳ, ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX, Hiến pháp đã quy định việc trưng thu thuế giáo dục, trách nhiệm huy động ngân sách cho giáo dục là thuộc về ủy ban giáo dục bang, các quận. "Nhà nước chi 10%, còn 90% ngân sách giáo dục là do bang và địa phương đảm trách. Ngoài ra, có khoản 20% các cơ sở giáo dục do các tập đoàn công nghiệp, công ty, quỹ tư nhân tài trợ (Bùi Minh Hiền, 2016).

Ngoài ra, một số công trình tiêu biểu khác cũng đã đề cập đến vai trò của các lực lượng xã hội trong việc tham gia vào sự nghiệp phát triển nhà trường như: Thanomwan Prasertcharoensuk và Napinrat Tapkhwa trong bài viết *"Sự cộng tác của nhà trường, phụ huynh và cộng đồng giúp nâng cao việc học tập của học sinh ở Thái Lan"* (Schools, parents, and community partnership enhancing students' learning in Thailand"; Tác giả Verger, A., Fontdevila, C., & Zancajo, A. với bài viết *"Tư hữu hóa giáo dục: Một hình thức kinh tế chính trị của sự cải cách giáo dục toàn cầu"* (The Privatization of Education: A Political Economy of Global Education Reform). Các công trình này đã cho ta thấy giải pháp đổi mới giáo dục thông qua sự tham gia của các lực lượng xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường và kết quả học tập của học sinh là điều mà các nước trên thế giới đã và đang làm thành công.

Các nghiên cứu và mô hình tham gia XHHGD của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trên khắp thế giới vào phát triển giáo dục và một số kinh nghiệm trong biện pháp tổ chức quản lí công tác XHHGD của nhà trường ở một số nước trên thế giới có thể giúp chúng ta nghiên cứu, vận dụng vào các nhà trường THCS ở Việt Nam hiện nay.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Tại Việt Nam, mục tiêu giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực và đào tạo nhân tài. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII năm 1996, quan điểm "Xã hội hóa" trở thành một trong những quan điểm lớn để hoạch định hệ thống các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta: "Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và các tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội" (Đảng Cộng sản

Việt Nam, 1998).

Đến Đại hội lần thứ XII của Đảng vừa qua, Đảng ta đề ra nhiệm vụ: "Từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; thực hiện cơ chế thị trường và đẩy mạnh xã hội hóa đối với cung cấp các dịch vụ công" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Trên cơ sở quan điểm của Đảng, hàng loạt các văn bản được ban hành nhằm chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và đào tạo, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, ưu đãi, khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục. Ngày 21/8/1997, Chính phủ ban hành Nghị quyết 90/CP về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, trong đó nêu rõ nội dung của cuộc vận động toàn dân tham gia sự nghiệp giáo dục và các chủ trương, biện pháp để thực hiện xã hội hoá hoạt động giáo dục và đào tạo. Các Nghị quyết của Quốc hội về giáo dục đều nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục ban hành các chính sách đồng bộ nhằm đẩy mạnh XHHGD, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục (Quốc hội, 2004, 2009, 2010). Ngoài việc Nhà nước đảm bảo vai trò đầu tư chủ yếu cho giáo dục và đào tạo, khuyến khích huy động sự đóng góp theo khả năng thực tế của gia đình người học, các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân; tạo điều kiện thuận lợi thành lập và phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập; hỗ trợ các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập đào tạo, nâng cao trình độ giáo viên và cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, năm 2008, Chính phủ cũng đã ban hành chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, trong đó nêu rõ các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa (Chính phủ, 2008).

Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005, tại điều 12, khi đề cập đến xã hội hóa giáo dục, cũng cho rằng, "Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân".

Từ những chủ trương và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta về XHHGD, các học giả trong nước đã có nhiều nghiên cứu, bài viết về lĩnh vực này như Phạm Minh Hạc, Võ Tấn Quang, Nguyễn Minh Phương, Phạm Thị Thu Hương, Cao Thu Hằng và nhiều tác giả khác.

Theo Phạm Minh Hạc: "Xã hội hóa công tác giáo dục là một tư tưởng chiến lược, một bộ phận của đường lối chiến lược, một con đường phát triển giáo dục của nước ta" (Phạm Minh Hạc,1997).

Phạm Thị Thu Hương khẳng định: "Để đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thì đòi hỏi cần thiết phải có nhiều yếu tố khác nhau, trong đó xã hội hóa giáo dục là một yếu tố hàng đầu". (Phạm Thị Thu Hương, 2017). Trong công trình nghiên cứu của mình, Phạm Thị Thu Hương đã chỉ ra những điểm ưu việt của XHHGD và cho rằng XHHGD là yếu tố cơ bản góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Từ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về xã hội hóa giáo dục và y tế, Cao Thu Hằng cho rằng, ở Việt Nam, chính sách xã hội hóa giáo dục và y tế được coi như những sách lược, chiến lược của Đảng và Nhà nước nhằm huy động sự tham gia và đóng góp của các thành phần kinh tế, các cá nhân và tổ chức xã hội vào công tác giáo dục và y tế đạt kết quả cao nhất (Cao Thu Hằng, 2016).

Trần Hậu và Đoàn Minh Huấn cũng có nhiều nghiên cứu và đưa ra các luận cứ khoa học về cơ sở lí luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ xã hội, trong đó có xã hội hóa dịch vụ giáo dục (Trần Hậu và Đoàn Minh Huấn, 2012).

Như vậy, ta có thể thấy rõ rằng, quan điểm khởi đầu và nhất quán của Đảng ta từ trước đến nay, đặc biệt là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới năm 1986, là Nhà nước chăm lo phát triển giáo dục, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội và sự tham gia của người dân, phát huy cộng đồng trách nhiệm của toàn dân trong việc giải quyết các vấn đề thuộc chính sách xã hội của Nhà nước. Các nghiên cứu của các học giả nêu trên cho ta thấy rõ nét về bản chất của XHHGD, giúp định hướng đúng đắn hoạt động XHHGD ở các nhà trường và địa phương, thực hiện đúng đặc trưng riêng của phát triển giáo dục là huy động và tổ chức toàn xã hội làm công tác giáo dục.

1.2. Các khái niệm cơ bản

1.2.1. Xã hội hóa giáo dục

** Xã hội hóa*

Vào đầu thế kỉ XX, thuật ngữ "xã hội hóa" đã được bắt đầu sử dụng ở nhiều nước trên thế giới. Từ đó đến nay thuật ngữ này ngày càng được dùng rộng rãi ở

nhiều lĩnh vực trên khắp thế giới và được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Clive R. Belfield và Henry M. Levin định nghĩa: Xã hội hóa là sự chuyển đổi các hoạt động, tài sản và trách nhiệm từ tổ chức của chính phủ sang cho các cá nhân và tổ chức tư nhân. (Clive R. Belfield and Henry M. Levin, 2002)

Tương tự như vậy, Phạm Thị Thu Hương nêu khái niệm: Xã hội hóa là quá trình chuyển giao những nội dung, nhiệm vụ thuộc chính sách xã hội mà nhà nước không nhất thiết phải làm, phải thực hiện sang cho người dân và các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện trên cơ sở các quy chuẩn theo yêu cầu của nhà nước (Phạm Thị Thu Hương, 2017).

Bên cạnh xã hội hóa được dùng theo cách hiểu của các ngành khoa học, Cao Thu Hằng cho rằng "Xã hội hóa" hiện đang dùng ở Việt Nam còn được hiểu theo nghĩa là tăng cường sự quan tâm, chú ý của toàn thể nhân dân tham gia vào một công việc, một vấn đề nào đó mà từ trước đến nay chỉ có nhà nước độc quyền (Cao Thu Hằng, 2016).

Từ đó cho ta thấy, thuật ngữ xã hội hóa được sử dụng khác nhau ở nhiều quốc gia trên thế giới nhưng xét về bản chất, ta có thể hiểu rằng, *xã hội hóa là quá trình tăng tính xã hội trong các lĩnh vực, huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào các hoạt động xã hội, thực hiện các nhiệm vụ mà nhà nước không nhất thiết phải làm, góp phần duy trì và tái sản xuất xã hội.*

** Xã hội hóa giáo dục*

Khái niệm XHHGD ở nước ta đã được Đảng và Nhà nước ta đề ra cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo. Nghị quyết số 90/1997/NQ-CP ngày 21/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ cho rằng: "Xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các sự nghiệp đó nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục, y tế, văn hóa và sự phát triển về thể chất và tinh thần của nhân dân" (Chính phủ, 2007).

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VII xác định: XHHGD là "huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lí của Nhà nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1993).

Tác giả Nguyễn Minh Phương quan niệm "Xã hội hóa giáo dục, y tế là quá trình huy động sự tham gia dưới các hình thức khác nhau của các chủ thể và cộng đồng xã hội, đồng thời tăng cường vai trò của nhà nước đối với giáo dục, y tế nhằm nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ và mở rộng đối tượng thụ hưởng, bảo đảm công bằng xã hội trong đóng góp và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế" (Nguyễn Minh Phương, 2012).

Phạm Thị Thu Hương định nghĩa: XHHGD ở nước ta hiện nay được dùng để chỉ quá trình chuyển giao các công việc giáo dục vốn đang do nhà nước nắm giữ và thực hiện sang các khu vực khác, với những nguồn lực và hình thức khác ngoài Nhà nước.

Theo Nguyễn Vân Nam thì: XHHGD không có nghĩa là nhà nước chuyển giao hay phó thác nhiệm vụ hiến định của mình cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp mà là tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia vào giáo dục, sao cho nó đáp ứng tốt nhất nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội, sao cho ai cũng được đến trường, ai cũng có điều kiện hưởng cơ hội vào đời như nhau.

Từ các khái niệm nêu trên và thực tiễn quản lí công tác XHHGD, ta có thể rút ra khái niệm: *XHHGD là việc huy động toàn xã hội, các cá nhân, tổ chức tham gia làm giáo dục, thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, đóng góp sức người, sức của xây dựng giáo dục nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục nhà trường đã đề ra.*

1.2.2. Xã hội hóa giáo dục ở trường THCS

Trường THCS là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân; trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường được tổ chức theo hai loại hình: Trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và Nhà nước trực tiếp quản lý, nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm; Trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường tư thục là nguồn ngoài ngân sách nhà nước. Trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học

cao nhất là THCS do phòng giáo dục và đào tạo quản lý (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012).

Từ các khái niệm về XHHGD và trường THCS, ta có thể khái quát: *XHHGD ở trường THCS là hoạt động mà ở đó, các trường THCS huy động được sự tham gia của cha mẹ học sinh, của nhân dân, cộng đồng và các tổ chức cá nhân trong xã hội tham gia đóng góp công sức, trí tuệ, vật chất nhằm xây dựng nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, giúp nhà trường đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra.*

1.2.3. Quản lí XHHGD ở trường THCS

*** Quản lí**

Quản lí xuất hiện và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội loài người. Hiện nay, có nhiều cách giải thích thuật ngữ "Quản lí" vì ta có thể tiếp cận khái niệm này theo nhiều cách khác nhau như cai quản, chỉ huy, lãnh đạo.

Theo từ điển tiếng Việt thông dụng, Nhà xuất bản Giáo dục, 1998, thuật ngữ quản lí được định nghĩa là: "Tổ chức, điều khiển hoạt động của một đơn vị, cơ quan".

Trần Khánh Đức khái quát khái niệm quản lí từ các quan niệm của nhiều học giả như C. Mác, nhà triết học V.G. Afanatsev và Frederic Winslow Taylor như sau: Quản lí là hoạt động có ý thức của con người nhằm định hướng, tổ chức, sử dụng các nguồn lực và phối hợp hành động của một nhóm người hay một cộng đồng người để đạt được các mục tiêu đề ra một cách hiệu quả nhất trong bối cảnh và các điều kiện nhất định" (Trần Khánh Đức, 2014).

Theo tác giả Phạm Viết Vượng: Quản lí là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lí lên đối tượng quản lí bằng một hệ thống các luật, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp và các biện pháp cụ thể nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu đã đề ra (Phạm Viết Vượng, 2003).

Từ các khái niệm trên, ta có thể khái quát: *Quản lí là sự tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lí đến khách thể quản lí nhằm sử dụng có hiệu quả các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống để đạt mục tiêu định ra trong điều kiện biến động*

của môi trường, làm cho tổ chức hoạt động có hiệu quả. Quá trình tác động, chỉ huy, điều khiển phải có kế hoạch, có chủ đích, hợp qui luật của chủ thể quản lí đến đối tượng quản lí, sao cho có thể sử dụng có hiệu quả các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức, đưa tổ chức đạt đến mục tiêu đã xác định.

*** Quản lí giáo dục**

Theo Trần Khánh Đức, giáo dục là một loại hình hoạt động xã hội rộng lớn do nhu cầu phát triển, tiếp nối, truyền thụ kinh nghiệm và tri thức từ đời này sang đời khác. Do vậy, hoạt động giáo dục cũng cần được tổ chức và quản lí nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục mà mỗi thể chế chính trị ở từng quốc gia đề ra. Giống như khái niệm quản lí, khái niệm quản lí giáo dục cũng được các học giả quan niệm khác nhau.

M.I. Kônđacốp cho rằng: "Quản lí giáo dục là tập hợp những biện pháp kế hoạch hóa nhằm đảm bảo vận hành bình thường của cơ quan trong hệ thống giáo dục để tiếp tục phát triển, mở rộng hệ thống cả về số lượng cũng như chất lượng" (M. I. Kônđakôp, 1984).

Theo Trần Kiểm, quản lí giáo dục là những "tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và hướng đích của chủ thể quản lí ở mọi cấp khác nhau đến tất cả các mắc xích của toàn bộ hệ thống nhằm mục đích đảm bảo sự hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở quy luật của quá trình giáo dục về sự phát triển thể lực, trí lực và tâm lực trẻ em" (Trần Kiểm, 1997).

Nguyễn Ngọc Quang định nghĩa quản lí giáo dục là "Hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lí, nhằm làm cho hệ thống vận hành theo đường lối giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy-học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ giáo dục đến mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất" (Nguyễn Ngọc Quang, 1989).

Như vậy, ta có thể hiểu: *Quản lí giáo dục là sự tác động có tổ chức, có định hướng phù hợp với quy luật khách quan của chủ thể quản lí giáo dục đến đối tượng quản lí nhằm đưa hoạt động giáo dục ở từng cơ sở và của toàn bộ hệ thống giáo dục đạt tới mục tiêu đã định. Ở Việt Nam, quản lí giáo dục là hệ thống tác động có mục*

đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lí giáo dục đến đối tượng quản lí sao cho hệ thống đó được vận hành theo đúng đường lối, chủ trương giáo dục của Đảng và Nhà nước ta nhằm đạt được mục tiêu giáo dục mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Mọi hoạt động giáo dục và QLGD đều hướng vào việc đào tạo và phát triển nhân cách thế hệ trẻ.

*** Quản lí công tác XHHGD**

Dựa vào các khái niệm về quản lí và XHHGD, ta có thể khái quát: *Quản lí công tác XHHGD là những tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà quản lí giáo dục đến công tác XHHGD theo đúng mục tiêu xã hội hóa giáo dục đã đề ra.*

Hay nói cách khác: *Quản lí công tác XHHGD là quá trình mà cơ quan quản lí giáo dục tác động đến công tác XHHGD bằng các biện pháp phù hợp nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội để thực hiện mục tiêu chung là xây dựng xã hội học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục quốc dân, đáp ứng mục tiêu giáo dục đã đề ra.*

1.2.4. Quản lí công tác XHHGD ở trường THCS thuộc xã khu vực 2

** Quản lí công tác XHHGD ở trường THCS*

Từ các khái niệm nêu trên, ta có thể khái quát: *Quản lí công tác XHHGD ở trường THCS là hoạt động mà các nhà quản lí tác động đến các trường THCS, giúp cho các trường THCS có thể huy động tối đa các nguồn lực của xã hội vào phát triển nhà trường, tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường THCS, đáp ứng thực hiện mục tiêu giáo dục mà nhà trường đã đề ra. Những hoạt động mà mà các nhà quản lí thực hiện đó là xây dựng cơ chế vận hành công tác XHHGD của nhà trường, định hướng hoạt động XHHGD đi đúng mục tiêu bằng các kế hoạch XHHGD cụ thể với những nội dung phù hợp, các giải pháp hợp lí, khả thi và lực lượng tham gia công tác XHHGD đa dạng.*

*** Quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2**

Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí xác định xã khu vực II thuộc khu vực vùng dân tộc và miền núi như sau: (1) Có dưới 35% số thôn đặc biệt khó khăn (tiêu chí bắt buộc). (2) Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 20% đến dưới 45%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20%. (3) Có ít nhất 2 trong 4 điều kiện sau:

Đường trục xã, liên xã đến thôn chưa được nhựa hóa, bê tông hóa; Còn có thôn chưa có điện lưới; Chưa đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. (4) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện sau: Có dưới 30% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề từ 30% đến dưới 60%; Có từ 30% đến dưới 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định. (5) Có ít nhất 1 trong 2 điều kiện: Còn từ 10% đến dưới 20% số hộ thiếu đất sản xuất theo quy định; Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn (Chính phủ, 2012).

Nhìn chung, xã thuộc khu vực 2 là xã thuộc vùng dân tộc và miền núi, có hơn 1/3 thôn đặc biệt khó khăn và tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo chiếm từ 20% trở lên. Bên cạnh đó, các điều kiện về đường giao thông, trường học, trạm y tế, đất canh tác, sản xuất còn nhiều hạn chế, thiếu thốn, chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân.

Do vậy, *quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 là hoạt động có kế hoạch, có mục đích của nhà quản lí tác động đến các trường THCS thuộc xã khu vực 2, giúp cho các trường vận động cha mẹ học sinh, nhân dân địa phương, cộng đồng, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương tài trợ tối đa các nguồn lực mà họ có thể vào đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, cảnh quan sư phạm, vận động học sinh ra lớp; tăng cường các điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của địa phương, đơn vị, đáp ứng mục tiêu giáo dục mà các nhà trường và địa phương đề ra.*

1.3. Công tác XHHGD ở trường THCS

1.3.1. Ý nghĩa của XHHGD ở trường THCS

Võ Tấn Quang cho rằng, làm tốt công tác xã hội hóa công tác giáo dục có những ý nghĩa thiết thực như: Nâng cao tính chất nhân dân, bản sắc dân tộc của nền giáo dục nước ta; tạo ra một "xã hội học tập" vừa phát huy truyền thống của dân tộc ta – một dân tộc hiếu học – thực hiện "ai cũng được học hành" và phù hợp với xu hướng của thời đại "học tập thường xuyên", "học suốt đời", giáo dục cho mọi người; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát huy hiệu quả xã hội của giáo

dục; góp phần làm cho giáo dục phục vụ những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; là một con đường để thực hiện dân chủ hóa giáo dục (Võ Tấn Quang, 2001).

Theo Phạm Thị Thu Hương, xã hội hóa công tác giáo dục có ý nghĩa: Huy động tối đa mọi tiềm năng của xã hội để phục vụ cho sự phát triển của giáo dục; tạo nên tính dân chủ trong giáo dục; tạo ra sự công bằng trong giáo dục; góp phần nâng cao hiệu quả quản lí của Nhà nước, phát huy tinh thần đoàn kết, truyền thống hiếu học của dân tộc (Phạm Thị Thu Hương, 2017).

Từ đó, ta thấy rằng, *XHHGD ở trường THCS có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nhất là các trường THCS thuộc các huyện miền núi, vùng cao, bởi vì XHHGD giúp: (1) Huy động được nguồn tài lực của xã hội, trong cộng đồng để xây dựng thêm phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, sân chơi, bãi tập, ...; mua sắm trang thiết bị dạy học đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của học sinh; (2) Huy động được nguồn nhân lực để cùng nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục, trải nghiệm; hỗ trợ nhà trường vận động học sinh ra lớp, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường; (3) Tạo cơ hội cho người dân, cha mẹ học sinh được tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; tham gia giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường; xây dựng hiệu quả sự phối hợp giữa giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội; (4) Tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn và hiện đại để các em học sinh THCS được học tập và phát triển.*

1.3.2. Bản chất của XHHGD ở trường THCS

Theo Nguyễn Minh Phương, XHHGD không phải là tư nhân hóa hoàn toàn các dịch vụ giáo dục và biến các dịch vụ này thành dịch vụ tư mà xã hội hóa hoạt động giáo dục là một phương cách ủy quyền có điều kiện của Nhà nước cho tư nhân cung ứng dịch vụ giáo dục để khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực, trí lực trong xã hội nhằm phát triển dịch vụ giáo dục, nâng cao khả năng và hiệu quả cung ứng dịch vụ giáo dục thông qua việc vận dụng quy luật thị trường, tạo cơ hội cạnh tranh giữa các đơn vị công lập và ngoài công lập (Nguyễn Minh Phương, 2012).

Phạm Thị Thu Hương cho rằng XHHGD ở nước ta hiện nay được dùng để chỉ quá trình chuyển giao các công việc giáo dục vốn đang do Nhà nước nắm giữ và thực

hiện sang các khu vực khác, với những nguồn lực và hình thức khác ngoài Nhà nước. Hay nói cách khác, XHHGD bao hàm cả quá trình tư nhân hóa, cổ phần hóa, chuyển giao những cơ sở giáo dục công lập cho dân lập và tư nhân, rộng hơn là chuyển giao một phần công việc đang do Nhà nước làm sang cho các tổ chức, cá nhân thực hiện dưới sự quản lí của Nhà nước (Phạm Thị Thu Hương, 2017).

Do vậy, *XHHGD là vận động và tổ chức sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển giáo dục nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục. XHHGD được hiểu là: Khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia vào quản lí và cung ứng dịch vụ giáo dục; đa dạng hóa các loại hình tổ chức hoạt động giáo dục; mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo phát triển giáo dục nhưng Nhà nước có vai trò chủ đạo trong quản lý và tổ chức và cung ứng các dịch vụ giáo dục.*

Tóm lại, *bản chất của XHHGD ở trường THCS là mở rộng không gian và quyền tham gia quản lí, tổ chức cung ứng và giám sát các dịch vụ giáo dục cho các trường THCS của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; là "Nhà nước và nhân dân cùng làm", Nhà nước tăng đầu tư, người dân phát huy nguồn lực trí tuệ, vật chất, tinh thần đóng góp vào các dịch vụ giáo dục ở các trường THCS theo khả năng, điều kiện của mình.*

1.3.3. Nguồn lực huy động XHHGD ở trường THCS

Hiệu trưởng các trường THCS cần có nhiều biện pháp để thực hiện hiệu quả công tác XHHGD của trường mình, thu hút tối đa nguồn lực từ cộng đồng vào phát triển giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, phải tuân thủ các quy định về huy động nguồn lực từ tài trợ trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD, không thể làm việc tùy ý để sai phạm có thể xảy ra.

Đối với việc huy động nguồn lực từ tài trợ, Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đã quy định hình thức nguồn lực tài trợ như sau:

(1) Tiền (tài lực): Theo Thông tư 16 quy định, các nhà tài trợ có thể tài trợ tiền bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ, kim cương, đá quý, kim loại quý trực tiếp cho cơ

sở giáo dục hoặc thông qua tài khoản của cơ sở giáo dục mở tại Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại. Do vậy, các cơ sở giáo dục có thể vận động các tổ chức, cá nhân tài trợ tiền, vàng, ngân phiếu hoặc các kim loại, đá quý khác. Nhà trường tiếp nhận trực tiếp hoặc mở tài khoản ngân hàng để tiếp nhận sao cho đảm bảo các quy định tiếp nhận nguồn lực tài trợ theo quy định.

(2) Hiện vật (vật lực): Nhà tài trợ chuyển giao cho cơ sở giáo dục các hiện vật như sách, vở, quần áo, lương thực, thực phẩm, vật liệu, thiết bị, đồ dùng dạy học, công trình xây dựng và các hiện vật khác có giá trị sử dụng, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người học và cơ sở giáo dục. Đối với hình thức tài trợ bằng công trình, việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

Đối với các trường THCS, nguồn vật lực cần thiết nhất để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học gồm: tranh ảnh, đồ dùng dạy học; ti vi, máy tính, máy chiếu; bàn ghế học sinh; thư viện, sách, báo; sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh và các công trình tôn tạo cảnh quan nhà trường như bồn hoa, cây cảnh, v.v.

(3) Phi vật chất (nhân lực và trí lực): Nguồn lực phi vật chất có thể là bản quyền và quyền sở hữu các tài sản thuộc sở hữu trí tuệ; quyền sử dụng đất; đóng góp ngày công lao động; cung cấp dịch vụ đào tạo, tham quan, khảo sát, hội thảo, chuyên gia tư vấn miễn phí.

Trong các nguồn lực phi vật chất nêu trên, các trường THCS có thể huy động ngày công lao động của phụ huynh, cộng đồng trong việc tôn tạo cảnh quan nhà trường, dọn dẹp vệ sinh, sơn sửa trường lớp. Bên cạnh đó, các trường THCS rất cần sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường đóng góp trí tuệ thông qua các buổi báo cáo, bồi dưỡng chuyên đề, v.v.

Học sinh THCS là lứa tuổi rất dễ có nguy cơ xảy ra bỏ học. Chỉ cần một nguyên nhân nhỏ như bạn bè rủ rê, học yếu, gia đình la rầy, ham chơi hoặc bất kì lí do gì, các em có thể quyết định bỏ học. Do vậy, các trường THCS có thể huy động các tổ chức, cá nhân tham gia huy động các em ra lớp, vận động học sinh bỏ học đi học trở lại hoặc tiếp cận các em để ngăn ngừa việc bỏ học có thể xảy ra. Bên cạnh

đó, các trường có thể vận động các tổ chức, cá nhân tài trợ các buổi tham quan, học hỏi, dã ngoại, trải nghiệm để tạo không khí học tập, thu hút các em vào các hoạt động xã hội, giúp các em có niềm vui khi đến trường, đến lớp.

Do vậy, các trường THCS khi thực hiện công tác xã hội hóa phải tuân thủ phương thức vận động tài trợ quy định. Với bất kỳ nguồn lực tài trợ nào thì các trường THCS cũng phải thành lập Tổ tiếp nhận tài trợ và thực hiện xây dựng kế hoạch vận động tài trợ được phòng GDĐT phê duyệt. Tổ tiếp nhận tài trợ thực hiện vận động với nhiều hình thức khác nhau và tiếp cận các đối tượng khác nhau nhưng phải đảm bảo công khai, minh bạch. Tổ tiếp nhận tài trợ còn có trách nhiệm phổ biến, thông tin rộng rãi mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc của hoạt động tài trợ; cung cấp thông tin về thời gian, địa chỉ, tên và số tài khoản tiếp nhận tài trợ của cơ sở giáo dục; nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng các khoản tài trợ bằng hiện vật hoặc phi vật chất. Với bất kì khoản tài trợ nào, lớn hay nhỏ, vật chất hay phi vật chất thì nhà trường phải tổ chức tiếp nhận tài trợ theo đúng quy định.

1.3.4. Phối hợp các lực lượng trong XHHGD ở trường THCS

Từ ý nghĩa và bản chất của XHHGD, ta có thể khẳng định rằng, trong công tác XHHGD, nếu không có sự phối kết hợp giữa các trường THCS với các lực lượng khác ngoài nhà trường thì các trường rất khó có thể đạt được mục tiêu XHHGD đã đề ra. Do vậy, để làm tốt công tác XHHGD, các trường THCS cần có sự phối kết hợp với các lực lượng xã hội trong và ngoài địa phương; tùy vào vai trò, ý thức và trách nhiệm của họ để huy động sự tham gia của nhiều lực lượng nhất vào thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Trường THCS cần tăng cường tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương để nâng cao trách nhiệm cũng như tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của họ đối với nhiệm vụ giáo dục của địa phương; huy động sự tham gia của Mặt trận tổ quốc ở địa phương để phát huy tiềm năng tập hợp quần chúng của tổ chức này. Mặt trận tổ quốc có thể giúp nhà trường kêu gọi các lực lượng, tổ chức, cá nhân; tổ chức thành phong trào quần chúng thực hiện chương trình, kế hoạch xã hội hóa giáo dục của nhà trường; giúp nhà trường huy động mọi nguồn lực của từng lực lượng tham gia.

Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với Đoàn thanh niên để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chương trình giáo dục của nhà trường, các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, v.v. Bên cạnh Đoàn thanh niên thì Hội Liên hiệp phụ nữ địa phương ngày nay có uy tín và ảnh hưởng lớn đến gia đình và đời sống cộng đồng. Nhà trường có thể phối hợp với họ để vận động học sinh ra lớp; động viên, giúp đỡ học sinh bỏ học trở lại trường; giúp nhà trường thực hiện công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; thông qua các phong trào của phụ nữ, vận động phụ nữ trong gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các em ngay tại gia đình.

Trong nhiều hoạt động ngoại khóa của nhà trường, nhất là hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức, tình cảm, lòng yêu nước cho học sinh, nhà trường rất cần sự phối hợp với Hội cựu chiến binh để huy động kinh nghiệm và sự hiểu biết của họ, kêu gọi sự tham gia của họ trong giáo dục quốc phòng, giáo dục truyền thống, đạo đức, … cũng như tham gia xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong từng gia đình và cộng đồng.

Tại địa phương, các trường cũng có thể phối hợp tốt với trạm y tế và văn hóa xã tham gia vào thực hiện công tác XHHGD. Trạm y tế có thể hỗ trợ khám sức khỏe học sinh, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, v.v. Văn hóa xã có thể hỗ trợ phương tiện văn hóa, tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, hướng dẫn tham quan thắng cảnh, di tích lịch sử tại địa phương, v.v.

Ngoài các lực lượng trên, còn có những tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đóng trong và ngoài địa bàn như tổ chức tôn giáo, các doanh nhân, các hộ kinh doanh buôn bán, các nhà giáo, công chức, viên chức đã nghỉ hưu, v.v cũng có thể tham gia thực hiện rất tốt công tác XHHGD của nhà trường.

1.3.5. Nội dung XHHGD ở trường THCS

Theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ, XHHGD gồm các nội dung: (1) Tạo ra phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội theo nhiều hình thức; vận động toàn dân, trước hết là những người trong độ tuổi lao động, thực hiện học tập suốt đời để làm việc tốt hơn, thu nhập cao hơn và có cuộc sống tốt đẹp hơn, làm cho xã hội ta trở thành một xã hội học tập; (2) Vận động toàn dân chăm sóc thế hệ trẻ, tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục

trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và giáo dục ngoài xã hội; tăng cường trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, các đoàn thể quần chúng, các doanh nghiệp... đối với sự nghiệp giáo dục; (3) Nâng cao ý thức trách nhiệm và sự tham gia của toàn dân đối với giáo dục nhằm củng cố, tăng cường hiệu quả của hệ thống giáo dục để phục vụ tốt việc học tập của nhân dân.

Từ nội dung mà Chính phủ quy định trong Nghị quyết số 90 và tình hình thực tế ở các địa phương, ta có thể thấy rằng, nội dung công tác XHHGD ở trường THCS chủ yếu bao gồm:

(1) Tuyên truyền nhằm tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân đối với sự nghiệp giáo dục của địa phương; nâng cao nhận thức trong cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; hỗ trợ nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường, ngoài nhà trường và tại gia đình học sinh;

(2) Huy động các nguồn lực xã hội tạo môi trường giáo dục thuận lợi trong và ngoài nhà trường như kêu gọi cộng đồng, các tổ chức, cá nhân, các mạnh thường quân tham gia tài trợ các nguồn nhân lực, vật lực, trí lực và tài lực cho nhà trường, giúp nhà trường đảm bảo các điều kiện tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục.

Khi các trường tập trung thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nội dung trên thì chắc chắn trường đó sẽ huy động được tối đa nguồn lực xã hội tham gia vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

1.3.6. Hình thức thực hiện XHHGD ở trường THCS

Khi nói đến công tác XHHGD ở trường THCS, câu hỏi thường đặt ra cho các nhà quản lí giáo dục là XHHGD cần được tổ chức như thế nào. Giải quyết được vấn đề này sẽ có ý nghĩa vô cùng tích cực trong việc góp phần nâng cao chất lượng công tác XHHGD. Để thực hiện có hiệu quả công tác XHHGD ở các trường THCS, đòi hỏi các nhà quản lí giáo dục phải có các hình thức tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với tình hình của địa phương. Các hình thứ chủ yếu của XHHGD hiện nay gồm:

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Để tạo điều kiện cho mọi người đều được học tập, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, Đảng và Nhà nước ta chủ

trương đa dạng hóa các loại hình học tập như học tập chính quy, không chính quy; tập trung, không tập trung, học từ xa, học qua mạng. Đối với các trường THCS hiện nay, hình thức đa dạng hóa loại hình học tập không nhiều, chỉ tập trung ở các thành phố lớn, chủ yếu là học chính quy tại trường, học phổ cập giáo dục; học một buổi hoặc học hai buổi/ngày.

Lập các cơ sở đào tạo theo phương thức không chính quy. Hình thức này được thực hiện thông qua các trường bổ túc văn hóa; các trung tâm giáo dục thường xuyên-giáo dục nghề nghiệp; các trung tâm giáo dục ngoài giờ như trung tâm ngoại ngữ, tin học, dạy nghề; mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo chuyên và không chuyên được thực hiện rất đa dạng về hình thức và nội dung học tập.

Du học tự túc do gia đình tài trợ hoặc vừa làm vừa học ở nước ngoài. Hình thức này phổ biến hơn ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc cao đẳng, đại học. Cấp THCS ít được thực hiện hơn, nhất là ở vùng nông thôn vì rất tốn kém và học sinh THCS ở độ tuổi không thể vừa học, vừa làm.

Lập các học bổng, giải thưởng khuyến học do cá nhân hay tổ chức trong và ngoài nước tài trợ. Hình thức này dễ dàng được thực hiện bởi các trường THCS ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc vì các mạnh thường quân, các nhà tài trợ thường quan tâm hỗ trợ vùng khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện được hình thức này, người hiệu trưởng nhà trường phải thật sự năng động trong công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân ở các vùng phát triển quan tâm và đồng ý tài trợ.

Tổ chức, tạo điều kiện cho người dân và các tổ chức tham gia góp ý kiến vào các quyết sách liên quan đến giáo dục như chiến lược phát triển GDĐT, chương trình đạo tạo, sách giáo khoa, cải tiến thi cử. Hiện nay, hình thức này chủ yếu được thực hiện ở tầm vĩ mô, đối với các cấp quản lí thuộc trung ương và tỉnh. Tuy nhiên, trong tương lai, khi trình độ dân trí cao hơn, việc phân cấp quản lí rộng hơn đến các cơ sở giáo dục thì các cơ sở giáo dục có thể sử dụng hình thức này để tạo điều kiện cho người dân tại địa phương tham gia vào đóng góp ý kiến cho chương trình giáo dục của nhà trường; những chủ trương, kế hoạch mà nhà trường đề ra.

Liên kết với các trường nước ngoài trong công tác giáo dục, đào tạo; mời chuyên gia giáo dục nước ngoài hoặc người ngoài ngành đến giảng dạy. Đây là hình

thức góp phần nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế cũng như chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, hình thức này rất khó thực hiện đối với các trường THCS vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa vì nguồn lực tham gia thực hiện còn nhiều hạn chế, nhất là nguồn tài lực và nhân lực; khả năng sử dụng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên cũng còn nhiều hạn chế, khó thực hiện được.

Thành lập và củng cố các tổ chức hội như hội khuyến học, hội cha mẹ học sinh, hội đồng giáo dục, ủy ban văn hóa giáo dục. Các tổ chức trên là lực lượng quan trọng giúp cho các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện công tác XHHGD của mình. Do vậy, cần đưa các tổ chức trên vào hoạt động có quy củ và hiệu quả. Đây là những tổ chức làm đầu mối, tạo niềm tin giữa các nhà tài trợ và các cơ sở giáo dục. Việc củng cố các tổ chức hội này cần phải được thực hiện từ trung ương đến cơ sở thì hiệu quả hoạt động của nó mới đáp ứng yêu cầu.

Nhà nước khuyến khích bằng chính sách tài chính trong lĩnh vực giáo dục. Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường đã đưa ra các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa cũng như các nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa như giao đất làm trường, không thu tiền sử dụng đất, miễn đóng thuế giá trị gia tăng, ưu đãi thuế đất, ưu đãi tín dụng. Hình thức này chỉ được các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện; các cơ sở giáo dục chỉ là người tham mưu.

Nhà nước điều tiết ngân sách và điểm chuẩn thi tuyển theo hướng ưu tiên cho các vùng miền và các đối tượng. Hình thức này cũng chỉ được thực hiện bởi các cơ quan hành chính nhà nước.

Tóm lại, đối với các trường THCS có thể thực hiện các hình thức XHHGD sau:

(1) Lập các học bổng, các quỹ khuyến học trong nhà trường, kêu gọi các nhà tài trợ, các nhà hảo tâm hỗ trợ cho học bổng và quỹ khuyến học của nhà trường;

(2) Tạo điều kiện cho người dân, cha mẹ học sinh tham gia đóng góp cho chương trình giáo dục cũng như các chủ trương, kế hoạch nhà trường để chương trình giáo dục cũng như các chủ trương, kế hoạch nhà trường phù hợp với điều kiện

thực tế địa phương, khả thi và được đồng thuận cao;

(3) Liên kết với các trường trong vùng, các cơ sở giáo dục trong huyện, trong tỉnh để hỗ trợ thực hiện kế hoạch giáo dục; kêu gọi các nhà trí thức ở địa phương tham gia giảng dạy, giáo dục miễn phí cho học sinh;

(4) Củng cố hội khuyến học của nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh, hội đồng trường và các hội đồng khác. Huy động các tổ chức này tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

1.3.7. Điều kiện thực hiện XHHGD ở trường THCS

Để các trường THCS triển khai thực hiện hiệu quả công tác XHHGD, đòi hỏi nhà trường phải có các điều kiện cần và đủ để đảm bảo triển khai thực hiện công tác XHHGD dục mang lại hiệu quả.

Thứ nhất là hệ thống văn bản đầy đủ, rõ ràng và khả thi

Các trường cần nắm bắt đầy đủ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác XHHGD. Hệ thống các văn bản cụ thể, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội thể hiện sự quản lí, chỉ đạo đồng bộ, thống nhất của Đảng và Nhà nước ta về công tác XHHGD, do vậy, Đảng và Nhà nước ta đã và đang có những chủ trương, chính sách cụ thể về công tác XHHGD thông qua các Chỉ thị, Nghị quyết về công tác XHHGD; đồng thời có kế hoạch tổ chức triển khai, quán triệt trong nội bộ Đảng, trong các tổ chức chính trị, …

Thứ hai là nhận thức của các lực lượng tham gia vào công tác XHHGD

Nhà trường cần phải tuyên truyền sâu rộng trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường cũng như các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương để hình thành nhận thức của họ đối với công tác XHHGD. Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Vì thế, muốn thực hiện công tác XHHGD ở trường THCS đạt kết quả tốt, trước hết phải có sự nhận thức đúng đắn và đồng bộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cũng như phụ huynh học sinh và cộng đồng. Các cấp ủy Đảng, chính quyền phải quán triệt các Nghị quyết của Đảng về thực hiện công tác XHHGD và thực hiện đúng trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giáo dục của địa phương. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà

trường phải nhận thức được đây là trách nhiệm, là nghĩa vụ của mỗi thành viên trong nhà trường. Phụ huynh học sinh và cộng đồng cũng cần nhận thức rõ trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân trong cộng đồng đối với sự nghiệp giáo dục của địa phương, của đất nước.

Thứ ba là sự tham gia, vào cuộc của các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương

Chủ trương XHHGD phải được triển khai rộng khắp trong các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và quần chúng nhân dân; làm cho mọi tầng lớp xã hội nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác XHHGD. Nhà trường phải xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm huy động cả hệ thống chính trị tham gia vào quá trình thực hiện công tác XHHGD tại địa phương. Tùy vào vai trò và nhiệm vụ của từng lực lượng xã hội để có thể vận động tham gia vào thực hiện các mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Thứ tư là năng lực hoạt động của Hội đồng giáo dục cấp cơ sở

Năng lực hoạt động của Hội đồng giáo dục cấp cơ sở cũng ảnh hưởng rất lớn đến thành công của công tác XHHGD. Một hội đồng giáo dục có cơ chế hoạt động hữu hiệu, phân công phân nhiệm rõ ràng; thực hiện đúng chức năng tư vấn cho địa phương cách làm giáo dục; lập được kế hoạch cụ thể, rõ ràng, có giải pháp phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương sẽ giúp địa phương tăng cường mức độ phối hợp giữa các lực lượng xã hội vào các hoạt động giáo dục của địa phương.

- Thứ năm là sự chủ động của cha mẹ học sinh trong giáo dục và phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục.

Nâng cao nhận thức của các bậc cha mẹ học sinh, của cộng đồng về công tác XHHGD là rất quan trọng, góp phần tích cực vào việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, bảo đảm điều kiện cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Gia đình có nhiều tiềm năng trong việc xã hội hóa cá nhân. Vai trò và trách nhiệm của gia đình trong giáo dục con cái ngày càng cao. Gia đình ảnh hưởng rất lớn đến đời sống tinh thần và vật chất của mỗi thành viên trong quá trình trưởng thành và phát triển. Do vậy gia đình là môi trường giáo dục thuận lợi cho sự phát triển nhân

cách trẻ em. Cùng với nhà trường, gia đình và xã hội góp phần hình thành nhân cách của trẻ tốt nhất. Sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường quyết định rất lớn đến thành công của giáo dục nhà trường.

- Thức sáu là yếu tố kinh tế, đời sống ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội và có tác động qua lại đối với giáo dục

Kinh tế phát triển là điều kiện thuận lợi tạo nguồn lực đầu tư để giáo dục phát triển. Khi địa phương có nền kinh tế chậm phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn thì sẽ hạn chế việc huy động các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện các mục tiêu XHHGD. Yếu tố văn hóa có ảnh hưởng đến điều kiện để phát triển giáo dục. Đời sống văn hóa phong phú góp phần thúc đẩy giáo dục phát triển. Môi trường xã hội có văn hóa là điều kiện để hình thành và phát triển nhân cách con người. Môi trường xã hội có văn hóa còn tạo điều kiện thuận lợi để mọi người có nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tham gia nghiên cứu, học tập; đồng thời tham gia vào quá trình sáng tạo các giá trị văn hóa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cuộc sống.

- *Thứ bảy là truyền thống hiếu học của địa phương cũng là điều kiện tốt để thực hiện công tác XHHGD*

Địa phương có truyền thống hiếu học sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần, thái độ học tập của học sinh và cộng đồng. Những tấm gương của gia đình hiếu học, của dòng họ hiếu học sẽ tác động mạnh mẽ đến ý thức học tập con cháu, tạo niềm tin để học sinh phấn đấu và rèn luyện, học tập. Đây là điều kiện thuận lợi để dấy lên phong trào học tập trong cộng đồng, góp phần phát triển giáo dục ở địa phương.

- *Thứ tám là vai trò, trách nhiệm của nhà trường là rất quan trọng trong công tác XHHGD*

Giáo dục là hoạt động xã hội, do toàn xã hội chăm lo. Tuy nhiên, trong tiến trình lịch sử, do sự phân công lao động, sự chuyên môn hóa đã sinh ra hệ thống giáo dục và nhà trường. Nhà trường trở thành một hình thức, thiết chế giáo dục mang tính tổ chức cao. Nhà trường hoạt động theo chương trình, kế hoạch, có đội ngũ những nhà chuyên môn được đào tạo một cách hệ thống, có những phương tiện chuyên môn (*cơ sở trường, lớp, trang thiết bị...*) để chuyển tải nội dung bằng những phương pháp khoa học, hợp lý, nhằm thực hiện một hệ thống những mục tiêu, mục đích giáo dục

đã đề ra.

- Thứ chín là năng lực và tầm nhìn của hiệu trưởng trong công tác XHHGD

Hiệu trưởng nhà trường phải có năng lực và tầm nhìn chiến lược để làm chức năng tham mưu cho lãnh đạo địa phương. Hiệu trưởng nhà trường phải là người tư vấn đắc lực để sức mạnh XHHGD chuyển thành chất lượng xã hội hóa cá nhân. Hiệu trưởng phải tham mưu kịp thời cho địa phương để xây dựng và thực hiện công tác XHHGD cho phù hợp và đạt hiệu quả. Do vậy, hiệu trưởng nhà trường phải có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, vai trò, nội dung của công tác XHHGD để tham mưu và tổ chức các hoạt động XHHGD trong nhà trường. Hiệu trưởng tham mưu kịp thời cho lãnh đạo địa phương, tổ chức tốt các hoạt động XHHGD của nhà trường sẽ nhanh chóng góp phần phát triển nhà trường và nâng cao chất lượng giáo dục.

Hiệu quả quản lý công tác XHHGD được thể hiện qua việc xây dựng kế hoạch cho công tác XHHGD, thành lập các tổ chức, phân công trách nhiệm các thành viên, tổ chức hoạt động, kiểm tra đôn đốc, v.v. Nếu năng lực của hiệu trưởng tốt, các hoạt động XHHGD trên sẽ lan tỏa đến thầy cô giáo, nhân viên, học sinh đến xã hội. Khi đó, công tác XHHGD của nhà trường sẽ được xã hội đồng thuận cao, hiệu quả hoạt động của XHHGD đem lại không nhỏ.

- *Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là vai trò tham gia của đội ngũ giáo viên, nhân viên đối với công tác XHHGD*

Giáo viên, nhân viên là những thành viên tích cực trực tiếp tham gia các hoạt động của công tác XHHGD. Họ là cầu nối giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh, giữa nhà trường với các đoàn thể xã hội. Thông qua hoạt động chủ nhiệm lớp, hoạt động dạy học, mối gắn kết của giáo viên và Ban đại diện cha mẹ phụ huynh ngày càng chặt chẽ hơn trong việc giáo dục học sinh. Vì vậy, để công tác XHHGD có hiệu quả cao, không ngừng nâng cao nhận thức về XHHGD cho giáo viên, nhân viên là việc làm thường xuyên. Nếu tập thể giáo viên, nhân viên có nhận thức tốt, tham gia, đóng góp bằng sức lực và trí tuệ một cách tích cực vào các hoạt động XHHGD của nhà trường thì kết quả đạt được sẽ rất cao. Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên động viên, đánh giá khen thưởng kịp thời để công tác XHHGD được duy trì thường xuyên và có kết quả tốt.

1.3.8. Kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD ở trường THCS

Kiểm tra, đánh giá là việc làm thường xuyên và không thể thiếu được của các nhà quản lí. Đối với công tác XHHGD, theo Võ Tấn Quang, một trong những nội dung quản lí Nhà nước trong việc thực hiện XHHGD là "Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, giám sát các lực lượng xã hội làm giáo dục dựa vào chủ trương của cấp trên, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về xã hội hóa công tác giáo dục" (Võ Tấn Quang, 2001). Đây là trách nhiệm của chính quyền các cấp thực hiện quản lí Nhà nước trong thực hiện XHHGD.

Đối với công tác XHHGD ở trường THCS, ngoài trách nhiệm kiểm tra, giám sát của chính quyền, Hội đồng nhân dân các cấp, công tác kiểm tra, đánh giá còn được thực hiện thường xuyên bởi cơ quan quản lí trực tiếp là Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và công tác tự kiểm tra của hiệu trưởng nhà trường; sự giám sát của cha mẹ học sinh, của cộng đồng.

Đối với cơ quan quản lí cấp trên việc kiểm tra, giám sát công tác XHHGD của các trường THCS chủ yếu tập trung vào việc quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường với các nội dung sau:

(1) Công tác tuyên truyền, phổ biến cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng về chủ trương XHHGD của Đảng và Nhà nước và các quy định của Bộ GDĐT;

(2) Công tác thành lập Tổ tiếp nhận tài trợ; việc xây dựng kế hoạch vận động tài trợ được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; xem xét nội dung, mục đích, đối tượng thụ hưởng, dự toán kinh phí và kế hoạch triển khai hoạt động cần tài trợ; nguyên tắc vận động, tiếp nhận và quản lí và sử dụng tài trợ;

(3) Việc tổ chức tiếp nhận tài trợ có đảm bảo yêu cầu của Khoản 2, Điều 6 Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

(4) Việc quản lí và sử dụng tài trợ của cơ sở giáo dục; xem xét việc lập kế hoạch sử dụng tài trợ, việc công bố và niêm yết công khai kế hoạch sử dụng khoản tài trợ;

(5) Việc thực hiện trách nhiệm của hiệu trưởng trường THCS về vận động, tiếp nhận, quản lí và sử dụng các khoản tài trợ cho cơ sở giáo dục.

Đối với hiệu trưởng các trường THCS, việc kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD của nhà trường thường tập trung vào các nội dung sau:

(1) Xem xét, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch XHHGD của mình. Việc kiểm tra tập trung rà soát, xem xét công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, các quy định về XHHGD của các thành viên tham gia thực hiện kế hoạch XHHGD của nhà trường;

(2) Việc thực hiện các quy định về tiếp nhận tài trợ, việc ghi chép các khoản tài trợ của kế toán; việc tiếp nhận tài trợ thông qua tài khoản của Tổ tiếp nhận tài trợ;

(3) Việc sử dụng tài trợ có đúng mục đích đã đề ra, đảm bảo tiến độ thời gian, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn, định mức quy định; trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng và mua sắm đấu thầu;

(4) Việc sử dụng các công trình, sản phẩm từ các khoản tài trợ có đúng mục đích, có hiệu quả và không thất thoát, lãng phí;

(5) Việc theo dõi và ghi chép giá trị của khản tài trợ trong sổ kế toán theo quy định.

1.4. Chức năng quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS

Quản lí công tác XHHGD là hoạt động quan trọng bởi vì công tác XHHGD mang tính quần chúng, cộng đồng, có liên quan trực tiếp đến nhiều người, vấn đề XHHGD đa dạng và mang tính nhạy cảm. Quản lí công tác XHHGD là quản lí nguồn lực đầu tư từ ngân sách do nhà nước cấp và các nguồn lực khác từ sự đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho sự phát triển giáo dục. Trách nhiệm quản lí công tác XHHGD ở trường THCS là trách nhiệm của phòng GDĐT và hiệu trưởng các trường THCS. Trong khuôn khổ giới hạn về nội dung trong phạm vi nghiên cứu, người nghiên cứu tập trung nghiên cứu về chức năng quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS.

Để quản lí có hiệu quả công tác XHHGD, người hiệu trưởng phải thực hiện tốt các chức năng quản lí của mình bao gồm việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ

đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD. Trong điều kiện đổi mới giáo dục hiện nay, chủ trương đẩy mạnh công tác XHHGD, xây dựng xã hội học tập được Đảng và Nhà nước ta đề ra với nhiều cơ chế mở, tạo cơ hội cho các nhà quản lí nâng cao hiệu quả quản lí công tác XHHGD của mình. Tuy nhiên, nếu không thực hiện tốt các chức năng quản lí của mình, nhà quản lí sẽ dễ dàng mắc sai lầm và thất bại trong công tác quản lí. Việc quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS cũng không nằm ngoài vấn đề trên.

1.4.1. Lập kế hoạch XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS

Kế hoạch là toàn bộ những điều vạch ra một cách có hệ thống và cụ thể về cách thức, trình tự, thời gian tiến hành những công việc dự định làm trong một thời gian nhất định, với mục tiêu nhất định. (Hoàng Phê, 2016).

Đây là chức năng đầu tiên, mang tính tiền đề, là cơ sở để hoạt động và phát triển công tác quản lí. Công tác quản lí hoạt động XHHGD tại các trường THCS đòi hỏi hiệu trưởng nhà trường phải xây dựng được một kế hoạch hoạt động bao quát trên nhiều phương diện, đánh giá và phân tích được nhiều vấn đề từ đó đưa ra được các định hướng đúng đắn cũng như phương án giải quyết vấn đề. Trong chu trình này, kế hoạch của hiệu trưởng nhà trường phải đảm bảo được các yêu cầu:

Đảm bảo được cơ sở pháp lí để các hoạt động xã hội hóa trong nhà trường được pháp luật nhà nước công nhận và bảo vệ. Khi xây dựng kế hoạch, hiệu trưởng nhà trường phải nghiên cứu kĩ văn bản, vận dụng linh hoạt nhưng phải đảm bảo các quy định của nhà nước, của ngành và địa phương về công tác XHHGD ở trường THCS mà mình quản lí. Kế hoạch phải xác định được nguyên tắc XHHGD của nhà trường. Quy trình lập kế hoạch theo trình tự như sau:

Thứ nhất, hiệu trưởng các trường THCS phải phân tích được tình hình, bối cảnh của nhà trường cũng như ngoài xã hội: điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn, thuận lợi bên trong nhà trường cũng như ngoài địa phương. Ngoài ra, có thể phân tích đến từng nguồn lực xã hội từ đó đưa ra được phương hướng để huy động các nguồn lực xã hội phù hợp tham gia thực hiện công tác XHHGD của nhà trường.

Thứ hai, khi xây dựng kế hoạch, hiệu trưởng phải xác định mục tiêu dài hạn, ngắn hạn của nhà trường khi thực hiện các hoạt động XHHGD. Việc xác định mục

tiêu XHHGD của nhà trường khi xây dựng kế hoạch XHHGD giúp cho việc huy động nguồn lực xã hội hóa đi đúng hướng, đáp ứng yêu cầu của nhà trường và tình hình thực tế của địa phương, giúp hạn chế việc huy động nguồn lực XHHGD một cách tràn lan, không phù hợp với nhu cầu thực tế của nhà trường.

Thứ ba, từ mục tiêu đã xác định, hiệu trưởng nhà trường phải xác định được các nội dung, phương pháp và hình thức thực hiện công tác XHHGD cụ thể. Từ đó, giúp cho các lực lượng trong và ngoài nhà trường (đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên nhà trường, cha mẹ học sinh, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, đoàn thể) nắm bắt cụ thể nhiệm vụ, phương thức thực hiện công tác XHHGD của nhà trường.

Thứ tư, ứng với từng kế hoạch hành động cụ thể nêu trên, nhà quản lí phải hoạch định ra tiến độ thực hiện kèm theo xây dựng dự trù kinh phí tiến hành hoạt động. Nếu có nhiều kế hoạch hành động, nhà quản lí phải cẩn thận xây dựng tiến độ để có thể thực hiện được nhiều nhiệm vụ với chất lượng cao nhất trong thời gian ngắn nhất. Việc làm này giúp cho hiệu trưởng nhà trường đảm bảo được nguồn nhân lực và tài lực có được tham gia vào thực hiện công tác XHHGD của mình.

Cuối cùng, trước khi tổ chức thực hiện kế hoạch, hiệu trưởng nhà trường cần xem xét lại kế hoạch mà mình xây dựng có khắc phục được những hạn chế tồn tại so với kế hoạch các năm học trước không; đồng thời phổ biến dự thảo kế hoạch để lấy ý kiến và sự đồng thuận của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên nhà trường nhằm đảm bảo tính khả thi và phù hợp của kế hoạch đề ra.

Tóm lại, công tác lập kế hoạch công tác XHHGD ở trường THCS phải đảm bảo các yêu cầu sau: Kế hoạch công tác XHHGD của nhà trường được xây dựng cụ thể, chi tiết, đầy đủ nội dung theo từng năm học; xác định được nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, các lực lượng tham gia thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Bên cạnh đó, việc xác định thời gian và dự kiến nguồn kinh phí thực hiện cho từng nhiệm vụ của công tác XHHGD cũng vô cùng cần thiết. Kế hoạch xã hội hóa của nhà trường phải thể hiện được sự khắc phục những tồn tại, hạn chế và việc phát huy những điểm mạnh của kế hoạch trước. Nội dung kế hoạch XHHGD của nhà trường phải đạt được sự nhất trí cao khi thông qua hội đồng sư phạm của nhà

trường.

1.4.2. Tổ chức công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS

Chu trình tổ chức thực hiện kế hoạch có thể được hiểu là quá trình tiếp nhận nhiệm vụ và sắp xếp cho các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) sẵn có tương ứng với các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu hoạt động theo kế hoạch đã đề ra. Do vậy, để tổ chức thực hiện kế hoạch công tác XHHGD tại các trường THCS, hiệu trưởng nhà trường cần thực hiện các hoạt động sau:

Xây dựng được môi trường thuận lợi, hoan nghênh và khuyến khích sự tham gia của các lực lượng vào thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Tạo được môi trường tham gia một cách cởi mở giúp cho các lực lượng tham gia vào công tác XHHGD của nhà trường cảm thấy thoải mái, tự giác thực hiện thì hiệu quả thực hiện sẽ cao hơn.

Khi đã tạo được môi trường đồng thuận, hiệu trưởng nhà trường xem xét và phân tích năng lực của nhà trường và các thành viên tham gia công tác XHHGD, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập ban tiếp nhận tài trợ để thực hiện công tác vận động và tiếp nhận các nguồn tài trợ đảm bảo đúng quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT. Tổ tiếp nhận tài trợ bao gồm các thành phần: Hiệu trưởng nhà trường; Kế toán; Ban đại diện cha mẹ học sinh; Tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; đại diện của cộng đồng dân cư trên địa bàn đặt trụ sở của trường THCS.

Hiệu trưởng phải biết lựa chọn nguồn nhân lực xã hội và nhóm/cá nhân trong nhà trường tương ứng để phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng nhóm, cá nhân tổ chức thực hiện công tác XHHGD hiệu quả. Việc xem xét và phân tích năng lực vốn có của nhà trường (vật lực, nhân lực, tài lực) để hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp ứng với các nhóm hoặc cá nhân cụ thể. Đối với các trường THCS thuộc xã khu vực 2 thì hoạt động này là rất cần thiết đối với người hiệu trưởng vì nguồn lực sẵn có rất hạn chế. Do vậy, khi xem xét, phân tích và đánh giá được năng lực sẵn có giúp cho hiệu trưởng nhà trường lựa chọn, vận dụng được phương pháp phù hợp, khả thi trong thực hiện kế hoạch XHHGD của mình. Bên cạnh đó còn giúp hiệu trưởng nhà trường xác định bao quát nguồn lực để tìm ra các nguồn lực khác có thể cùng thực hiện các

nhiệm vụ đã đề ra. Trong tổ chức thực hiện, người hiệu trưởng phải đảm bảo mọi sự phân công phù hợp với nhiệm vụ tương ứng và luôn có cách tổ chức khác nếu sự phân công ở trên không phù hợp; thống nhất các quy định và tổ chức các lực lượng trong nhà trường tham gia thực hiện. Làm được điều này giúp hiệu trưởng nhà trường có đầy đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện kế hoạch công tác XHHGD của mình.

Ngoài ra, để công tác XHHGD được tổ chức thực hiện thuận lợi, hiệu trưởng nhà trường cần xây dựng được mối quan hệ phối hợp với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội địa phương, cộng đồng và cha mẹ học sinh. Hiệu trưởng nhà trường có thể gặp gỡ, trao đổi, phổ biến kế hoạch và kêu gọi hưởng ứng công tác XHHGD của nhà trường.

Để mở rộng đối tượng tham gia tài trợ, hiệu trưởng nhà trường cần tổ chức hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm từ đồng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác để tạo dựng các mối quan hệ cũng như học hỏi kinh nghiệm trong thực hiện công tác XHHGD từ đồng nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

1.4.3. Chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS

Quá trình chỉ đạo thực hiện kế hoạch công tác XHHGD của nhà trường là quá trình hiệu trưởng nhà trường tương tác trực tiếp với nguồn nhân lực huy động tham gia thực hiện công tác XHHGD của mình. Do vậy, việc chỉ đạo thực hiện đóng vai trò vô cùng quan trọng nhằm mục đích đảm bảo và điều chỉnh các kế hoạch được từng nhóm, cá nhân thực hiện đúng hướng, đạt mục tiêu đề ra. Để thực hiện tốt điều này, hiệu trưởng nhà trường cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

Trước tiên, hiệu trưởng nhà trường phải đưa ra các hướng dẫn cụ thể cho từng nhóm, cá nhân xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng nhiệm vụ hoạt động xã hội hóa tại nhà trường. Hiệu trưởng cần phổ biến phương hướng hành động; hướng dẫn cụ thể từng nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện cho từng thành viên tham gia thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Các hướng dẫn rõ ràng giúp cho từng nhóm, cá nhân hiểu rõ nhiệm vụ được giao và thực hiện nó như thế nào. Từ đó, họ chủ động

xây dựng kế hoạch hành động của mình đáp ứng các yêu cầu kế hoạch XHHGD của nhà trường đề ra cho từng nội dung, từng nhóm, cá nhân thực hiện.

Ngoài ra, trong quá trình chỉ đạo thực hiện kế hoạch, hiệu trưởng cần công khai cụ thể các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các lực lượng tham gia công tác XHHGD của nhà trường. Mặc dầu trong thực tế nguồn lực này rất hạn chế nhưng đây là nguồn động viên kịp thời về tinh thần cho các lực lượng tham gia, giúp họ cảm thấy được quan tâm, khuyến khích khi tham gia thực hiện nhiệm vụ được giao.

Sau khi các nhóm, cá nhân xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện kế hoạch của mình, hiệu trưởng nhà trường cần thường xuyên đôn đốc, thúc đẩy các thành viên được phân công nhiệm vụ thực hiện kế hoạch theo đúng yêu cầu và chức năng, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cần động viên, khuyến khích kịp thời việc thực hiện kế hoạch của nhóm, cá nhân nhằm đảm bảo mọi hoạt động có thể được thực hiện hiệu quả và nhịp nhàng nhất.

Khi phát hiện tình huống có vấn đề xảy ra trong quá trình thực hiện của từng nhóm, cá nhân, hiệu trưởng phải kịp thời đưa ra các phương án giải quyết và điều chỉnh các trường hợp thực hiện không đúng theo kế hoạch hoặc không đáp ứng mục tiêu đề ra. Động viên, khuyến khích kịp thời nhằm tạo động lực cho đội ngũ trong thực hiện kế hoạch. Việc nắm bắt tình hình, phát hiện tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của các lực lượng tham gia vào công tác XHHGD của nhà trường phải nhanh chóng và kịp thời để có thể đưa ra các xử lí và giải quyết hiệu quả.

1.4.4. Kiểm tra, đánh giá kết quả công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS

Kiểm tra, đánh giá là một trong những chức năng vô cùng quan trọng trong các chức năng quản lí. Đối với quản lí công tác XHHGD ở trường THCS, hiệu trưởng nhà trường cần đặc biệt chú ý đến chức năng này. Bởi vì, thông qua kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch công tác XHHGD của nhà trường, hiệu trưởng nhà trường có thể nắm bắt được mức độ, hiệu quả triển khai thực hiện kế hoạch so với mục tiêu đề ra nhằm rút kinh nghiệm, điều chỉnh sai lệch kịp thời. Do vậy, hiệu trưởng nhà trường cần thực hiện các nội dung sau:

Trong quá trình xây dựng kế hoạch công tác XHHGD của mình, hiệu trưởng các trường THCS phải xác định được mục tiêu, nội dung kiểm tra đánh giá công tác XHHGD của mình.

Xây dựng các tiêu chí kiểm tra cụ thể theo từng nội dung đã đề ra trong kế hoạch công tác XHHGD của nhà trường. Nội dung kiểm tra, đánh giá tập trung vào hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ XHHGD; quy trình và hiệu quả thực hiện công tác XHHGD.

Xác định các hình thức, phương pháp, quy trình đánh giá các công tác XHHGD cụ thể. Hiệu trưởng nhà trường thực hiện đánh giá thường xuyên hay định kỳ, đánh giá như thế nào và các bước đánh giá ra sao; phân tích, đánh giá kết quả, định kì tổ chức rút kinh nghiệm và điều chỉnh sai lệch kịp thời.

Kết quả công tác XHHGD của nhà trường có thể đo theo định tính hoặc định lượng. Dù bằng hình thức nào thì hiệu trưởng nhà trường đều phải tự xây dựng các thang đo đánh giá để nắm được kết quả hoạt động của tổ chức trong xã hội hóa giáo dục nói chung và một hoạt động cụ thể nói riêng. Việc kiểm tra, đánh giá càng sát với các tiêu chí đánh giá thì kết quả càng chính xác và đáp ứng mục tiêu kế hoạch kiểm tra, đánh giá đề ra.

Tóm lại, để công tác kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD ở các trường THCS, hiệu trưởng các trường cần tập trung kiểm tra, đánh giá các nội dung sau: hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ XHHGD trong nhà trường; quy trình thực hiện công tác XHHGD; hiệu quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường so với mục tiêu đề ra; sự phù hợp hay sự bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo hoạt động XHHGD của hiệu trưởng nhà trường. Bên cạnh đó, để đánh giá tổng thể hoạt động quản lí công tác XHHGD của nhà trường, cần định kì đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện để từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời; cuối mỗi năm học, thực hiện báo cáo với cơ quan quản lý cấp trên về tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng ở các trường THCS

1.5.1. Những yếu tố chủ quan

+ Phẩm chất, năng lực quản lí của hiệu trưởng

Trong quản lí giáo dục nói chung và quản lí XHHGD nói riêng, phẩm chất, năng lực của người hiệu trưởng có vai trò, vị trí vô cùng quan trọng. Thực tế cho thấy, những cơ sở giáo dục nào mà người hiệu trưởng có phẩm chất năng lực tốt thì công việc quản lí điều hành nhà trường rất hiệu quả và giúp cho trường đó phát triển không ngừng và ngược lại. Theo yêu cầu thì người hiệu trưởng trường THCS phải có những phẩm chất, năng lực sau: Về phẩm chất, trước hết phải có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng; chấp hành tốt các đường lối chủ trương của Đảng và Pháp luật của nhà nước; có lối sống giản dị, tác phong sư phạm, gương mẫu, đoàn kết gắn bó với đồng nghiệp và mọi người xung quanh. Thứ hai, phải là người luôn tâm huyết với nghề, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục với một tầm nhìn xa trông rộng, niềm tin tuyệt đối về lí tưởng: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Ngoài ra, còn phải kể đến một số phẩm chất cần thiết khác như: lòng nhiệt tình, nhân ái, trung thực, quyết đoán, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân và đồng nghiệp và luôn có tinh thần, ý chí cầu tiến. Tất cả các phẩm chất trên đều có ảnh hưởng tích cực đến việc quản lý thực hiện công tác XHHGD. Ví dụ như lòng nhiệt tình, nhân ái thì sẽ tạo được sự cảm mến, đồng thuận của cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và xã hội; tính trung thực sẽ giúp cho việc huy động, sử dụng các nguồn lực công khai, minh bạch. Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT đưa ra 5 tiêu chuẩn để đánh giá hiệu trưởng gồm: Phẩm chất nghề nghiệp; Quản trị nhà trường; Xây dựng môi trường giáo dục; Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội; Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Mỗi tiêu chuẩn có một số tiêu chí. Ví dụ tiêu chuẩn Quản trị nhà trường có các tiêu chí mô tả tiêu chuẩn như: Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường; Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh; Quản trị nhân sự nhà trường; Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường; Quản trị tài chính nhà trường; Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học

sinh của nhà trường; Quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường. Ngoài ra theo Thông tư này, hiệu trưởng nhà trường phải tổ chức các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh và huy động, sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường.

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh

Trong GDĐT, nguồn lực lớn nhất, là một trong những yếu tố quan trọng đó là con người "con người là quý nhất". Trong nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh là những yếu tố làm nên chất lượng giáo dục của nhà trường bởi vì hoạt động giáo dục là chủ đạo. Cán bộ, giáo viên có năng lực sẽ tham mưu cho nhà trường xây dựng kế hoạch, chiến lược đúng đắn, có tính khả thi cao; hơn nữa họ còn là lực lượng trực tiếp giáo dục học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho nhà trường. Học sinh ngoan, học giỏi là nguồn động lực to lớn cho nhà trường, quý thầy cô trong giảng dạy. Không những tạo nề nếp học tập nghiêm túc mà đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh còn đem lại nhiều danh hiệu, sự vinh quang cho nhà trường như danh hiệu giáo viên giỏi, học sinh giỏi các cấp, các thành tích xuất sắc trong các kỳ thi. Đây là yếu tố quan trọng giúp nhà trường nâng cao uy tín, tạo được niềm tin vững chắc cho cộng đồng xã hội. Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì giáo viên cũng phải có năng lực tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

+ Hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Điều lệ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã ghi rõ: "Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp và nhà trường để thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh...". Đồng thời, Điều 6 của Điều lệ cũng quy định rõ: "Ban đại diện có nhiệm vụ phối hợp với hiệu trưởng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh. Phối hợp với hiệu trưởng tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng khuyến khích học

sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; động viên cán bộ giáo viên tích cực nâng cao chất lượng giáo dục". Do vậy, Ban đại diện cha mẹ học sinh đóng vai trò quan trọng trọng việc thực hiện các hoạt động của nhà trường, trong đó có hoạt động XHHGD. Một Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức, hoạt động đúng quy định, hiệu quả thì sẽ giúp nhà trường huy động được nhiều nguồn lực phục vụ cho giáo dục.

1.5.2. Những yếu tố khách quan

+ Chủ trương, chính sách về XHHGD

Trong thời gian vừa qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về giáo dục và XHHGD như: Nghị Định số 69/2008/ NĐ-CP về chính sách khuyến khích XHH với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, thể thao, môi trường. Nghị định số 59/2014/N Đ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 69/2008/N Đ-CP cho phù hợp với tình hình mới. Các chính sách của nhà nước về XHHGD ban hành đều phù hợp với thực tiễn giáo dục của địa phương và xu thế phát triển giáo dục của đất nước, góp phần định hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác XHHGD ở các nhà trường được thực hiện hiệu quả.

+ Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương

Nhận định về quan hệ giữa giáo dục và kinh tế, chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "Kinh tế tiến bộ thì giáo dục mới tiến bộ được. Nền kinh tế không phát triển thì giáo dục không phát triển. Hai việc đó liên quan mật thiết với nhau" (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8, 1996).

Với quan điểm trên cho thấy, kinh tế có tác động rất to lớn, là nguồn lực đầu tư, giúp cho giáo dục phát triển. Thực tiễn cho thấy, ở các nước, các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển thì nguồn đầu tư cho giáo dục càng lớn, đặc biệt là công tác XHHGD. Ở những nơi đó, các nhà trường được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các hoạt động giáo dục, cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Ngoài ra, còn có một số yếu tố bên ngoài khác cũng ảnh hưởng đến công tác XHHGD như: trình độ dân trí, truyền thống văn hóa của cộng đồng dân cư, sự quan tâm của lãnh đạo địa phương; sự quan tâm của các tổ chức, doanh nghiệp, v.v.

Tiểu kết chương 1

XHHGD ở trường THCS là thực hiện bản chất xã hội của sự nghiệp giáo dục, huy động các lực lượng của cộng đồng giáo dục, tạo môi trường cho giáo dục phát huy tối đa vai trò của mình, làm cho giáo dục đáp ứng tốt nhu cầu thực tế của xã hội, gắn với xã hội. XHHGD là khái niệm có nội hàm khá rộng, tất cả việc làm của các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội, các cơ quan, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân đóng góp cho giáo dục đều tác động tích cực và hướng đến muc tiêu: "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" đều được xem là góp phần thực hiện XHHGD. Nghị quyết Trung ương 2 khóa 8 đã chỉ rõ "XHHGD là một con đường để thực hiện dân chủ hóa giáo dục và nội dung dân chủ hóa giáo dục chỉ ra con đường XHHGD". Dân chủ hóa giáo dục là công việc lớn của thời đại bao gồm dân chủ hóa nhà trường, dân chủ hóa quản lí giáo dục. XHHGD là hệ thống các hoạt động của các cá nhân và tổ chức nhằm trả lại chức năng giáo dục của xã hội cho xã hội và trả lại chức năng xã hội của giáo dục cho chính giáo dục. Hoạt động thực hiện XHHGD nói chung và ở cấp THCS nói riêng ngày càng phát triển cùng với tiến trình mở cửa hội nhập kinh tế nhằm phù hợp với nền cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như xu thế hội nhập quốc tế hiện nay. Công tác quản lí việc thực hiện XHHGD ở các nhà trường ngày càng phát huy hiệu quả tích cực, giúp nhà trường ngày càng phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại. Các khái niệm cơ bản về quản lí, xã hội hóa, quản lí XHHGD, quản lí thực hiện XHHGD ở trường THCS là cơ sở để nghiên cứu thực trạng XHHGD nói chung và XHHGD ở các trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2 nói riêng. Cùng với các nguyên tắc XHHGD, nội dung, phương pháp quản lí, lực lượng tham gia việc thực hiện công tác XHHGD ở trường THCS và các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của công tác XHHGD giúp cộng đồng có cái nhìn đúng đắn, sâu sắc và có cơ sở vững chắc hơn nhằm thực hiện công tác XHHGD một cách có hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÍ CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG THCS THUỘC XÃ KHU VỰC 2 HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

2.1. Khái quát về quy mô phát triển và mạng lưới các trường THCS thuộc xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

Di Linh là huyện miền núi thuộc phía nam tỉnh Lâm Đồng, nằm trên quốc lộ 20 tuyến từ Đà Lạt đi thành phố Hồ Chí Minh và quốc lộ 28 nối từ Bình Thuận tới Đắk Nông, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 223km và cách thành phố Đà Lạt 80 km với tổng diện tích tự nhiên 161.418 ha. Về vị trí địa lí, phía Bắc giáp tỉnh Đắc Nông và huyện Lâm Hà, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận và Đồng Nai, phía Đông giáp huyện Đức Trọng, phía Tây giáp huyện Bảo Lâm. Do địa hình nằm trên độ cao từ 800-1000 m so với mặt nước biển cách bờ biển nên Di Linh có khí hậu ôn đới, mát mẻ quanh năm, môi trường không khí trong lành không quá nóng mà cũng không quá lạnh. Số ngày mưa trung bình 160 ngày/ năm, độ ẩm 90%. Diện tích rừng và đất rừng của huyện Di Linh khá lớn (trong đó rừng non chiếm 50%). Rừng Di Linh có nhiều loại gỗ quý, cây dược liệu và động vật quý hiếm đem lại nguồn lực kinh tế đáng kể cho địa phương. Về địa bàn hành chính, huyện Di Linh hiện nay có 1 thị trấn và 18 xã, trong đó có 1 thị trấn và 13 xã thuộc khu vực 1 và 06 xã thuộc khu vực 2. Tính đến năm 2016, dân số toàn huyện trên 160 nghìn người với mật độ dân số 99 người/1 km2, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên (Kơ-ho) chiếm trên 37% với 28 dân tộc anh em trên mọi miền đất nước cùng sinh sống.

Với diện tích tự nhiên trên 161 nghìn ha đất đỏ Bazan, cùng với điều kiện thời tiết, khí hậu ôn hòa, Di Linh rất thuận lợi để trồng các loại cây công nghiệp dài ngày như chè và cà phê. Ngoài ra, với đặc điểm địa hình đồi núi dốc, độ cao lớn nên Di Linh có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái và xây dựng hệ thống thủy điện vừa và nhỏ. Khí hậu ôn hòa, đất đai màu mỡ, mạng lưới giao thông thuận tiện cùng với sự đa dạng về bản sắc văn hóa dân tộc là thế mạnh giúp huyện Di Linh phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển giáo dục ở địa phương nói riêng; đặc biệt

là phấn đấu đến năm 2022 hoàn thành việc xây dựng huyện nông thôn mới; trong đó, các tiêu chí về trường học và giáo dục đào tạo phải đạt chuẩn theo quy định.

2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

Theo Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kì thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Di Linh lần thứ XIV, nhiệm kì 2015 – 2020, trong 3 năm qua, quá trình triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, nhiệm kì 2015-2020 có những thuận lợi cơ bản song gặp không ít khó khăn, thách thức. Đảng bộ huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết bằng nhiều giải pháp đồng bộ. Do vậy, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị của huyện đã đạt được những kết quả quan trọng. Năm 2018 là năm bản lề thực hiện kế hoạch 5 năm 2015-2020, việc hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế xã hội 5 năm 2015 - 2020. Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trong điều kiện thời tiết nắng hạn kéo dài, giá cả các loại nông sản, nhất là cà phê giảm mạnh... đã làm ảnh hưởng nhất định đến sản xuất và đời sống của nhân dân cũng như tác động đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung của huyện. Tuy nhiên với sự thống nhất, kịp thời và quyết tâm cao dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy, sự tích cực của UBND huyện cùng với hỗ trợ của Ủy ban Măt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan, đơn vị, địa phương từ huyện đến cơ sở và sự đồng thuận của nhân dân nên tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 của huyện tiếp tục duy trì sự tăng trưởng và phát triển; hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt và vượt so với kế hoạch. Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo được quan tâm và thực hiện hiệu quả, các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm được triển khai thực hiện tốt; các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế chất lượng ngày càng được nâng cao; thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Theo báo cáo sơ kết giữa nhiệm kì thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Di Linh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 – 2020, kết quả thực hiện các chỉ tiêu

tổng hợp năm 2018 đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng lên 53,9%, tăng 3,9% so với kế hoạch (kế hoạch 50%). Có thêm 3 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (kế hoạch 3 xã). Lũy kế có 12/18 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỉ lệ 66,67%, 02 xã đạt chuẩn từ 15-18 tiêu chí; 04 xã đạt chuẩn từ 11-14 tiêu chí. Tuy nhiên so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ đề ra trong nhiệm kì 2015-2020, mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia vẫn còn thấp; mục tiêu xây dựng nông thôn mới về lĩnh vực giáo dục thuộc tiêu chí 5 và tiêu chí 14 cũng còn nhiều hạn chế. Tính đến hết năm 2018 toàn huyện mới đạt 53,9% trong khi đó, chỉ tiêu đến năm 2020, có 70% trường đạt chuẩn quốc gia. Theo kế hoạch, huyện Di Linh đạt huyện nông thôn mới vào năm 2022 nhưng đến nay vẫn còn 06 xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới.

2.1.3. Tình hình giáo dục và đào tạo ở huyện Di Linh

Theo Báo cáo sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo" của Phòng GDĐT Di Linh, quy mô phát triển giáo dục của huyện đã được kiện toàn phù hợp với yêu cầu tinh giản biên chế và cơ cấu trường lớp theo yêu cầu mới, cơ sở hạ tầng được tăng cường đầu tư, nâng cấp đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân địa phương cũng như các tiêu chí về nông thôn mới. Đến cuối năm 2018, toàn huyện có 82 trường công lập và 06 trường tư thục (23 trường mầm non, 31 trường tiểu học, 18 trường THCS, 02 trường TH-THCS, 01 trường PT DTBT THCS, 01 trường PTDTNT THCS, 06 trường THPT và 06 trường mầm non tư thục), giảm 03 trường tiểu học so với năm 2017.

Cuối năm học 2017-2018, toàn huyện có 38575 học sinh, trong đó: Mầm non 7545 học sinh, tiểu học 15777 học sinh, THCS 10052 học sinh, THPT 5201 học sinh, so với đầu năm số học sinh giảm 447 học sinh, trong đó: cấp tiểu học giảm 29 học sinh (bỏ học 02 học sinh tỉ lệ 0,02%), THCS giảm 154 học sinh (bỏ học 74 học sinh, tỉ lệ 0,74%), THPT giảm 264 học sinh (bỏ học 144 học sinh, tỉ lệ 2,77%).

Chất lượng, hiệu quả giáo dục đạt tốt. 100% các trường Mầm non, Mẫu giáo thực hiện Chương trình GDMN và có 27/28 trường có trẻ mẫu giáo 5 tuổi được đánh giá theo bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục đạt kế hoạch đề ra. Kết quả đánh giá học sinh tiểu học cuối năm về phẩm chất đạt trên 99,5% trở lên, học sinh chăm học, chăm làm, tự tin trách nhiệm, biết đoàn kết, yêu thương, trung thực, kỉ luật. Trên 99,54% học sinh có năng lực tự phục vụ, tự quản; 99,44% học sinh biết hợp tác và 99,3% học sinh có khả năng tự học và giải quyết vấn đề. 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học. Cấp THCS, về học lực, xếp loại giỏi 20,9%, khá 42,1%, trung bình 33,4%, yếu 3,5%, kém 0 %. Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá và tốt chiếm 97,6%; xếp loại trung bình chiếm 2,4%, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu. Tốt nghiệp THCS đạt 99,6%.

Về cơ sở vật chất, trường lớp học đảm bảo đầy đủ, khang trang; cơ sở vật chất được đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu dạy học và thực hiện các hoạt động giáo dục. Toàn huyện có: 55 khu hiệu bộ, 103 phòng bộ môn, chức năng; 934 phòng học, trong đó: Kiên cố: 530; phòng học tạm, mượn: 98 phòng. Số lượng máy vi tính: 1.972 máy, đảm bảo phục vụ cho việc dạy học và công tác hành chính, quản trị nhà trường. Có 41/76 trường công lập đạt chuẩn quốc gia (tỉ lệ 53,9%), gồm: 12/23 trường mầm non (52,2%), 20/31 trường tiểu học (64,5%), 09/22 trường THCS (40,9%). 57/76 trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia (75%).

Đánh giá kết quả XHHGD, trong báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo", Phòng GDĐT huyện đã nhận định: Các cơ sở giáo dục hàng năm huy động từ nguồn xã hội hóa được trên 4 tỉ đồng để bổ sung nguồn kinh phí tăng cường cơ sở vật chất trường học, xây dựng cảnh quan sư phạm xanh, sạch đẹp, đáp ứng điều kiện về môi trường cho dạy học. Ngoài việc huy động kinh phí, các đơn vị trường học trong toàn huyện đã huy động hàng ngàn công lao động hàng năm từ cha mẹ học sinh; vận động được hàng ngàn suất học bổng cho trẻ em nghèo, có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, công tác huy động nguồn tài chính từ XHHGD của địa phương vẫn còn thấp; các trường vùng sâu vùng xa, khả năng huy động nguồn xã hội hóa đạt thấp do đời sống kinh tế của nhân dân còn khó khăn.

Đội ngũ nhà giáo tiếp tục được củng cố, kiện toàn, cơ bản đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, an tâm công

tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chất lượng đội ngũ đang từng bước được nâng lên, đa số cán bộ, giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đây là thuận lợi cho ngành trong tổ chức triển khai có hiệu quả trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được nâng lên từ 54% có trình độ trên chuẩn năm học 2013 – 2014 lên 81% năm học 2017 – 2018; số lượng giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện tăng tỉ lệ 9,5% (năm học 2013 – 2014) lên 30,1% (năm học 2017 – 2018); số giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh tăng đáng kể. Đội ngũ nhà giáo tiếp tục được củng cố, kiện toàn, cơ bản đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, an tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chất lượng đội ngũ đang từng bước được nâng lên, đa số cán bộ, giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đây là thuận lợi cho ngành trong tổ chức triển khai có hiệu quả trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở các vùng khó khăn và các vùng thuận lợi không còn chênh lệch nhiều. Chất lượng hai mặt giáo dục ở bậc phổ thông tiếp tục được củng cố và có chuyển biến tích cực nhất là về chất lượng học sinh khá giỏi. Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được quan tâm bồi dưỡng và đã có những thành tích đánh khích lệ, là một trong bốn đơn vị dẫn đầu của tỉnh; các hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm và tham dự cuộc thi khoa học kĩ thuật được chú trọng và ngày càng có nhiều dự án dự thi có chất lượng, tỷ lệ các sản dự thi khoa học kĩ thuật cấp tỉnh có giải tăng từ 0% năm 2013 – 2014 lên 75% năm học 2017 – 2018, đặc biệt đã có sản phẩm có giải Tư quốc gia. Tỉ lệ học sinh bỏ học giảm từ 249 em chiếm tỉ lệ 2,04% (năm học 2013 – 2014) xuống còn 74 em chiếm tỉ lệ 0,74% (năm học 2017 – 2018).

Có thể thấy rằng, giáo dục và đào tạo huyện nhà đã có nhiều chuyển biến tích

cực. Tuy nhiên theo đánh giá của Phòng GDĐT huyện, giáo dục và đào tạo huyện nhà cũng còn một số hạn chế nhất định như: Cơ sở vật chất hàng năm được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư, xây dựng mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu ra lớp của học sinh nhất là học sinh ở các vùng thuận lợi, vùng thị trấn. Tỉ lệ trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo huy động ra lớp hàng năm tăng nhưng so với chỉ tiêu chung của UBND tỉnh còn thấp. Chất lượng đội ngũ tuy đã được nâng lên cả về trình độ chuyên môn và tay nghề song chưa đồng đều ở tất cả các trường, các bộ môn. Nhiều giáo viên khả năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu theo các quy định của ngành. Tỉ lệ giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh chưa tương xứng với thực lực hiện có của địa phương. Cơ sở vật chất của một số trường vẫn còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học; nhiều trường học đã bắt đầu xuống cấp, đồ dùng và thiết bị dạy học đã cũ nên phần nào làm hạn chế hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới cách đánh giá học sinh. Tỉ lệ trường học không có phòng học bộ môn còn cao (13/22 trường THCS chiếm tỉ lệ 59,1%). Tỉ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia chỉ vừa đạt yêu cầu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Di Linh lần thứ XIV đề ra và so với mặt bằng chung toàn tỉnh thì tỉ lệ còn thấp. Việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo và tham gia cuộc thi khoa học kĩ thuật các cấp chưa có tính lan tỏa mạnh mẽ, chưa thúc đẩy được ham thích của người học, chưa có sự tham gia nhiều của các tầng lớp nhân dân của cả phụ huynh học sinh. Công tác XHHGD của địa phương vẫn chưa được thực hiện tốt. Việc huy động các nguồn lực vào đầu tư cho giáo dục địa phương còn hạn chế. Tỉ lệ phổ cập giáo dục THCS vẫn chỉ đạt mức trung bình so với toàn tỉnh. Tỉ lệ học sinh bỏ học đã giảm nhiều nhưng vẫn chưa bền vững. Chưa thực hiện tốt công tác chủ động hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

2.1.4. Tình hình giáo dục tại các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Toàn huyện Di Linh hiện có 6/19 xã thị trấn thuộc xã khu vực 2, bao gồm xã Gia Bắc, Sơn Điền, Tam Bố, Đinh Trang Hòa, Đinh Trang Thượng, Bảo Thuận. Điều kiện kinh tế xã hội ở các xã này còn nhiều khó khăn. Trong đó có 02 xã đã đạt

15 đến 18 tiêu chí nông thôn mới , 04 xã chỉ đạt từ 11 đến 14 tiêu chí nông thôn mới. Tuy nhiên đối với tiêu chí 04 về trường học và tiêu chí 14 về giáo dục đào tạo thì cả 6/6 xã đều chưa đạt, tỉ lệ trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất thiết bị đạt chuẩn quốc gia chỉ chiếm 40%; tỉ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS ở các xã này chưa đạt yêu cầu nông thôn mới nên đòi hỏi phải đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục cũng như cơ sở vật chất trường học.

Trong 6 xã thuộc khu vực 2, có 22 trường từ mầm non đến THCS, trong đó, mầm non có 07 trường (03 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 42,9%), tiểu học có 6 trường (01 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 16,7%), tiểu học – trung học cơ sở 02 trường và THCS 07 trường (0 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 0,0%). Số trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỉ lệ 18,9% (04/22 trường).

Về cơ sở vật chất của các trường THCS thuộc xã khu vực 2 đã được đầu tư đáp ứng tối thiểu cho việc dạy và học tuy nhiên vẫn còn nhiều thiếu thốn, Hiện nay, chỉ có 01/09 trường TH-THCS và THCS có phòng học bộ môn; 01/09 trường chưa có khu hiệu bộ; 06/09 trường chưa có bãi tập bằng bê tông. 09/09 trường chưa có đủ phòng làm việc và phòng chức năng theo quy định.

06/06 xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS nhưng tỉ lệ còn thấp so với yêu cầu của nông thôn mới. Năm 2018, các xã Tam Bố, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Bắc, Đinh Trang Thượng đạt dưới 85% trẻ em trong độ tuổi 15 đến 18 có bằng tốt nghiệp THCS (yêu cầu tiêu chí 14 nông thôn mới phải đạt 90%).

Chất lượng giáo dục ở các xã khu vực 2 cũng có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn chênh lệch so với các xã vùng phát triển. Cuối năm học 2017-2018, theo báo cáo của Phòng GDĐT Di Linh, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 chiếm 96,7%, thấp hơn 1% so với các trường THCS thuộc xã khu vực 1 và tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình, yếu cao hơn khoảng 1% so với các trường thuộc xã khu vực 1. Về học lực, tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi chiếm 12,7% trong khi đó học sinh xếp loại giỏi ở các trường thuộc xã khu vực 1 chiếm 21,5%, thấp hơn gần 10% so với trường khu vực 1; tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá cũng thấp hơn 5%. Điều này cho ta thấy chất lượng giáo dục ở các trường thuộc xã khu vực 2 mặc dầu không quá cách biệt so với các

trường thuộc khu vực 1 nhưng tỉ lệ học sinh khá, giỏi thấp hơn khá nhiều, nhất là tỉ lệ học sinh giỏi. Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực yếu, kém vẫn còn cao.

So sánh tình hình chung giữa các trường THCS thuộc xã khu vực 1 và xã khu vực 2 có nhiều chênh lệch nhất định về chất lượng cũng như cơ sở vật chất. Do vậy, để tiếp cận được với các vùng phát triển, đòi hỏi các trường THCS vùng khó phải được đầu tư chất lượng hơn nữa cả về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ. Ngoài những chính sách, đầu tư của nhà nước thì các trường phải tự lực tìm giải pháp vươn lên, tiếp cận chất lượng với các vùng phát triển. Một trong những giải pháp đó là thực hiện tốt công tác XHHGD của nhà trường.

2.2. Mẫu khảo sát và cách thức xử lí số liệu

2.2.1. Mục tiêu khảo sát

Khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng về hoạt động XHHGD ở các trường THCS thuộc khu vực 2 huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng. Kết quả khảo sát làm cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lí hiện nay. Đồng thời đây cũng là những yếu tố để người nghiên cứu xem xét, tìm ra những điểm mạnh và điểm yếu, từ đó có những kiến nghị nhằm cải thiện công tác quản lí hoạt động này trên địa bàn.

Khảo sát cũng giúp người nghiên cứu tìm ra những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến công tác quản lí hoạt động xã hội hóa hiện nay tại địa phương. Từ đó có những nhìn nhận đúng đắn về thực trạng và có các biện pháp đề xuất phù hợp.

Ngoài ra khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn sẽ cung cấp cho người nghiên cứu có được những thông tin cụ thể, chi tiết của những người trực tiếp thực thi và chịu sự tác động trực tiếp của công tác này. Đây là cơ sở quan trọng để xem xét toàn điện thực trạng và đề xuất biện pháp.

2.2.2. Nội dung khảo sát

Khảo sát được thực hiện trên những lĩnh vực cơ bản của công tác quản lí hoạt động xã hội hóa. Người nghiên cứu tiếp cận cả về nội dung và chức năng quản lí, tùy vào mức độ thể hiện mà các nội dung này được xem xét ở những góc độ khác nhau. Các nội dung khảo sát bao gồm: Chất lượng những hoạt động mà các lực lượng tham gia công tác xã hội hóa mang lại. Việc huy động mức độ các nguồn lực xã hội hóa

tham gia vào lĩnh vực giáo dục của các nhà quản lí vào từng thời điểm khác nhau.

Ngoài ra, người nghiên cứu còn khảo sát các nội dung công tác lập kế hoạch thực hiện hoạt động xã hội hóa cả về mức độ phù hợp và mức độ hiệu quả. Công tác huy động các nguồn lực tham gia vào thực hiện kế hoạch cũng được xem xét cả tính chất quy mô cũng như hiệu quả mang lại. Nội dung chỉ đạo điều khiển điều chỉnh trong quá trình thực hiện kế hoạch cũng được khảo sát, tìm hiểu ở một số nội dung.

Nội dung của những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lí hoạt động xã hội hóa, được xem xét từ nhiều góc độ khác nhau nhằm tìm ra những nguyên nhân cơ bản tác động đến quá trình quản lí hoạt động này. Từ đó có những biện pháp cụ thể để hạn chế những tác động tiêu cực.

2.2.3. Phương pháp và công cụ khảo sát

Khảo sát bằng bảng hỏi được thiết kế theo từng nội dung của hoạt động quản lí. Căn cứ vào thực trạng của hoạt động này được thực hiện như thế nào, người được hỏi sẽ trả lời vào từng mức độ tương ứng. Bảng hỏi chủ yếu được thiết kế dạng câu hỏi đóng với năm mức lựa chọn. Ngoài ra có một số nội dung, người nghiên cứu thiết kế câu hỏi mở để người được hỏi có thể bổ sung các nội dung còn thiếu mà bảng hỏi chưa đề cập tới.

Đối với câu hỏi phỏng vấn chủ yếu được thực hiện bằng bút vấn. Người nghiên cứu sẽ nêu câu hỏi, người được hỏi sẽ trả lời từng nội dung mà công tác quản lí hoạt động xã hội hóa hiện nay đang được triển khai. Các nội dung sẽ được ghi chép lại theo từng phần của hoạt động quản lí.

2.2.4. Mẫu khảo sát

Công tác XHHGD là hoạt động có sự tham gia từ nhiều các nhân và tổ chức khác nhau. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng đến chủ trương cũng như nội dung của hoạt động chủ yếu tập trung vào một số đối tượng. Tác giả thực hiện lấy mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên. Khảo sát ý kiến đánh giá bằng bảng hỏi đối với 16 cán bộ quản lí (04 hiệu trưởng, 04 phó hiệu trưởng, 08 tổ trưởng chuyên môn), 53 giáo viên (04 tổng phụ trách đội, 49 giáo viên); thực hiện phỏng vấn sâu 10 lãnh đạo địa phương (02 đồng chí Bí thư đảng ủy, 02 đồng chí Chủ tịch xã và 04 đồng chí Phó chủ tịch phụ trách văn xã và 02 đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã), và

32 cán bộ quản lí và giáo viên (04 hiệu trưởng, 04 phó hiệu trưởng, 08 tổ trưởng chuyên môn và 16 giáo viên) trong số các cán bộ quản lí và giáo viên được khảo sát bằng bảng hỏi của các trường THCS thuộc xã Đinh Trang Thượng, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Bắc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Việc thu thập thông tin chủ yếu được tiến hành theo hai phương pháp: phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu. Hai phương pháp này được thực hiện trên cùng những đối tượng. Trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được thực hiện trước. Sau khi thống kê số liệu, nếu có những nội dung nào chưa được làm rõ, hoặc người nghiên cứu muốn tìm hiểu sâu hơn thì tiến hành phỏng vấn.

2.2.5. Cách thức xử lí kết quả khảo sát

** Cách thức mã hóa số liệu*

Số liệu được mã hóa sau khi xử lý theo quy ước của bảng dưới đây;

Bảng 2.1. Quy ước số liệu và định khoảng trung bình

Khoảng điểm đánh giá	Vai trò	Mức độ thực hiện	Hiệu quả thực hiện	Mức độ ảnh hưởng	Quy ước mã hóa
1-> 1.8	Không có vai trò gì	Không bao giờ	Không hiệu quả	Hoàn toàn không ảnh hưởng	1
1.81 -> 2.61	Ít quan trọng	Thỉnh thoảng	Thấp	Ảnh hưởng ít	2
2.62 -> 3.42	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường	3
3.43 - > 4.23	Quan trọng	Thường xuyên	Cao	Ảnh hưởng	4
Trên 4.23	Rất quan trọng	Rất thường xuyên	Rất cao	Ảnh hưởng rất lớn	5

* Công thức tính định khoảng trung bình như sau

Khoảng trung bình = (số lựa chọn – 1)/ số lựa chọn

** Phần mềm xử lý số liệu*

Số liệu được xử lý trên phầm mềm SPSS (*Statistical Package for the Social Sciences*) của IBM và phầm mềm Excel của Microsoft.

**Các số thống kê được sử dụng trong luận văn*

Điểm trung bình

Điểm số trung bình trong luận văn được sử dụng với những ý nghĩa sau:

Trung bình là số đại diện cho tất cả các phần tử trong tập hợp một quan sát vì nó nhạy cảm với mọi sự biến thiên về giá trị của các phần tử có trong quan sát. Người nghiên cứu sử dụng điểm trung bình nhằm định tâm các lựa chọn của khảo sát, để đưa ra những nhận định mà các ý kiến khảo sát có xu hướng tập trung nhiều nhất.

Trung bình cộng được sử dụng khi người nghiên cứu muốn có một số định tâm có thể chịu ảnh hưởng với tất cả mọi sự thay đổi của các phần tử trong quan sát.

Khoảng điểm trung bình

Mục đích sử dụng khoảng trung bình là để ước lượng một cách tương đối các nhận định của những người khảo sát về mức độ đánh giá một nội dung cụ thể nào đó trong thăm dò. Biên độ của khoảng đánh giá bằng số lựa chọn trừ đi một và chia cho số lựa chọn đó.

Căn cứ vào mức độ định khoảng người nghiên cứu có thể nhận biết được mức độ đồng tình hay không đồng tình của một nội dung khảo sát.

Độ lệch chuẩn

Trong một quan sát độ lệch chuẩn cho biết sự phân tán các phần tử của quan sát so với điểm trung bình của quan sát. Hay nói cách khác, độ lệch chuẩn cho biết khoảng cách giữa từng phần tử của quan sát so với điểm trung bình.

Nếu độ lệch chuẩn càng lớn thì các phần tử quan sát càng cách xa điểm trung bình. Nếu độ lệch chuẩn càng nhỏ thì các phần tử quan sát càng tập trung gần với điểm trung bình.

Trong luận văn người nghiên cứu sử dụng độ lệch chuẩn nhằm xác định sự

phân tán các ý kiến khảo sát xung quanh số định tâm trung bình. Qua đây có thể xác định được sự ổn định của những ý kiến khảo sát.

Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)

Chỉ số Cronbach's Alpha là chỉ số nói lên độ tin cậy của thang đo và cho biết các đo lường có liên kết với nhau hay không? Nhưng lại không cho biết các biến quan sát được biến nào là hợp lí, biến nào không hợp lí, biến nào cần giữ lại, biến nào cần loại bỏ. Trong khuôn khổ luận văn này người nghiên cứu không tìm hiểu sâu về chỉ số này mà chỉ quan tâm đến các thông số đo được của các quan sát trong luận văn.

Theo các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục các mức giá trị của Alpha: lớn hơn 0,8 là thang đo lường tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được; từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng trong trường hợp khái niệm nghiên cứu là mới hoặc là mới trong bối cảnh nghiên cứu.

2.3. Thực trạng công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Di Linh là một huyện miềm núi nằm trên cao nguyên Di Linh. Địa hình chủ yếu là đồi núi, nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, trong đó trồng cây công nghiệp chiếm phần lớn diện tích của huyện. Hiện nay, huyện Di Linh gồm 1 thị trấn và 18 xã, với số dân trên 160 nghìn người của 20 dân tộc anh em, trong đó các dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên chiếm 36%. Di Linh hiện có 82 trường công lập và 06 trường tư thục (23 trường mầm non, 31 trường tiểu học, 18 trường THCS, 02 trường TH-THCS, 01 trường PT DTBT THCS, 01 trường PTDTNT THCS, 06 trường THPT và 06 trường mầm non tư thục), đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân địa phương.

Với chủ trương quan tâm cho giáo dục là đầu tư bền vững cho sự phát triển của địa phương. Cho nên trong những năm qua ngành giáo dục Di Linh đã không ngừng đẩy mạnh phong trào XHHGD và bước đầu đã có những thành quả đáng ghi nhận. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học ngày càng hiện đại, môi trường cảnh quan sư phạm không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, để tìm hiểu rõ hơn hoạt động XHHGD cả về nội dung và phương pháp thực hiện người nghiên cứu tiến hành khảo sát thực

trạng công tác này trên một số trường THCS và chính quyền địa phương tại các xã khu vực 2 của huyện. Dưới đây là thực trạng công tác XHHGD mà người nghiên cứu tiến hành khảo sát.

2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về công tác XHHGD ở các trường THCS xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Với chủ trương huy động mọi nguồn lực phục vụ cho giáo dục toàn dân, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách thiết thực nhằm thu hút các các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực này và bước đầu đã có những thành tựu đáng được ghi nhận. Tuy nhiên, xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau việc huy động tài lực, trí tuệ của xã hội tham gia hỗ trợ giáo dục còn có những cách hiểu chưa thống nhất. Dưới đây là khảo sát về nhận thức của cán bộ quản lí và giáo viên đối với công tác XHHGD ở các trường THCS xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

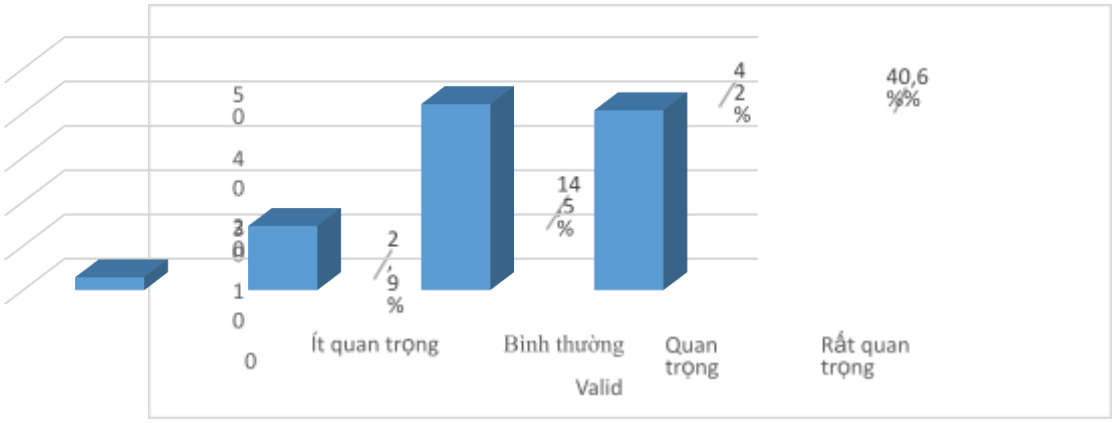

Biểu đồ 2.1. Khảo sát nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên và cha mẹ học sinh các trường THCS thuộc xã khu vực 2, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

về công tác XHHGD

Kết quả khảo sát biểu đồ 2.1 cho thấy đa số những người được hỏi cho rằng công tác XHHGD hiện nay rất quan trọng 40,6%. Nhận thức này xuất phát từ chỗ ngân sách hiện nay của nhà nước dành cho giáo dục mặc dù tương đối lớn so với thu nhập quốc dân nhưng lại chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của giáo dục trong thời đại công nghiệp 4.0. Cho nên việc có sự tham gia của các thành phần kinh tế khác nhau vào lĩnh vực giáo dục sẽ tạo nên những sự đột phá nhất định. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân và đoàn thể chung sức chung lòng vào sự nghiệp giáo dục toàn dân sẽ

là một nguồn động viên rất lớn cho những người làm công tác giáo dục cũng như các em học sinh. Mức độ đánh giá cho rằng công tác XHHGD là quan trọng chiếm 42,0%. Nhận định này nói lên rằng sự nhìn nhận của xã hội đối với hoạt động này đã đi vào thực chất và cần có những giải phải cụ thể hơn nữa để mọi sự đóng góp dù lớn hay nhỏ cũng có những tác động tích cực vào sự phát triển của giáo dục. Chỉ có 14,5% những người được hỏi cho rằng bình thường nghĩa là sự nhìn nhận các hoạt động XHHGD chưa thực sự mang lại lợi ích thiết thực. Chỉ có 2,9% cho rằng không quan trọng. Tỉ lệ đánh giá này mặc dù không nhiều nhưng cũng là điều đáng lưu tâm. Để nhận được sự đồng lòng của xã hội thì ngoài công tác chủ trương chính sách, chính các nhà làm công tác giáo dục hay những người được thụ hưởng phải tạo được niềm tin là mọi sự đóng góp dù là nhỏ nhất cũng có ảnh hưởng thiết thực đến hoạt động giáo dục.

Kết quả khảo sát về nhận thức cho thấy đa số những người được hỏi đều cho rằng hoạt động XHHGD hiện nay là rất quan trọng và cần thiết cho sự phát triển giáo dục tại địa phương hiện nay. Điểm trung bình chung của khảo sát nội dung này là 4,20 đạt mức độ đánh giá quan trọng.

2.3.2. Thực trạng huy động các nguồn lực XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Các nguồn lực của xã hội tham gia đóng góp cho giáo dục có ý nghĩa và vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy giáo dục địa phương. Để hoạt động này được duy trì thường xuyên thì công tác vận động và sử dụng hợp lý các nguồn lực của các nhà quản lý có ý nghĩa quyết định đến quy mô cũng như chất lượng của hoạt động này. Theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đã quy định hình thức nguồn lực tài trợ gồm: Tiền (tài lực), hiện vật (vật lực) và phi vật chất (nhân lực và trí lực). Dưới đây là kết quả khảo sát thực trạng về mức độ thực hiện cũng như hiệu quả thực hiện việc huy động các nguồn lực kể trên tại các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng để có cái nhìn thực tế về hiệu quả huy động các nguồn lực từ nguồn XHHGD hiện nay của các trường để từ đó người nghiên cứu có thể đề xuất các biện pháp hiệu quả trong huy động nguồn lực

của các trường.

Bảng 2.2. Thực trạng huy động các nguồn lực XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Các nguồn lực huy động từ công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng các trường THCS	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
I. Vật lực (Cơ sở vật chất)							
1	Tranh ảnh, đồ dùng dạy học	2,81	1,13	5	2,78	0,97	8
2	Ti vi, máy tính, máy chiếu	2,71	1,11	7	2,9	1,06	6
3	Bàn ghế học sinh	2,59	1,18	8	2,72	1,14	9
4	Thư viện, sách, báo	2,94	1,07	2	2,90	0,91	6
5	Bồn hoa, cây cảnh	2,77	1,09	6	3,07	1,05	2
6	Sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh	2,91	1,00	3	3,03	1,00	4
II. Tài lực							
7	Tiền mặt	2,30	0,96	11	2,61	1,10	10
8	Vàng	1,45	0,99	12	1,62	0,96	13
9	Ngân phiếu	1,43	0,96	13	1,64	0,97	12
III. Nhân lực							
10	Công lao động	2,83	1,12	4	3,06	1,08	3
11	Các buổi bồi dưỡng, báo cáo miễn phí	2,35	1,00	10	2,58	0,93	11
12	Vận động học sinh ra lớp	3,57	1,17	1	3,32	0,99	1
13	Các buổi tham quan, dã ngoại, trải nghiệm, …	2,41	0,85	9	2,91	0,99	5
Trung bình		2,54			2,70		
Mức độ đánh giá		Thỉnh thoảng			Bình thường		
Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)		0,78			0,78		
Tương quan (Pearson)		0,95**					

*** giá trị Sig = 0,01 mức ý nghĩa 1%*

Trong cấu trúc các nguồn lực thì vật lực, tài lực, nhân lực đóng vai trò chủ yếu. Mỗi thành tố này có vị trí vai trò riêng trong việc đóng góp cho giáo dục. Tùy vào hoàn cảnh của mỗi trường và nguồn lực có sẵn của từng địa phương mà quy mô đóng góp cũng như chất lượng sẽ khác nhau. Tuy nhiên, với phương châm mọi sự đóng góp cho giáo dục của các các nhân, tổ chức đều được sử dụng đúng mục đích, phát huy hết công năng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở nhiều góc độ khác nhau.

Kết quả khảo sát bảng 2.2, người nghiên cứu tiến hành xem xét thực trạng công tác huy động các nguồn lực cho giáo dục ở cả ba thành tố và tiếp cận các nội dung thực hiện và kết quả thực hiện.

Về vật lực (cơ sở vật chất), đây là yếu tố đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất khang trang hiện đại là điều rất tốt cho việc tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên hiện nay cơ sở vật chất của các trường chủ yếu được phân bổ từ ngân sách, chỉ đủ đáp ứng ở mức trung bình trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Để có những đột phá trong dạy học cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên thiết kế bài dạy phù hợp với các yêu cầu đổi mới và học sinh có cơ hội tiếp nhận tri thức tiên tiến hiện đại thì cần có những thiết bị hỗ trợ dạy học hiện đại đa chức năng. Để làm được điều này thì việc huy động từ nguồn xã hội hóa là rất quan trọng. Thực tế hiện nay công tác này trên địa bàn khảo sát cho thấy: Về việc huy động xã hội hóa đóng góp mua tranh ảnh đồ dùng dạy học, có điểm trung bình khảo sát mức độ thực hiện là 2,81. Điểm số này chỉ đạt mức độ đánh giá thỉnh thoảng mới thực hiện, cho nên kết quả thực hiện theo khảo sát cũng chỉ có điểm trung bình 2,78. Từ kết quả này có thể thấy hiện nay việc huy động và sử dụng nguồn xã hội hóa cho mua sắm tranh ảnh và đồ dung dạy học của các trường đang rất hạn chế. Nội dung mua ti vi, máy tính, máy chiếu cũng có nhận định tương tự. Điểm trung bình chung là 2,71 cho mức độ vận động đóng góp và 2,9 cho hiệu quả sử dụng. Điểm số này chỉ đạt mức đánh giá thỉnh thoảng mới thực hiện và hiệu quả của nó chỉ ở mức bình thường. Từ đó có thể thấy hoạt động vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ mua sắm cơ sở vật chất của các trường được khảo sát hiện nay chưa mang lại hiệu quả cao. Trong các nội dung khảo sát về mức độ thực

hiện và hiệu quả thực hiện của công tác vận động mua sắm cơ sở vật chất thì nội dung chi cho thư viện, sách, báo có điểm trung bình cao nhất. Phần mức độ thực hiện là 2,94 đây là mục có điểm số cao nhất bảng, phần hiệu quả thực hiện 2,90. Mặc dù được đánh giá cao nhưng độ lệch chuẩn 1,07 và 0,91 cho thấy có sự phân hóa tương đối trong các ý kiến được hỏi. Điều này thể hiện sự không đồng đều trong nhận định về nội dung này, mặc dù không cao nhưng cũng cho thấy mức độ sử dụng nguồn lực của xã hội cho mua sắm trang thiết bị thư viện ở các trường không thống nhất. Nội dung đầu tư và quản lí sân chơi bãi tập cũng có điểm đánh giá tương đương. Điểm trung bình phần mức độ thực hiện là 2,91 độ lệch chuẩn 1,00. Phần hiệu quả thực hiện trung bình là 3,03 độ lệch chuẩn là 1,00.

Từ kết quả khảo sát bảng 2.2 về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện của thực trạng huy động các nguồn lực xã hội vào mua sắm cơ sở vật chất tại các trường hiện nay trên địa bàn xã khu vực 2 huyện Di Linh cho thấy cả về quy mô và chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại của các đơn vị cũng như huy động hết tiềm năng của địa phương tham gia, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Để hiểu rõ hơn hoạt động huy động và sử dụng cơ sở vật chất có được từ nguồn xã hội hóa, người nghiên cứu tiến hành phỏng vấn một số đối tượng có liên quan. Kết quả phỏng vấn như sau: Mã số phỏng vấn LĐĐCQ 02 cho rằng *"Lãnh đạo trường thấy khó khăn về cơ sở vật chất, hàng năm thường xuyên chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND xã để tìm hướng giải quyết, khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học. Trường đã tổ chức cuộc họp với sự tham gia của Lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã, Ban đại diện cha mẹ học sinh, đội ngũ thầy cô giáo có kinh nghiệm để bàn biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học, duy trì sĩ số học sinh, khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất luôn được lãnh đạo địa phương và phụ huynh quan tâm, ủng hộ nhiệt tình"*. Đây là công tác được thực hiện hằng năm, nhằm củng cố và bổ sung những cơ sở vật chất đã xuống cấp, đồng thời tạo điều kiện cho các em học sinh có động lực học tập trong điều kiện kinh tế khó khăn. Cụ thể như trường PT DTBT THCS Sơn Điền theo mã số phỏng vấn LĐĐCQ 03 thì *"Lãnh đạo nhà trường trung học cơ sở bán trú Sơn Điền đã đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục như xóa phòng học cấp 4, xây dựng trường trung học cơ sở khang trang,*

từng bước xây dựng trường bán trú phù hợp với điều kiện của địa phương. Tích cực tham mưu cấp trên tăng cường đầu tư đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Cần có cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đảm bảo việc dạy học trong nhà trường. Xây dựng đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm, an toàn, nhiệt huyết với nghề. Luôn khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia giáo dục". Không chỉ sử dụng nguồn xã hội hóa vào mua sắm trang thiết bị dạy học cụ thể mà một số đơn vị đã mạnh dạn kêu gọi những nhà hảo tâm, các tổ chức đoàn thể chung tay cùng nhà trường xóa bỏ các lớp học không đáp ứng đủ yêu cầu và công năng sử dụng. Điều này cho thấy công tác vận động và quản lí các nguồn xã hội hóa tại một số đơn vị đã được thực hiện khá tốt. Mã số phỏng vấn CBQLGV01 cho rằng *"Hiện nay ngân sách nhà nước khó khăn vì vậy công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương chủ yếu để tôn tạo cảnh quan sư phạm, tạo điều kiện thuận lợi về vật chất để các em không bỏ học, đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh khó khăn"*. Đây cũng là một yếu tố cần ghi nhận. Chỉ có môi trường học tập xanh, sạch, đẹp thì các hoạt động giáo dục mới được tổ chức quy mô bài bản và tạo sự hứng thú trong học tập cho học sinh, đặc biệt là những em học sinh ở vùng khó khăn như các xã khu vực 2 huyện Di Linh.

Về khảo sát các nội dung xã hội hóa liên quan đến tài lực kết quả nhận được chỉ ở mức trung bình cả mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. Trong các nội dung thăm dò ý kiến thì việc huy động tiền mặt đóng góp cho giáo dục được đánh giá cao nhất. Điểm trung bình 2,30 cho phần mức độ thực hiện và 2,61 cho phần hiệu quả thực hiện. Từ kết quả này có thể thấy việc sử dụng hợp lý tiền mặt của các tổ chức cá nhân đóng góp là hoàn toàn hợp lý và có hiệu quả. Hai nội dung vàng và ngân phiếu đều không được đánh giá cao. Trên thực tế, việc vận động đóng góp hai loại hình vật chất này cũng ít nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Như vậy, đóng góp của người dân và các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thực hiện bằng tiền mặt và việc sử dụng tiền mặt vào mua sắm đầu tư cho giáo dục hiện nay trên địa bàn cơ bản được thực hiện đúng tiêu chí đã đề ra. Để hiểu rõ hơn các nội dung này người nghiên cứu có phỏng vấn một số đối tượng có liên quan, nội dung phỏng vấn nhận được như sau: Mã số CBQLGV 03 cho rằng *"Nguồn tiền huy động chủ yếu để tái tạo môi trường cảnh quan xung quanh lớp học. Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên chủ yếu nguồn*

đóng góp là ngày công lao động của phụ huynh". Hình thức đóng góp này được thực hiện khá phổ biến hiện nay. Tuy nhiên, cũng cần phải có những tổ chức cá nhân tham gia đóng góp tiền mặt, thì nhà trường mới có thể vận động phụ huynh tham gia góp sức. CBQLGV 04 cho rằng *"Đa phần các khoản đóng góp lại để giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Một số em mồ côi cha, mẹ, gia đình hộ nghèo còn khá cao. Trường xa trung tâm xã, các thôn, nhiều em đi lại học tập khó khăn vất vả. Các nguồn đóng góp: Hầu hết các khoản đóng góp do các hội từ thiện giúp đỡ tài chính, phụ huynh lâu lâu giúp đỡ một ngày công để xây dựng cảnh quan sư phạm cùng nhà trường và giáo viên"*. Ngoài ra còn có một số ý kiến cho rằng việc vận động đóng góp bằng tiền mặt hiện nay tại địa phương gặp một số khó khăn nhất định, nên quy mô chỉ được thực hiện ở một số nhà hảo tâm chứ chưa có sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

Về nội dung huy động đóng góp nguồn nhân lực đa số các ý kiến nhận định đều ở mức tương đối. Trong đó được đánh giá cao nhất là vận động học sinh có điểm trung bình là 3,57 cho phần thực hiện và phần hiệu quả là 3,32. Đây là hoạt động được đánh giá cao nhất bảng. Ngoài ra, việc vận động ngày công lao động của phụ huynh cũng được thực hiện khá thường xuyên trung bình 2,83 và 3,06. Như vậy, đối với những địa phương còn gặp khó khăn về kinh tế, sự đóng góp cho giáo dục chủ yếu được thực hiện bằng chính công sức của người lao động. Mọi sự hỗ trợ đều có ý nghĩa và góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy sự phát triển của giáo dục tại địa phương. Tuy nhiên, các nhà quản lí phải biết cách cân đối hài hòa giữa những đóng góp khác nhau nhằm phân bổ hợp lí các nguồn lực vào phục vụ hoạt động giáo dục cho nhà trường.

Kết quả khảo sát bảng 2.2 cho thấy, thực trạng huy động các nguồi lực xã hội hóa hiện nay tại các địa phương thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng chỉ mới đáp ứng được một phần cơ bản cho các hoạt động giáo dục. Trong đó việc huy động thực hiện các nguồn lực chỉ đạt mức thỉnh thoảng cho nên hiệu quả của hoạt động này theo đánh giá là bình thường và chưa thực sự đáp ứng được mục tiêu mà hoạt động này đã đề ra.

So sánh mối tương quan giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện, người nghiên cứu nhận thấy có sự tương quan cao giữa hoạt động vận động đóng góp và hiệu quả của hoạt động này. Chỉ số so sánh 0,95 cho thấy có mối liên hệ thuận rất cao giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. Độ tin cậy của tương quan lên đến 99% (**).

2.4. Thực trạng quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Để thực hiện thành công hoạt động XHHGD thì nhà quản lí phải đảm bảo quá trình xây dựng nội dung kế hoạch cũng như cách thức triển khai hoạt động phù hợp với điều kiện của địa phương và tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước đối với công tác này. Đồng thời phải phải tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà hảo tâm tham gia đóng góp dưới nhiều hình thức khác nhau vào lĩnh vực giáo dục. Sau đây là thực trạng quản lí hoạt động XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn các xã khu vực 2 thuộc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

2.4.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Xây dựng kế hoạch công tác XHHGD là nhằm đảm bảo cho hoạt động này được triển khai thực hiện đúng với mục đích, yêu cầu. Đây là bản hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện và quy định chức trách nhiệm vụ của từng bộ phận tham gia hoạt động XHHGD. Nếu bản kế hoạch được thiết kế đúng quy định và phù hợp với đặc thù của địa phương thì hiệu quả của công tác này sẽ đạt được mục đích đề ra. Bảng 2.3 là kết quả khảo sát các nội dung xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa của hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Bảng 2.3. Thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung kế hoạch	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Kế hoạch công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường được xây dựng cụ thể, chi tiết, đầy đủ nội dung theo từng năm học	3,58	0,86	1	3,39	0,71	1
2	Kế hoạch xác định được nguyên tắc xã hội hóa giáo dục của nhà trường	3,26	0,92	7	2,97	0,89	8
3	Kế hoạch xác định được mục tiêu và nội dung xã hội hóa giáo dục của nhà trường	3,46	0,79	2	3,13	0,80	3
4	Kế hoạch xác định được hình thức và phương pháp thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường	3,36	0,84	5	3,09	0,74	5
5	Kế hoạch xác định được các lực lượng tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục	3,25	0,74	8	2,96	0,79	9

TT	Nội dung kế hoạch	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
6	Kế hoạch xác định được các nhiệm vụ cần thực hiện của công tác xã hội hóa giáo dục	3,2	0,72	4	3,1	0,84	4
7	Kế hoạch xác định được thời gian, kinh phí thực hiện cho từng nhiệm vụ của công tác xã hội hóa giáo dục	3,30	0,93	6	3,06	0,86	6
8	Kế hoạch xã hội hóa của nhà trường đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế của kế hoạch trước	3,25	0,90	8	2,99	0,85	7
9	Nội dung kế hoạch xã hội hóa giáo dục của nhà trường đạt được sự nhất trí cao khi thông qua hội đồng sư phạm của nhà trường	3,43	0,99	3	3,33	0,90	2
Trung bình		3,37			3,11		
Mức độ đánh giá		Bình thường			Bình thường		
Độ tin cậy của thang đo (Cronback's Alpha)		0,94			0,95		
Tương quan (Pearson)		0,89**					

Nội dung hoạt động xã hội hóa là bảng hướng dẫn cách thức thực hiện cho các đối tượng tham gia. Các nội dung hướng dẫn phải đảm bảo phù hợp với nhu cầu của

nhà trường đồng thời phải căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của địa phương để xây dựng. Theo kết quả khảo sát "Kế hoạch công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường được xây dựng cụ thể, chi tiết, đầy đủ nội dung theo từng năm học" có điểm trung bình 3,58 độ lệch chuẩn 0,86. Điểm đánh giá cho thấy mức độ thực hiện của hoạt đông này được thực hiện thường xuyên tuy nhiên độ lệch chuẩn khá cao cho biết có sự phân tán các ý kiến được hỏi ở các mức khác nhau và kết quả của hoạt động này, theo đánh giá trung bình 3,39 chỉ đạt mức nhận định hiệu quả thực hiện bình thường. Từ đó ta thấy nội dung kế hoạch được xây dựng khá hoàn chỉnh nhưng khi thực hiện các nội dung này thì kết quả mang lại chưa tương xứng.

Đối với nội dung này mã số phỏng vấn CBQLGV01 cho rằng "*Những người có trách nhiệm đã xây dựng kế hoạch cụ thể có kế hoạch dài hạn và kế hoạch từng thời điểm*". Như vậy kế hoạch công tác XHHGD được xây dựng căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch giáo dục tại từng thời điểm khác nhau của năm học. Mã số phỏng vấn CBQLGV03 cho rằng "*Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, có kế hoạch dài hạn và kế hoạch từng thời điểm. Nhờ có kế hoạch cụ thể mà trong thời gian qua nhà trường đã từng bước tôn tạo, xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan sư phạm ngày càng khang trang*". Theo mã số phỏng vấn này nhờ có sự chi tiết cụ thể của kế hoạch XHHGD mà hoạt động này đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tôn tạo và xây dựng cảnh quan sư phạm. Theo mã số phỏng vấn CBQLGV 07 "*Những việc đã làm được đó là đã xây dựng kế hoạch đảm bảo các mục tiêu yêu cầu và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác xã hội hóa giáo dục. Những việc chưa làm được tuyên truyền phổ biến chưa sâu rộng, chưa có sự kết hợp giám sát thực hiện đánh giá mức độ thực hiện*". Nội dung phỏng vấn đã chỉ ra điểm mạnh của công tác xây dựng kế hoạch đảm bảo mục tiêu yêu cầu. Tuy nhiên, một số nội dung trong bản kế hoạch còn yếu là mức độ tuyên truyền còn hạn chế, triển khai và điều chỉnh kế hoạch chưa phù hợp.

Xã hội hóa là hoạt động có liên quan đến nhiều cơ quan tổ chức khác nhau và đây cũng là hoạt động mang tính nhạy cảm cao vì nó trực tiếp liên quan đến các vấn đề tài chính, cho nên quá trình lập kế hoạch phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Theo đánh giá nội dung "Kế hoạch xác định được nguyên tắc xã hội hóa giáo dục của nhà trường" chỉ được thực hiện ở mức bình thường điểm trung bình 3.26.

Như vậy, việc tuân thủ các nguyên tắc quy định khi xây dựng kế hoạch hóa tại các trường được khảo sát hiện nay chưa thực hiện triệt để cho nên kết quả thực hiện cũng chỉ nhận được ở mức đánh giá bình thường.

Đối với nội dung này mã số phỏng vấn CBQLGV 012 cho rằng "*Nhà trường đã xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục kịp thời ngay từ đầu năm và triển khai đến toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên. Kế hoạch thực hiện rõ ràng gồm có các yêu cầu và mục tiêu kèm theo giải pháp thực hiện sát với tình hình thực tế tại địa phương. Tuy nhiên việc thực hiện kế hoạch của đội ngũ còn thấp, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Một số còn mang tính đối phó*". Theo mã số phỏng vấn này thì ngoài một số trường đã thực hiện tốt việc lập kế hoạch thì còn một số đơn vị chỉ thực hiện mang tính đối phó nên hiệu quả thực hiện chưa cao, chưa đúng với yêu cầu chủ trương của Đảng và Nhà nước về XHHGD. Mã số phỏng vấn LĐĐCQ 02 cho rằng "*Công tác xã hội hóa giáo dục nhằm để xây dựng cộng đồng, cần có sự phối hợp chặt chẽ của nhà trường cùng chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn có quan hệ phối hợp cùng chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và cha mẹ học sinh*". Từ quan điểm này cho thấy, quá trình lập kế hoạch phải đảm bảo có sự tham gia phối hợp của nhiều bộ phận chức năng thì hiệu quả hoạt động vận động xã hội hóa mới đạt được mục đích yêu cầu.

Nội dung khảo sát "Kế hoạch xác định được mục tiêu và nội dung xã hội hóa giáo dục của nhà trường" có điểm trung bình khảo sát phần mức độ thực hiện là 3,46 độ lệch chuẩn 0,79 điểm số này đạt mức đánh giá thực hiện thường xuyên tuy nhiên độ lệch chuẩn khá cao cho thấy vẫn còn nhiều ý kiến chưa thực sự đồng tình với quan điểm, quá trình xây dựng kế hoạch đã bám sát mục tiêu. Đánh giá phần kết quả thực hiện điểm trung bình thấp hơn 3,13 độ lệch chuẩn 0,80 điểm khảo sát cho thấy hiệu quả thực hiện chỉ đạt mức trung bình. Một số ý kiến phỏng vấn cho rằng; mã số CBQLGV 21 nhận định "*Hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch XHHGD cụ thể, chi tiết, đủ nội dung. Kế hoạch XHHGD đã xác định được lực lượng tham gia, thời gian, kinh phí thực hiện cho từng nhiệm vụ; kế hoạch được công khai và sự nhất trí đồng thuận cao trong tập thể hội đồng sư phạm, đảm bảo đúng nguyên tắc*

XHHGD. Hạn chế: Việc xác định hình thức, phương pháp thực hiện XHHGD đôi khi chưa cụ thể". Theo ý kiến trên thì đa số các trường đều thực hiện đầy đủ các yêu cầu về lập kế hoạch thực hiện cả về nội dung lẫn các thức thực hiện. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố chi phối nên quá trình triển khai còn gặp những khó khăn nhất định như; lực lượng tham gia không đồng đều, cơ sở vật chất phục vụ chưa đảm bảo, nội dung nhiều khi chưa bao quát hết được thực tế.

Đối với nội dung khảo sát "Kế hoạch xác định được hình thức và phương pháp thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường". Đa số các ý kiến đều nhận định mức độ thực hiện chỉ đạt bình thường, trung bình 3,36 và hiệu quả thực hiện cũng có nhận định tương tự ở mức bình thường. Kết quả phỏng vấn cho thấy mặc dù được chuẩn bị khá tốt ở khâu cụ thể hóa mục tiêu nhưng việc huy động các nguồn lực của các nhà quản lí để thực hiện mục tiêu này còn nhiều hạn chế. Cùng quan điểm này mã số phỏng vấn CBQLGV 06 cho rằng "*Hiện tại nhà trường cũng đã huy động được một khoản kinh phí để thực hiện việc xã hội hóa giáo dục tuy nhiên địa phương còn nhiều khó khăn nên việc huy động các nguồn lực không cao, chưa có thật nhiều các mạnh thường quân*". Mã số CBQLGV 07 cho rằng "*Bản thân nhận thấy công tác xã hội hóa giáo dục hiện nay tại trường chỉ thực hiện được ở mức độ tuyên truyền phổ biến chứ chưa đi sâu vào thực hành đánh giá xếp loại*". Từ hai quan điểm phỏng vấn và kết quả khảo sát người nghiên cứu nhận thấy cách thức thực hiện các nội dung trong bản kế hoạch của các trường hiện nay cần dựa vào thực tế của từng địa phương để xây dựng, nhằm tận dụng tối đa những thế mạnh và khắc phục những khó khăn còn tồn tại lâu nay trên địa bàn của các đơn vị hiện nay.

Nội dung "Kế hoạch xác định được các lực lượng tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục" có điểm trung bình khảo sát phần mức độ thực hiện là 3,25 đạt mức nhận định thực hiện bình thường, phần kết quả thực hiện có điểm trung bình 2,96 mức đánh giá kết quả thực hiện bình thường. Đây là một trong những nội dung có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tổ chức hoạt động xã hội hóa. Nếu chuẩn bị chu đáo về lực lượng cũng như trang bị cho họ các kiến thức, kĩ năng phù hợp thì kết quả của sự vận động XHHGD sẽ đạt được rất cao. Tuy nhiên theo đánh giá của khảo sát

hiện tại nội dung này chưa được thực hiện tốt ở khâu lên kế hoạch, cho nên việc triển khai thực hiện sẽ gặp tương đối khó khăn.

Nội dung có điểm đánh giá thấp nhất bảng là "Kế hoạch xã hội hóa của nhà trường đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế của kế hoạch trước", điểm trung bình mức độ thực hiện là 3,25, độ lệch chuẩn là 0,90, phần kết quả thực hiện có điểm trung bình là 2,99, độ lệch chuẩn 0,85. Kết quả khảo sát nội dung này cho thấy mức độ nhận định chỉ đạt mức trung bình. Như vậy có thể thấy mặc dù kế hoạch được thực hiện hàng năm và quá trình triển khai thực hiện đã gặp những khó khăn nhất định nhưng do nhiều lí do khác nhau mà bản kế hoạch sau vẫn không thể khắc phục được những tồn tại trước đó, hoàn thiện các bản kế hoạch với các nội dung nhằm tổ chức kế hoạch có hiệu quả hơn cho những năm tiếp theo. Phỏng vấn về nội dung này người nghiên cứu nhận được các lí do sau đây: Mã số phỏng vấn CBQLGV 12 cho rằng "*Công tác lập kế hoạch còn nhiều hạn chế như việc đánh giá còn cả nể, việc theo dõi thực hiện chưa thực sự chắc chắn, phê bình, khiển trách cá nhân vi phạm còn ít*". Mã số CBQLGV 17 cho rằng "*Những hạn chế của các bản kế hoạch trước là những vấn đề khó có thể khắc phục từ ý chí chủ quan của người lập kế hoạch như: nhận thức của phụ huynh, tình hình kinh tế của địa phương, chủ trương của xã…*".

So sánh mối liên hệ giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện bằng chỉ số thống kê mức độ tương quan (Pearson) người nghiên cứu nhận thấy kết quả khảo sát của hai nội dung này có mối liên hệ thuận chặt chẽ với nhau. Mức độ tin cậy của mối liện hệ lên đến 89% (**). Chỉ số độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha) lần lượt là 0,94 và 0,95 cho biết thang đo của bảng 2.3 hoàn toàn có thể tin cậy được.

Kết quả khảo sát bảng 2.3 cho thấy việc lập kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của các trường tại khu vực 2 huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng hiện nay còn nhiều hạn chế. Theo kết quả khảo sát điểm trung bình chung của các nội dung là 3,37 cho phần mức độ thực hiện. Điểm số này chỉ đạt mức đánh giá thực hiện bình thường ở việc lập kế hoạch. Phần kết quả thực hiện có điểm trung bình là 3,11 mức đánh giá bình thường. Từ đó có thể thấy thực trạng công tác lập kế hoạch của các nhà quản lí hiện nay chưa đáp ứng hoàn thiện được các yêu cầu về xây dựng nội dung thực hiện vận động xã hội hóa cho giáo dục. Cần phải có những giải pháp

cụ thể nhằm hoàn thiện khâu lập kế hoạch để quá trình triển khai thực hiện đảm bảo đạt được những yêu cầu về mục tiêu.

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa là đảm bảo cho hoạt động diễn ra đúng kế hoạch đã đề ra trước đó. Đồng thời nhà quản lí phải biết tận dụng được các thế mạnh về nguồn lực của mình để đảm bảo quá trình thực hiện được thực thi có hiệu quả và đạt được mục tiêu đã đề ra. Bảng 2.4 là kết quả khảo sát các nội dung liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa của hiệu trưởng các trường được khảo sát.

Bảng 2.4. Thực trạng tổ chức thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Xây dựng được môi trường thuận lợi, hoan nghênh và khuyến khích sự tham gia của các lực lượng vào thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.	3,62	0,75	2	3,35	0,72	1
2	Thành lập Tổ vận động và tiếp nhận tài trợ	3,17	0,63	5	2,91	0,97	6
3	Phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục	3,14	1,03	6	3,03	0,97	5
4	Thống nhất các quy định và tổ chức các lực lượng trong nhà trường thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục	3,33	0,89	4	3,19	0,81	4

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
5	Xây dựng được mối quan hệ phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và cha mẹ học sinh triển khai công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường	3,71	0,84	1	3,32	0,88	2
6	Thực hiện gặp gỡ, trao đổi với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và phụ huynh học sinh nhằm phổ biến kế hoạch và thúc đẩy xã hội hóa giáo dục trong nhà trường	3,45	1,01	3	3,2	0,93	3
7	Thực hiện hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế	2,22	0,89	8	2,38	0,91	7
8	Tổ chức các hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các đối tác trong nước và quốc tế cho giáo viên và học sinh	2,28	0,98	7	2,33	0,89	8
Trung bình		3,12			2,96		
Mức độ đánh giá		Bình thường			Bình thường		
Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)		0,68			0,86		
Tương quan (Pearson)		0,99**					

Nội dung đầu tiên cũng là nội dung được đánh giá cao nhất bảng 2.4 là việc "Xây dựng được môi trường thuận lợi, hoan nghênh và khuyến khích sự tham gia

của các lực lượng vào thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục". Điểm trung bình mức độ thực hiện là 3,62 điểm số này đạt mức nhận định hoạt động này dược thực hiện ở mức độ thường xuyên, tuy nhiên độ lệch chuẩn 0,75 cho thấy vẫn còn một số ý kiến chưa đánh giá cao công tác này, tỉ lệ này không nhiều và không ảnh hưởng nhiều đến nhận định chung của nội dung. Phần kết quả thực hiện có điểm trung bình 3,35 điểm số này chỉ đạt mức nhận định kết quả thực hiện ở mức bình thường. Mặc dù được đánh giá cao công tác tổ chức thực hiện nhưng kết quả nhận được lại chưa tương xứng. Điều này thể hiện nội dung triển khai chưa thực sự phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của địa phương, đồng thời các lực lượng tham gia chưa khai thác hết được những lợi thế mà bảng kế hoạch đã đề ra. Đồng quan điểm với kết quả khảo sát, mã số phỏng vấn CBQLGV 07 cho rằng "*Bản thân nhận thấy công tác xã hội hóa giáo dục hiện nay tại trường chỉ thực hiện được ở mức độ tuyên truyền phổ biến chứ chưa đi sâu vào thực hành đánh giá xếp loại*". Đây là nhận định phản ánh phần nào thực trạng hiện nay tại các trường. Mặc dù có tổ chức nhưng chủ yếu tập trung vào trình bày những khó khăn hiện tại của nhà trường đồng thời kêu gọi sự đóng góp của phụ huynh học sinh mà chưa có những giải pháp toàn diện nhằm làm cho phụ huynh thấy được lợi ích thiết thực của việc đóng góp là nâng cao chất lượng giáo dục và người được thụ hưởng trực tiếp là con em của họ. Mã số phỏng vấn CBQLGV 09 cho rằng "*Nguồn huy động chưa đa dạng chủ yếu là dụng cụ học tập và tài liệu thư viện*". Do chưa thực sự làm tốt các công tác chuẩn bị nên giá trị huy động không cao, chỉ giải quyết được một phần khó khăn về cơ sở vật chất và hiệu quả mang lại của hoạt động còn thấp. Ngoài ra "*Do việc huy động được các lực lượng trong và nhà trường chưa làm được nhiều. Chỉ mới làm được những việc nhỏ. Chưa làm thay đổi phát triển đi lên của nhà trường nhiều*" mã số phỏng vấn CBQLGV 09 nhận định thêm. Từ đó có thể thấy việc xây dựng môi trường cho hoạt động XHHGD trong thời gian tới cần được đầu tư đúng mức để thực hiện thành công các mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra.

Nội dung "Thành lập Tổ vận động và tiếp nhận tài trợ" có điểm trung bình khảo sát mức độ thực hiện là 3,17 điểm số này chỉ đạt mức đánh giá thực hiện trung bình, hiệu quả thực hiện điểm khảo sát là 2,91 cũng chỉ đạt mức hiệu quả trung bình. Như vậy, việc thành lập các tổ chức chuyên trách cho hoạt động này tại các trường

chưa được thực hiện tốt. Trong khi đó đây là bộ phận có tầm ảnh hưởng tương đối đến chất lượng của hoạt động nếu được tổ chức bài bản và khoa học. Mã số phỏng vấn CBQLGV 17 cho rằng "*Thành lập được bộ máy, ban vận động, xác định nhiệm vụ của thành viên. Tuy nhiên ra quyết định giao nhiệm vụ cho từng cá nhân không kịp thời*". Chính điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động và hiệu quả nhận được từ công tác vận động xã hội hóa không cao. Ngoài ra việc "*Chưa phối hợp tốt với địa phương trong nước và quốc tế về XHHGD. Huy động cha mẹ học sinh cùng tham gia giáo dục hướng dẫn học sinh học tập còn rất ít*" cũng là một trong những nguyên nhân gây ảnh hưởng đến hoạt động này tại các trường, theo nhận định của mã số phỏng vấn CBQLGV 21.

Nội dung "Phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục". Có điểm trung bình phần mức độ thực hiện là 3,14 và hiệu quả thực hiện là 3,03. Điểm khảo sát khá thấp cho thấy sự quan tâm của các bộ phận có liên quan đối với hoạt động xã hội hóa hiện nay chưa thực sự tốt nên hiệu quả đạt được không cao. Cụ thể, để triển khai thực hiện kế hoạch đúng với yêu cầu đề ra thì việc phân công quyền hạn trách nhiệm cho từng thành viên tham gia chi tiết và cụ thể sẽ không những tạo điều kiện cho mọi người thấy rõ trách nhiệm của mình để thực hiện tốt hơn vai trò được giao mà đây còn là sự ghi nhận năng lực của từng cá nhân đối với tập thể nhà trường. Mã số phỏng vấn CBQLGV 11 cho rằng "*Vì sự hiểu biết về công tác này của một số cá nhân khi thực hiện chưa đồng đều và chưa ý thức được hết tầm quan trọng của nó. Đồng thời việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên của cán bộ quản lí nhiều khi chưa cụ thể nên trách nhiệm của cá nhân chưa có cơ hội phát huy*". Đây là hoạt động mang tính tự nguyện, không có cán bộ chuyên trách, mặt khác các quy định mang tính pháp quy cho đội ngũ thực hiện hoạt động này không cụ thể nên tạo không ít khó khăn cho hiệu trưởng khi tiến hành phân công nhiệm vụ. Vai trò trách nhiệm của từng cá nhân chủ yếu xuất phát từ cái tâm với nghề, cho nên chất lượng và hiệu quả của công việc chưa có tính ràng buộc cao.

Khảo sát nội dung "*Thống nhất các quy định và tổ chức các lực lượng trong nhà trường thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục*", điểm trung bình phần mức độ

thực hiện là 3,33 độ lệch chuẩn 0,89 điểm khảo sát đạt mức đánh giá thực hiện bình thường đây là hoạt động nhằm thống nhất cách thức, phương pháp tiến hành vận động xã hội hóa. Nếu được tổ chức bài bản thống nhất cho từng thành viên thì không những mang lại hiệu quả cao trong vận động tài trợ mà còn tạo được sự đồng thuận của xã hội về chủ trương chia sẻ khó khăn với ngành giáo dục. Tuy nhiên, với mức độ đánh giá hiện trạng như trên, người nghiên cứu nhận thấy cần phải có giải pháp nâng cao hơn nữa việc phổ biến chủ trương tới từng thành viên tham gia nhằm định hướng tốt cho các hoạt động khi thực hiện nhiệm vụ. Kết quả khảo sát phần hiệu quả thực hiện phản ánh tương đối chính xác mức độ thực hiện của công tác này. Trung bình 3,19 hiệu quả đánh giá ở mức trung bình. Mã số phỏng vấn CBQLGV 11 bổ sung thêm "*Cán bộ quản lí và các lãnh đạo chưa thật sự quan tâm nhiều tới việc hướng dẫn các lực lượng tham gia cách thức thực hiện xã hội hóa, chưa có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các lực lượng tham gia XHHGD*". Đây cũng là vấn đề cần được quan tâm xem xét nhằm hoàn thiện các khâu khi lập kế hoạch, để quá trình triển khai thực hiện được tiến hành đồng bộ và có hiệu quả hơn đối với công tác này. Nội dung "*Xây dựng được mối quan hệ phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và cha mẹ học sinh triển khai công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường*". Trung bình khảo sát 3,71 điểm số này khá cao cho nên nhận định mức độ thực hiện là thường xuyên. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn 0,84 cho thấy có sự chưa thống nhất tương đối về kết quả này, vẫn còn một số ít những người được hỏi đánh giá ở mức bình thường. Phần kết quả thực hiện điểm khảo sát là 3,32 số liệu này chỉ đạt mức nhận định kết quả thực hiện ở mức bình thường. Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù đã có những nỗ lực đáng kể của các bộ phận khi tham gia thực hiện công tác vận động, nhằm thiết lập mối quan hệ với các bộ phận có liên quan để phối hợp thực hiện, nhưng kết quả nhận được không cao, chưa đáp ứng được đầy đủ mục đích yêu cầu.

Nội dung có điểm khảo sát thấp nhất bảng là "*Tổ chức các hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các đối tác trong nước và quốc tế cho giáo viên và học sinh*". Điểm trung bình khảo sát phần mức độ thực hiện là 2,28 độ lệch chuẩn 0,98 xếp hạng 7 của bảng, đánh giá chung mức độ tiến hành các hoạt động giao lưu rút

kinh nghiệm cho công tác vận động xã hội hóa chỉ ở mức trung bình. Phần kết quả thực hiện điểm số là 2,33 độ lệch chuẩn 0,89 xếp hạng 8. Kết quả thực hiện của nội dung này chỉ được đánh giá mức trung bình.

Kết quả kiểm nghiệm độ tin cậy của thang đo mức độ thực hiện là 0,68 chỉ số thống kê Cronbach's Alpha chỉ ở mức trung bình, nhưng thang đo này có thể sử dụng được. Phần kết quả thực hiện Cronbach's Alpha 0,86 kiểm nghiệm cho thấy độ tin cậy đạt mức khá. Như vậy, về mặt kĩ thuật kết quả kiểm nghiệm độ tin cậy của các nội dung thuộc bảng hỏi 2.4 là hoàn toàn có thể sử dụng vào mục đích nghiên cứu.

So sánh mối liên hệ giữa kết quả thực hiện và mức độ thực hiện bằng chỉ số tương quan Pearson, người nghiên cứu nhận được kết quả tương quan rất cao 0,99**. Số liệu này chỉ ra rằng có mối liên hệ thuận chặt chẽ giữa những nhận định mức độ thực hiện và kết quả thực hiện của công tác xã hội hóa giáo dục.

Đánh giá chung thực trạng tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa của hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hiện nay chỉ ở mức trung bình và kết quả của hoạt động này cũng chỉ trung bình. Với thực trạng còn nhiều khó khăn trong việc trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục như hiện nay thì việc các hoạt động vận động xã hội hóa chưa phát huy hết vai trò, chức năng, nhằm hỗ trợ cùng ngân sách chăm lo cho hoạt động giáo dục trên địa bàn như thực trạng là điều cần suy nghĩ và phải có những giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện hoạt động này trong tương lai có hiệu quả hơn.

2.4.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Chỉ đạo thực hiện là hoạt động của nhà quản lý nhằm đảm bảo cho kế hoạch được thực hiện đúng với mục đích yêu cầu đã đề ra. Ngoài ra, vai trò của nhà quản lí cần phải được phát huy khi phát hiện những tình huống chưa phù hợp của bản kế hoạch so với tình hình thực tế. Bảng 2.5 là kết quả khảo sát công tác chỉ đạo thực hiện các nội dung XHHGD trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Bảng 2.5. Thực trạng chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Hướng dẫn các lực lượng tham gia cách thức thực hiện xã hội hóa giáo dục	3,12	1,01	6	2,96	0,79	6
2	Phổ biến phương hướng hành động cho các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục	3,13	0,89	5	2,96	0,65	6
3	Hướng dẫn cụ thể nội dung, nhiệm vụ triển khai các hoạt động xã hội hóa giáo dục	3,28	0,87	3	3,17	0,69	3
4	Đưa ra chính sách hỗ trợ, khuyến khích các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục	3,12	0,88	6	3,09	0,85	5
5	Đôn đốc thực hiện các hoạt động xã hội hóa giáo dục trong nhà trường	3,58	0,93	1	3,29	0,86	1
6	Động viên, khuyến khích các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục	3,45	0,95	2	3,19	0,86	2
7	Điều chỉnh kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục	3,28	0,97	3	3,13	0,78	4
Trung bình		3,28			3,11		
Mức độ đánh giá		Bình thường			Bình thường		
Độ tin cậy của thang đo (Cronback's Alpha)		0,92			0,91		
Tương quan (Pearson)		0,90**					

Nội dung được đánh giá cao nhất bảng là "Đôn đốc thực hiện các hoạt động XHHGD trong nhà trường". Điểm trung bình khảo sát 3,58, độ lệch chuẩn 0,93 mức đánh giá cho điểm số này là thực hiện thường xuyên, tuy nhiên độ lệch chuẩn khá cao, chính vì vậy vẫn còn một số người được hỏi chưa thực sự đồng tình với nhận định chung này. Mặc dù tỉ lệ này không nhiều nhưng cũng phần nào phải ánh thực trạng hiện nay về sự sâu sát của cán bộ quản lí đối với hoạt động này. Mã số phỏng vấn CBQLGV 20 cho rằng "*Nhà trường đã chỉ đạo sát sao công tác xã hội hóa giáo dục. Hằng năm đều tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và sau đó là phụ huynh học sinh để huy động xã hội hóa. Nhà trường phối hợp chặt chẽ ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác vận động xã hội hóa giáo dục*". Phần kết quả thực hiện có điểm trung bình 3,29 độ lệch chuẩn 0,86 xếp hạng 1 của bảng. Mặc dù được đánh giá là thực hiện thường xuyên nhưng kết quả nhận được chỉ đạt mức bình thường cho việc thường xuyên hướng dẫn các lực lượng tham gia về nội dung và phương pháp tiến hành công tác xã hội hóa của nhà quản lí. Mã số phỏng vấn CBQLGV 21 cho rằng "*Việc phổ biến phương hướng hành động và động viên, khuyến khích các lực lượng tham gia XHHGD chưa thực sự sâu sát. Quá trình điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong thực hiện công tác XHHGD còn chậm*". Vận động đóng góp cho giáo dục là hoạt động rất cần thiết nhưng cũng mang tính nhạy cảm cao với dư luận, cho nên việc thống nhất phương châm hành động và nội dung tuyên truyền cho các đối tượng tham gia có ảnh hưởng rất lớn đến sự tác động vào dư luận và định hướng nhận thức tích cực của xã hội.

Xếp hạng 2 của bảng 2.5 là nội dung "Động viên, khuyến khích các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục". Điểm trung bình mức độ thực hiện là 3,45 đạt mức nhận định thực hiện thường xuyên. Phần hiệu quả thực hiện trung bình 3,19 mức nhận định hiệu quả trung bình. Có sự chênh lệch giữa thực hiện và hiệu quả thực hiện. Mặc dù được cấp có thẩm quyền thường xuyên quan tâm động viên khuyến khích nhưng những hoạt động này chưa thực sự có tác động tích cực đến các đối tượng tham gia. Nhận định về vấn đề này mã số phỏng vấn CBQLGV 13 cho rằng "*Hiệu quả mang lại từ hoạt động chưa cao, không đáp ứng được như kì vọng cho nên các nhà quản lí không thực sự đầu tư nhiều về công sức cũng như vật chất để*

hoạt động này thực hiện đúng với mục đích yêu cầu. Ngoài ra chưa có ràng buộc nhất định về trách nhiệm cá nhân khi thực hiện cho nên kết quả thu được chưa thực sự cao". Đây là hai nội dung nhận được nhiều sự đánh giá cao của hoạt động chỉ đạo thực hiện kế hoạch xã hội hóa giáo dục. Mặc dù chưa cao nhưng cũng là điều đáng ghi nhận hiện nay trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn như xã khu vực 2.

Nội dung có điểm khảo sát thấp nhất bảng là "Hướng dẫn các lực lượng tham gia cách thức thực hiện xã hội hóa giáo dục" điểm trung bình khảo sát 3,12 đạt mức nhận định thực hiện trung bình. Độ lệch chuẩn 1,01 cho thấy có sự phân tán các ý kiến được hỏi khá cao xung quanh điểm trung bình khảo sát. Một số người được hỏi còn lựa chọn mức yếu và không thực hiện. Mặc dù số lượng này không nhiều nhưng cũng phần nào nói lên thực trạng hiện nay của việc hướng dẫn cách thức thực hiện các nội dung xã hội hóa của cán bộ quản lí. Điều này thể hiện ở mức độ đánh giá kết quả thực hiện. Điểm trung bình hoạt động này 2,96 đạt mức nhận định kết quả nhận được cũng ở mức trung bình. Ngoài ra nội dung "Phổ biến phương hướng hành động cho các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục" cũng có kết quả tương tự. Trung bình phần thực hiện là 3,13, phần kết quả thực hiện là 2,96. Cả hai nội dung trên đều có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng của công tác xã hội hóa nếu chưa được tổ chức tốt. Đặc biệt trên địa bàn các trường hiện nay sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức cho giáo dục là vô cùng cần thiết. Cho nên cần phải có những biện pháp khắc phục triện để các khâu tổ chức thực hiện nhằm hoàn thiện quy trình thực hiện hoạt động để kết quả nhận được đáp ứng được nhu cầu cấp thiết hiện nay. Nói về nội dung này mã số phỏng vấn CBQLGV 17 cho rằng "*Công tác chỉ đạo, giám sát về công tác xã hội hóa giáo dục ở đơn vị có thực hiện, tuy nhiên không được thường xuyên, sâu sát. Vì thế chưa nắm bắt được tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng tham gia*". Tuy nhiên cũng có những ý kiến phỏng vấn đánh giá cao hoạt động này hiện nay. Mã số phỏng vấn CBQLGV 04 cho rằng "*Thực hiện xã hội hóa dựa trên kế hoạch vận động học sinh ra lớp, trao đổi hai chiều đến phụ huynh học sinh. Chỉ đạo giáo viên bộ môn tăng cường mối dây đoàn kết giữa thầy và trò liên lạc hai chiều thường xuyên gần gũi quan tâm*". Hay mã số CBQLGV 09 nhận định "*Dựa vào đặc điểm, tình hình của nhà trường, địa phương nhà trường để có những chỉ đạo*

hợp lí phù hợp với tình hình để phối kết hợp với các lực lượng trong và ngoài xã hội xây dựng môi trường giáo dục. Tuy nhiên chưa huy động được các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất và hỗ trợ giáo dục được như mong muốn".

Đánh chung thực trạng kết quả thực hiện công tác chỉ đạo thực hiện các hoạt động xã hội hóa của nhà quản lí ở bảng 2.5 người nghiên cứu cho rằng mức độ thực hiện chưa cao, chưa phản ánh hết được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước hiện nay về xã hội hóa giáo dục. Đánh giá thực trạng cũng cho thấy mức độ thực hiện chỉ đạt mức trung bình điểm khảo sát 3,28. Kết quả nhận được từ thực trạng này cũng chỉ đạt mức đánh giá trung bình điểm khảo sát 3,11. Để hoạt động này có hiệu quả, hơn ai hết các nhà quản lí phải xác định được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với chất lượng của công tác. Đồng thời cần có giải pháp phù hợp nhằm gắn trách nhiệm của người đứng đầu với các nội dung kế hoạch được triển khai.

Các mục được khảo sát trong bảng 2.5 có độ tin cậy khá cao, 0,92 cho phần mức độ thực hiện và 0,91 cho phần kết quả thực hiện. Các chỉ số này cho phép hoàn toàn tin tưởng vào độ tin cậy của các nội dung khảo sát về hoạt động chỉ đạo thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trong bảng 2.5.

2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá trong công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Kiểm tra đánh giá là việc xem xét lại quy trình thực hiện đã được triển khai đúng yêu cầu mà bảng kế hoạch đã đề ra hay chưa. Thông qua việc so sánh mục tiêu với kết quả thực hiện, nhà quản lí sẽ đánh giá từng khâu, từng nội dung của bản kế hoạch nhằm tìm ra những điểm mạnh hay điểm yếu của hoạt động. Từ đó đưa ra những biện pháp phù hợp để khắc phục điểm yếu và phát huy những ưu điểm. Bảng 2.6 là kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra đánh giá trong công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn xã khu vực 2 thuộc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Bảng 2.6. Thực trạng kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ xã hội hóa giáo dục trong nhà trường	3,26	0,83	2	3,22	0,78	1
2	Kiểm tra, đánh giá quy trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc và sự phối hợp các lực lượng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục	3,17	0,89	3	3,01	0,81	3
3	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện xã hội hóa giáo dục nhà trường so với mục tiêu đề ra	3,33	0,90	1	3,17	0,86	2
4	Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp, bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo hoạt động xã hội hóa giáo dục	3,16	0,87	4	3,01	0,81	3
5	Định kì đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện xã hội hóa giáo dục nhà trường	3,04	0,98	5	3,00	0,91	5
Trung bình		3,19			3,08		
Mức độ đánh giá		Bình thường			Bình thường		
Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)		0,93			0,92		
Tương quan (Pearson)		0,82					

Nội dung được đánh giá cao nhất bảng 2.6 là "Kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ xã hội hóa giáo dục trong nhà trường" điểm trung bình khảo sát 3,26 độ lệch chuẩn 0,83 xếp hạng 1. Điểm tương đối cao so với các nội dung khác trong bảng, nhưng mức độ đánh giá theo khoảng điểm số chỉ đạt nhận định thực hiện trung bình. Độ lệch chuẩn khá cao, cho thấy có sự không đồng đều trong nhận định đánh giá. Khâu này khá quan trọng vì chỉ khi đánh giá đúng kết quả thực hiện thì nhà quản lí mới tìm ra được những điểm làm được và chưa làm được từ đó có kế hoạch khắc phục để những hoạt động kế tiếp có kết quả tốt hơn. Theo mức

nhận định như trên thì công tác này chưa thực sự đáp ứng đầy đủ về các yêu cầu kiểm tra, đánh giá trong công tác XHHGD. Phần hiệu quả thực hiện có điểm trung bình là 3,22 độ lệch chuẩn 0,78 xếp hạng 1. Điểm khảo sát của phần này cũng chỉ đạt mức nhận định chung về kết quả thực hiện ở mức trung bình. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn thấp cho thấy ít có sự phân tán các ý kiến được hỏi. Nhận định về nội dung này mã số phỏng vấn CBQLGV 01 cho rằng "*Công tác kiểm tra, đánh giá XHHGD được thực hiện nghiêm túc, mọi khoản thu chi được công khai minh bạch, tuy nhiên việc thực hiện chưa thực sự đồng bộ ở các khâu*". Mã số CBQLGV 05 cùng quan điểm "*Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá công tác xã hội hóa, mọi khoản thu chi đều được công khai minh bạch. Tuy nhiên do nguồn huy động vốn còn ít nên việc thực hiện công tác xã hội hóa còn chậm và chưa đồng bộ*". Đây cũng là những trăn trở chung của các nhà quản lí khi triển khai thực hiện công tác này tại các trường.

Nội dung "Kiểm tra, đánh giá quy trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc và sự phối hợp các lực lượng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục" có điểm trung bình thực hiện là 3,17, phần hiệu quả thực hiện 3,01. Cả hai chỉ số này đều nằm trong mức đánh giá trung bình. Mức độ khá thấp cho thấy hoạt động này cần phải được điều chỉnh ở các khâu nhằm thực hiện tốt hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Nội dung "Kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện xã hội hóa giáo dục nhà trường so với mục tiêu đề ra" điểm trung bình khá cao 3,33 cho phần thực hiện. Phần hiệu quả 3,17. Tuy nhiên cả hai mức điểm số này chỉ đạt mức nhận định trung bình. Việc so sánh kết quả nhận được của quá trình thực hiện với mục tiêu đề ra có ý nghĩ rất lớn đến công tác quản lí của hiệu trưởng. Căn cứ vào thực trạng của hoạt động và kết quả nhận được so với mục tiêu của bản kế hoạch, người quản lí có thể xem xét ở các khâu của quá trình đã thực hiện đầy đủ các bước hay chưa? Hay căn cứ vào tình hình thực tế nhà quản lí có thể điều chỉnh lại bản kế hoạch cho sát với tình hình hiện tại tránh tình trạng mục tiêu đặt ra xa rời với thực tế nên quá trình thực hiện không đảm bảo được các tiêu chí đã đề ra. Theo đánh giá từ khảo sát hoạt động này của những người có liên quan chưa thực hiện đúng yêu cầu. Mã số phỏng vấn CBQLGV 07 cho rằng "*Chưa có sự đồng bộ và thường xuyên nên chưa đánh giá được hiệu quả*

triển khai kế hoạch theo từng thời điểm giai đoạn". Cùng quan điểm mã số phỏng vấn CBQLGV 12 cho rằng "*Thông qua kiểm tra, đánh giá công tác xã hội hóa giáo dục thì hiệu quả còn thấp, kết quả chưa cao. Một số đánh giá và kiểm tra chưa thực sự sát với thực tế khu vực*".

Nội dung "Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp, bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo hoạt động xã hội hóa giáo dục". Điểm trung bình phần mức độ thực hiện là 3,16 đạt mức nhận định bình thường. Phần kết quả thực hiện cũng có kết quả tương tự. Như vậy có thể thấy việc các nhà quản lí điều chỉnh bản kế hoạch công tác xã hội hóa cho sát với tình hình thực tế của địa phương chưa được thực hiện tốt. Cho nên, hiệu quả của hoạt động này không đạt được như kì vọng và mong muốn của các trường hiện nay.

Nội dung có điểm đánh giá thấp nhất bảng là "Định kì đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện xã hội hóa giáo dục nhà trường". Điểm trung bình mức độ thực hiện 3,04 độ lệch chuẩn 0,98 xếp hạng 5 của bảng. Đây là hoạt động thông thường được thực hiện thường xuyên nhằm chỉ ra những khó khăn tồn tại và có hướng khắc phục trong tương lai. Thông qua đây nhà quản lí có thể vừa nắm bắt được tiến độ thực hiện so với kế hoạch, vừa biết được mức độ đạt được về mục tiêu. Tuy nhiên, đánh giá mức độ thực hiện như trên thì cần phải xem lại sự quan tâm của nhà quản lí đối với hoạt động này. Phần kết quả thực hiện cũng có kết quả tương tự. Từ đó, người nghiên cứu nhận thấy để hoạt động vận động sự đóng góp của xã hội cho giáo dục đạt hiệu quả cao, thì trước hết các khâu của quá trình thực hiện phải được đầu tư và thực hiện nghiêm túc.

Điểm trung bình chung của bảng 2.6 phần mức độ thực hiện là 3,19, điểm số này chỉ đạt mức nhận định trung bình. Nghĩa là các hoạt động về kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện công tác xã hội hóa hiện nay của hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng chỉ mới thực hiệc được một phần cho nên hiệu quả nhận được từ hoạt động này không cao. Theo đánh giá của khảo sát hiệu quả đạt được cũng chỉ đạt mức trung bình vì điểm khảo sát ở mức 3,08. Tóm lại kiểm tra, đánh giá là công tác cần phải được thực hiện thường xuyên ở tất cả các khâu của quá trình triển khai kế hoạch. Một mặt nhằm đảm bảo quá trình triển

khai đúng với yêu cầu đề ra, mặc khác giúp nhà quản lí thấy rõ được những bất cập trong quá trình thực hiện và có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Hệ số tương quan Pearson 0,82 cho thấy mức độ liên hệ thuận giữa những đánh giá mức độ thực hiện với hiệu quả thực hiện ở mức khá. Mức độ này cho phép người nghiên cứu khẳng định số liệu thu được từ khảo sát các nội dung kiểm tra đánh giá giữa hai mức độ là hoàn toàn có sự liên quan chặt chẽ với nhau. Điều này chỉ ra rằng, các ý kiến đánh giá về hiệu quả thực hiện được căn cứ trên kết quả của mức độ thực hiện công tác này tại các trường.

Chỉ số thống kê Croanbach's Alpha 0,93 cho phần thực hiện và 0,92 cho phần kết quả thực hiện cho thấy mức độ tin cậy của thang đo bảng 2.6 là có thể tin tưởng và sử dụng vào mục đích nghiên cứu là hoàn toàn phù hợp.

2.5. Thực trạng mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Công tác XHHGD là một hoạt động có sự tham gia của nhiều thành phần khác nhau của xã hội. Cho nên các yếu tố tác động đến hoạt động này cũng vô cùng phong phú và đa dạng. Có những yếu tố tác động tích cực làm cho hiệu quả của hoạt động được nâng cao nhưng cũng có những yếu tố gây cản trở và làm cho hiệu quả không đạt được như mục tiêu đề ra. Việc xác định được các yếu tố tiêu cực, cũng như tích cực sẽ giúp các nhà quản lí có được chủ trương kế hoạch đúng đắn khi tổ chức thực hiện hoạt động này. Từ việc xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan tác động đến hiệu quả quản lí công tác xã hội hóa của nhà trường, giúp cho hiệu trưởng các trường THCS nắm bắt khái quát được các điểm mạnh, điểm yếu, các thời cơ và thách thức của nhà trường cũng như của bản thân trong việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác XHHGD của nhà trường. Dưới đây người nghiên cứu tìm hiểu các yếu tố khách quan và chủ quan có tác động trực tiếp và ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hoạt động XHHGD ở các trường để từ đó phân tích, xem xét một cách chính xác nhất mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này lên hoạt động quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

2.5.1. Yếu tố khách quan

Bảng 2.7 là kết quả khảo sát mức độ tác động của các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả cũng như công tác quản lí hoạt động XHHGD hiện nay của hiệu trưởng các trường THCS trên địa bàn xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Bảng 2.7. Mức độ tác động của các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung	Yếu tố khách quan (%)					Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
		Hoàn toàn không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Bình thường	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng rất lớn			
1	Chủ trương, chính sách xã hội hóa giáo dục	0,0	5,8	17,4	33,3	43,5	4,14	0,91	3
2	Sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương	0,0	4,3	18,8	34,8	42,0	4,14	0,88	3
3	Nhận thức của cộng đồng và các lực lượng xã hội	0,0	8,7	14,5	26,1	50,7	4,19	0,99	2
4	Sự tham gia của cộng đồng và các lực lượng xã hội	0,0	5,8	11,6	49,3	33,3	4,1	0,83	5
5	Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương	0,0	2,9	5,8	42,0	49,3	4,38	0,73	1
Trung bình		4,19							
Mức độ đánh giá		Ảnh hưởng							
Độ tin cậy của thang đo		0,85							

Nội dung có đánh giá mức độ ảnh hưởng lớn đến quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là "Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương". Điểm trung bình 4,38 điểm số này đạt mức nhận định ảnh hưởng rất lớn, độ lệch chuẩn 0,73 tương đối thấp cho thấy các ý kiến được hỏi đa số đồng tình với việc hiện nay do kinh tế địa phương còn nhiều khó khăn nên ảnh hưởng rất lớn đến việc vận động các mạnh thường quân, cũng như phụ huynh chung tay đóng góp cùng nhà trường chăm lo cho các hoạt động giáo dục. Trong đó có 49,3% cho rằng rất ảnh hưởng và 42,0% nhận định ảnh hưởng. Cùng nhận định này mã số phỏng vấn CBQLGV 02 cho rằng các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: "*Điều kiện kinh tế xã hội tại địa phương. Sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương. Năng lực của người lãnh đạo. Nhận thức của cộng đồng. Chủ trương, chính sách xã hội hóa giáo dục. Kế hoạch xã hội hóa được xây dựng cụ thể. Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và địa phương. Sự tham gia của cộng đồng và các lực lượng xã hội*". Đây là những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xã hội hóa hiện nay tại các trường. Để khắc phục được những tác động của các yếu tố trên đòi hỏi nhà quản lí phải biết phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đoàn thể khác trong hoạt động. Đồng thời xây dựng kế hoạch phải cụ thể chi tiết và biết phát huy được nội lực hiện có của nhà trường vào tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Nội dung "Nhận thức của cộng đồng và các lực lượng xã hội" cũng được đánh giá là ảnh hưởng đến quá trình thực hiện công tác xã hội hóa. Điểm trung bình khảo sát 4,19 đạt nhận định ảnh hưởng mức ảnh hưởng. Công tác xã hội hóa giáo dục chủ yếu dựa trên nhận thức của xã hội. Cho nên, sự ảnh hưởng của dư luận xã hội có sự quyết định đến hiệu quả của công tác này. Nếu các trường tổ chức thực hiện làm tốt công tác tuyên truyền vận động thì không những hiệu quả đạt được như mong muốn mà còn tạo ảnh hưởng tốt tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Nội dung "Sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương" có điểm trung bình khảo sát là 4,19 mức độ nhận định ảnh hưởng. Sự ảnh hưởng của nội dung này chủ yếu tác động vào chính sách chủ trương kế hoạch hóa giáo dục. Nếu chính quyền địa phương, cụ thể là Đảng ủy các cấp quan tâm chỉ đạo về chủ trương, kế hoạch và hỗ trợ về các điều kiện như cơ sở vật chất, nhân sự thực hiện thì các hoạt động xã hội

hóa sẽ được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả. Phỏng vấn về nội dung này mã số phỏng vấn CBQLGV 05 bổ sung thêm "*Sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương. Điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Nhận thức của cộng đồng và các lực lượng xã hội. Năng lực của người lãnh đạo. Xây dựng kế hoạch xã hội hóa cụ thể. Chủ trương chính sách xã hội hóa giáo dục. Kế hoạch xã hội hóa được thực hiện thường xuyên. Sự tham gia của cán bộ giáo viên nhà trường. Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và địa phương. Sự tham gia của cộng đồng và các lực lượng xã hội*". Đây là những yếu tố có tác động nhất định đến hoạt động XHHGD.

Từ kết quả khảo sát bảng 2.7 người nghiên cứu nhận thấy các yếu tố khách quan tác động đến công tác xã hội hóa tương đối nhiều. Tuy nhiên, những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên đến hoạt động này bao gồm: điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, nhận thức của những người thực hiện và của cộng đồng, sự quan tâm của các tổ chức đoàn thể trong đó đặc biệt là sự chỉ đạo của Đảng ủy các cấp. Các yếu tố này có ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực đến quá trình tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương. Để hoạt động này được thực hiện tốt hơn trong thời gian tới cần có những giải pháp cụ thể nhằm hạn chế những tác động tiêu cực và phát huy những tác động tích cực của các yếu tố khách quan đã nêu trên đây.

2.5.2. Yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan tác động đến hoạt động xã hội hóa giáo dục chủ yếu xuất phát từ nội tại của công tác này. Nếu nhận diện kịp thời và xác định chính xác mức độ ảnh hưởng thì sẽ thuận lợi cho các nhà quản lí khi lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch. Bảng 2.8 là kết quả khảo sát các nội dung thuộc yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động xã hội hóa giáo dục.

Bảng 2.8. Mức độ tác động của các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến kết quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

TT	Nội dung	Yếu tố chủ quan (%)					Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
		Hoàn toàn không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Bình thường	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng rất lớn			
1	Phẩm chất, năng lực của hiệu trưởng	0,0	2,9	20,3	40,6	36,2	4,10	0,83	3
2	Kế hoạch xã hội hóa được xây dựng cụ thể, rõ ràng, hiệu quả	0,0	1,4	14,5	56,5	27,5	4,10	0,69	3
3	Kế hoạch xã hội hóa được tổ chức thực hiện kịp thời	0,0	4,3	17,4	46,4	31,9	4,06	0,82	5
4	Kế hoạch xã hội hóa chỉ đạo thực hiện thường xuyên	0,0	2,9	18,8	47,8	30,4	4,06	0,78	5
5	Sự tham gia của cán bộ, giáo viên nhà trường	0,0	5,8	10,1	36,2	47,8	4,26	0,87	2
6	Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội của hiệu trưởng.	0,0	2,9	21,7	37,7	31,9	4,28	0,91	1
Trung bình		4,14							
Mức độ đánh giá		Ảnh hưởng							
Độ tin cậy của thang đo		0,92							

Nội dung có điểm trung đánh giá mức độ ảnh hưởng cao nhất là "Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội của hiệu trưởng", trung bình 4,28 trong đó có 31,9% cho rằng rất ảnh hưởng, 37,7% nhận định ảnh hưởng, đánh giá chung của khảo sát về mức độ là ảnh hưởng. Căn cứ vào sự phân bố các lựa chọn 0,91 cho thấy sự phân tán không đồng đều của các lựa chọn. Như vậy, yếu tố này còn tùy thuộc vào tình hình thực tế và khả năng các mối quan hệ của người đứng đầu. Mã số phỏng vấn CBQLGV 08 bổ sung thêm về nội dung này như sau "*Sự quyết liệt trong công tác quản lí của nhà trường. Sự đồng thuận của Đảng ủy chính quyền cùng tập thể những người tham gia thực hiện*".

Nội dung "Sự tham gia của cán bộ, giáo viên nhà trường" có điểm trung bình 4,26 trong đó có 47,8% cho rằng rất ảnh hưởng, 36,2% đánh giá ảnh hưởng, chỉ có 5,8% cho rằng ít ảnh hưởng. Nhận định chung của những người được hỏi về sự ảnh hưởng của các lực lượng tham gia thực hiện hoạt động là ảnh hưởng. Điều này hoàn toàn hợp lí vì cán bộ quản lí, giáo viên trong trường vừa là người trực tiếp vận động và tiếp nhận, phân bố sử dụng các đóng góp. Cho nên, mọi hoạt động của đội ngũ này có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tích cực cũng như tiêu cực của công tác XHHGD của nhà trường.

Theo khảo sát nội dung ít có ảnh hưởng nhất là "Kế hoạch xã hội hóa được tổ chức thực hiện kịp thời" và "Kế hoạch xã hội hóa được chỉ đạo thực hiện thường xuyên". Hai nội dung này có điểm trung bình là 4,06. Mặc dù điểm số khá thấp so với bảng nhưng theo khung đánh giá chung thì mức độ nhận định là ảnh hưởng.

Kết quả khảo sát bảng 2.8 cho thấy các nội dung mà người nghiên cứu lấy ý kiến về các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đều nhận được đánh giá ảnh hưởng. Tuy mức độ đánh giá có khác nhau nhưng nhìn chung đây là những yếu tố mà các nhà quản lí cần phải quan tâm khi lập kế hoạch cũng như quá trình triển khai thực hiện kế hoạch tại địa bàn của mình phụ trách.

Thực trạng cũng đã chỉ ra được một số yếu tố khách quan cũng như chủ quan tác động vào quá trình quản lí công tác XHHGD. Đây là cơ sở để các nhà quản lí tham khảo khi xây dựng kế hoạch.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng

2.6.1. Điểm mạnh

Qua kết quả khảo sát các nội dung nhận thức, thực trạng huy động nguồn lực cũng như thực trạng quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trên đây, người nghiên cứu nhận thấy một số ưu điểm hiện nay của hoạt động này như sau:

Về nhận thức đa số các lực lượng tham gia gia đã có nhận thức nhất định về tầm quan trọng của hoạt động xã hội hóa đối với sự phát triển giáo dục của nhà trường. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động xã hội hóa tiếp theo.

Về huy động các nguồn lực xã hội hóa. Một số hạng mục đã có sự tham gia đóng góp của phụ huynh và các tổ chức khác nhau trên địa bàn như; đóng góp sách vở, tôn tạo môi trường cảnh quan trường lớp, sân chơi bãi tập thể dục thể thao, ngày công lao động.

Về thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Hoạt động này đã được hiệu trưởng các trường chuẩn bị chu đáo, quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch đã đạt được một số hiệu quả đáng ghi nhận như thường xuyên tổ chức vận động khi có điều kiện, phân công cán bộ phụ trách, huy động một số nguồn lực tham gia hỗ trợ cho quá trình thực hiện. Nội dung vận động được xây dựng khá đầy đủ, chi tiết tạo điều kiện thuận lợi cho những người tham gia thực hiện.

Quá trình tổ chức thực hiện cũng đã có những kết quả đáng ghi nhận. Lãnh đạo nhà trường đã chủ động phối hợp với các cơ quan đoàn thể và xây dựng được môi trường thuận lợi cho công tác xã hội hóa. Trong quá trình triển khai kế hoạch một số mối quan hệ với các tổ chức doanh nghiệp đã được chú trọng xây dựng bền vững. Có mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương.

Hoạt động kiểm tra đánh giá trong quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng vào kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ XHHGD trong nhà trường. Đồng thời đánh giá hiệu quả thực hiện XHHGD so với mục tiêu ban đầu.

Ngoài ra việc kiểm tra, đánh giá sự phù hợp, bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo hoạt động XHHGD cũng được quan tâm thực hiện.

2.6.2. Điểm yếu

Nhận thức được đánh giá cao nhưng không đồng đều. Đặc biệt là nhận thức của phụ huynh về công tác XHHGD. Vẫn còn một số bộ phận cha mẹ học sinh chưa thực sự nhận thấy sự tác động của hoạt động xã hội hóa tới quá trình học tập của con em họ.

Công tác huy động các nguồn lực từ hoạt động XHHGD chưa cao, không đáp ứng được mục tiêu của kế hoạch và không giải quyết được nhiều cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

Công tác xây dựng kế hoạch của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng còn yếu ở khâu xác định nguyên tắc XHHGD của nhà trường, bố trí các lực lượng tham gia thực hiện hay phương án khắc phục những tồn tại, hạn chế của kế hoạch trước đó. Đây là những vấn đề cần lưu ý khi đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động.

Công tác tổ chức thực hiện còn tồn tại một số nhược điểm sau đây. Chưa có sự kết nối rút kinh nghiệm từ các năm thực hiện khác nhau. Việc phối hợp với các tổ chức chính quyền địa phương hiệu quả không cao. Ban vận động và tiếp nhận tài trợ chưa thực hiện hết vai trò trách nhiệm. Công tác phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tham gia chưa cụ thể.

Hoạt động kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên chủ yếu mang tính hình thức. Chưa quyết liệt trong việc chỉ ra những tồn tại của hoạt động xã hội hóa, làm cơ sở rút kinh nghiệm cho những lần thực hiện tiếp theo.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 là kết quả khảo sát thực trạng và quản lí thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Người nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên các nội dung sau đây:

Tìm hiểu về nhận thức của cán bộ quản lí và giáo viên, những người trực tiếp tham gia thực hiện công tác XHHGD về tầm quan trọng của công tác xã hội hóa đối với sự phát triển giáo dục của địa phương; Thực trạng huy động các nguồn lực XHHGD hiện nay tại các trường; Tìm hiểu thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa, quá trình tổ chức thực hiện, thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng như thế nào. Ngoài ra, đề tài thực hiện tìm hiểu sự tác động của các yếu tố chủ quan cũng như khách quan đến quá trình quản lí công tác XHHGD hiện nay của các trường.

Qua khảo sát và thu thập số liệu, tổng hợp phân tích, người nghiên cứu đã chỉ ra một số nội dung còn hạn chế như công tác triển khai, quán triệt chủ trương XHHGD của các trường chưa được đẩy mạnh dẫn đến vẫn còn một bộ phận cán bộ quản lí, giáo viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác Xã hội hóa giáo dục. Việc lập kế hoạch thực hiện của hiệu trưởng chưa đáp ứng hoàn thiện được các yêu cầu về xây dựng nội dung thực hiện vận động xã hội hóa cho giáo dục. Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch XHHGD của các trường vẫn còn những hạn chế nhất định. Việc chỉ đạo thực hiện các hoạt động xã hội hóa của hiệu trưởng mức độ thực hiện chưa cao, chưa phản ánh hết được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước hiện nay về xã hội hóa giáo dục. Công tác kiểm tra, đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên ở tất cả các khâu của quá trình triển khai kế hoạch. Vì vậy, chúng ta cần có những biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có thể thấy, những kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý việc thực hiện XHHGD ở chương 2 là cơ sở thực tiễn để tác giả đề xuất các biện pháp tăng cường hiệu quả quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trong chương 3.

Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÍ CÔNG TÁC XHHGD Ở CÁC TRƯỜNG THCS THUỘC XÃ KHU VỰC 2 HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1. Cơ sở và nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Cơ sở đề xuất biện pháp

** Cơ sở pháp lí*

Quán triệt việc thực hiện chủ trương XHHGD của Đảng và Nhà nước: Nghị quyết Đại hội Đảng; Nghị quyết 90/CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương Xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa; Nghị quyết số 37/2004/QH11; Nghị quyết số 35/2009/QH12; Nghị quyết số 50/2010/QH12; Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2009 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Chỉ thị số 02/2008/CTTTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2015 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 112/2010/QĐ-TTg về XHH GD. Thực hiện Thông tư liên tịch số 71/TTLT-BGDDT-BTC "Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về lĩnh vực tài chính"; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009; các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lâm Đồng về phát triển GDĐT; các văn bản của Sở GDĐT Lâm Đồng; các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện Di Linh về triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp cũng như các định hướng đổi mới toàn diện về công tác quản lí tài chính trong ngành giáo dục theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lí giáo dục và định hướng về công tác XHHGD để triển khai thực hiện đúng quy định công tác XHHGD ở các trường.

** Cơ sở thực tiễn*

Huyện Di Linh là một địa phương có tiềm lực rất lớn để phát triển kinh tế -xã

hội của tỉnh Lâm Đồng; tình hình an ninh chính trị ổn định, đời sống người dân ngày một nâng cao; các ấp ủy đảng, chính quyền địa phương quyết tâm cao trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới vào năm 2022, trong đó có tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tiêu chí giáo dục đào tạo. Do vậy trong những năm tới, ngoài việc ngân sách địa phương đầu tư phát triển cho giáo dục tiếp tục tăng để đáp ứng mục tiêu kế hoạch thì các trường học trên địa bàn phải phát huy nội lực, thực hiện các mục tiêu nghị quyết đã đề ra.

Trong thời gian qua, hoạt động giáo dục ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 ngày càng đi vào nề nếp, đội ngũ đạt chuẩn và ổn định; chất lượng giáo dục ngày càng tăng cao, đặc biệt đã đạt nhiều thành tích trong các kì thi học sinh giỏi các cấp; tỉ lệ học sinh bỏ học giảm đáng kể; bước đầu tạo được niềm tin đối với chính quyền địa phương và trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, qua khảo sát thực trạng thì quản lí công tác XHHGD vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định, chưa phát huy được sức mạnh và tiềm lực của địa phương. Nếu phân tích kĩ thực trạng và đề ra các biện pháp có thể khắc phục các hạn chế tồn tại và phát huy được các điểm mạnh của hoạt động quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 hiện nay thì hiệu quả công tác XHHGD ở các trường này sẽ tốt hơn.

3.1.2. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

** Đảm bảo tính pháp lí*

Chủ trương, chính sách phát triển giáo dục nói chung, thực hiện XHHGD nói riêng được Đảng và Nhà nước thể hiện qua các văn bản mang tính pháp lí với tầm nhìn chiến lược lâu dài. Do đó, hiệu trưởng các trường THCS muốn quản lí công tác XHHGD đạt hiệu quả cần phải tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ, Ngành và địa phương có liên quan đến công tác XHHGD. Việc bảo đảm nguyên tắc pháp lí khi đề xuất các biện pháp quản lí thực hiện XHHGD ở trường THCS sẽ tạo được sự đồng thuận cao trong nhà trường và cộng đồng xã hội, góp phần thực hiện thành công chủ trương XHHGD đã đề ra.

** Đảm bảo tính kế thừa*

Biện pháp quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng phải được kế thừa những biện pháp quản lí thực hiện XHHGD hiệu quả mà cán bộ quản lí các cấp trên địa bàn

huyện Di Linh đã thực hiện trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, các biện pháp đó phải được phát triển ở một tầm nhìn mới, giàu tính sáng tạo, sát thực, hiệu quả hơn, giúp cho việc quản lí thực hiện XHHGD phát huy được tác dụng tích cực. Bên cạnh đó, các biện pháp quản lí thực hiện XHHGD phải kế thừa những kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học quản lí giáo dục trước đó; vận dụng những biện pháp quản lí công tác XHHGD hiệu quả của những người đi trước, đồng thời phải biết điều chỉnh, phát triển các biện pháp đó cho phù hợp với thực tiễn địa phương và nhà trường mình quản lí.

** Đảm bảo tính thực tiễn*

Khi đề xuất các biện pháp quản lí phải tính đến các điều kiện, hoàn cảnh, môi trường khách quan, chủ quan trên địa bàn huyện nói chung, từng xã, thị trấn nói riêng trong hiện tại và tương lai. Vì vậy, các biện pháp được đề xuất phải có thể áp dụng vào hoạt động quản lí của hiệu trưởng tại từng đơn vị cụ thể. Để phù hợp với thực tiễn, yêu cầu các biện pháp quản lí công tác XHHGD phải dựa trên điều kiện thực tế của từng trường như: cơ sở vật chất, kinh phí, tình hình đội ngũ, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là những yếu tố giúp tăng tính khả thi, hiệu quả trong việc quản lí công tác XHHGD của người hiệu trưởng.

** Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ*

Đặc trưng của công tác XHHGD là sự phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng xã hội cùng thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, cho nên sự cần thống nhất, đồng thuận giữa các bên liên quan mới tạo ra được kết quả như mong muốn. Tính thống nhất thể hiện trong sự cam kết, cộng đồng trách nhiệm cùng hướng đến mục tiêu chung là phát triển các trường theo hướng chuẩn hóa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh với sứ mệnh giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho địa phương và đất nước. Nguyên tắc thống nhất, đồng bộ giúp cho quá trình thực hiện XHHGD trở nên thuận lợi, hiệu quả và huy động được toàn xã hội làm giáo dục, quan tâm hỗ trợ hết mức cho phát triển giáo dục.

** Đảm bảo tính hiệu quả*

Hiệu quả là thước đo năng lực của người cán bộ quản lí, thực chất yêu cầu của

nguyên tắc này là làm thế nào để trong điều kiện nguồn lực nhất định, với thời gian cho phép, hiệu trưởng tạo hiệu quả công việc cao nhất, đạt mục tiêu giáo dục, mục tiêu quản lí. Tính hiệu quả là yêu cầu quan trọng nhất trong đề xuất các biện pháp quản lí, làm sao trong khoảng thời gian ngắn, với các điều kiện không không thuận lợi mà vẫn đạt được mục tiêu đề ra, huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển nhà trường. Hiệu quả quản lí có quan hệ chặt chẽ với khả năng thực hiện các chức năng quản lí và sự linh hoạt, nhạy bén của hiệu trưởng. Việc đề xuất các biện pháp thực hiện phải được sự đồng thuận và thực hiện từ cấp quản lí trực tiếp của nhà trường là hiệu trưởng. Các biện pháp đề xuất là gợi ý để nhà trường vận dụng đạt kết quả tốt nhất trong quản lí công tác XHHGD tại đơn vị.

3.2. Các biện pháp quản lí công tác XHHGD của hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

3.2.1. Biện pháp 1. Tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường

Mục tiêu của biện pháp

Lập kế hoạch công tác XHHGD là khâu cơ bản và quan trọng nhất trong quản lí công tác XHHGD của nhà trường, có ý nghĩa quyết định thành công của người hiệu trưởng trong quản lí và triển khai thực hiện công tác XHHGD của mình. Kế hoạch thực hiện công tác XHHGD của nhà trường càng cụ thể thì càng hiệu quả. Qua xây dựng kế hoạch cụ thể, độc lập cho công tác xã hội hóa của nhà trường trong từng năm học giúp hiệu trưởng nhà trường thiết lập, dự tính một cách khoa học mục tiêu XHHGD của mình; xác định chi tiết, cụ thể từng nội dung, từng giải pháp thực hiện cũng như nguồn lực cần huy động thực hiện cho từng nội dung xã hội hóa đề ra; có cơ chế phân công và phối hợp hoạt động giữa các lực lượng tham gia vào hoạt động XHHGD của nhà trường.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Để xây dựng kế hoạch công tác XHHGD cụ thể và hiệu quả, hiệu trưởng nhà trường cần chú ý thực hiện các nội dung sau:

Phân tích môi trường, đặc điểm tình hình của nhà trường, điều kiện, hiện trạng của nhà trường để thực hiện công tác XHHGD. Hiệu trưởng nhà trường khi xây dựng

kế hoạch phải có khả năng phân tích môi trường, phải đánh giá chính xác đặc điểm tình hình của nhà trường, trong đó phải xác định được đâu là những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức của nhà trường khi triển khai thực hiện kế hoạch xã hội hóa. Khi phân tích môi trường và đánh giá tình hình nhà trường, hiệu trưởng có thể biết được trường mình đang ở đâu, đang như thế nào, đã có gì, và cần gì từ công tác XHHGD để từ đó có thể đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho mình.

Xác định mục tiêu thực hiện XHHGD cho năm học và từng giai đoạn. Mục tiêu XHHGD là đích đến, là phương hướng mà hiệu trưởng nhà trường đề ra để triển khai thực hiện nhằm góp phần vào sự phát triển nhà trường. Mục tiêu bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu cụ thể công tác XHHGD phải đo được, định lượng được, bền vững và duy trì được, được giới hạn về thời gian và mang tính khả thi.

Xác định nội dung và biện pháp thực hiện XHHGD. Việc xác định nội dung và biện pháp thực hiện XHHGD rất quan trọng vì đây là nhiệm vụ mà hiệu trưởng nhà trường khi triển khai kế hoạch phải tương tác với một lực lượng tham gia thực hiện kế hoạch lớn, đa dạng, nhiều thành phần. Do vậy, nội dung XHHGD phải đảm bảo tính pháp lí, rõ ràng, cụ thể và thiết thực. Nguồn lực xã hội hóa là nguồn lực tài trợ, vì thế phải làm cho người vận động tài trợ và nhà tài trợ đều phải hiểu rõ nội dung họ cần thực hiện, phải làm gì và với mục đích gì. Với biện pháp cũng vậy, người hiệu trưởng cần xác định rõ cách thức, hình thức thực hiện cho từng nội dung. Biện pháp đề ra phải khả thi và phù hợp với thực tế, tránh chung chung và viễn vông, khó thực hiện.

Xác định điều kiện cần thiết hỗ trợ công tác XHHGD. Đây là yếu tố cần để triển khai và thực hiện nội dung kế hoạch. Với những nội dung và biện pháp đã đề ra thì cần những điều kiện nào hỗ trợ để thực hiện đạt mục tiêu. Đây là điều kiện cần mà người hiệu trưởng cũng cần phải xem xét để đảm bảo nội dung và biện pháp của kế hoạch được thực thi.

Dự kiến những khó khăn, chuẩn bị phương án để khắc phục khó khăn có thể xảy ra. Để thực hiện bất kì kế hoạch nào, người thực hiện bao giờ cũng gặp phải những khó khăn có thể phát sinh, do vậy, người hiệu trưởng cần có khả năng dự báo trước những khó khăn có thể xảy ra để chuẩn bị phương án khắc phục khi khó khăn

đó xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

Huy động nguồn lực sẵn có và tạo môi trường phối hợp với các lực lượng tham gia vào XHHGD tại địa phương. Hiệu trưởng nhà trường cần phải nhận diện được các nguồn lực sẵn có để đạt được mục tiêu XHHGD đã đề ra. Cần phải huy động được nguồn nhân lực nào, ai có thể tham gia vào thực hiện kế hoạch XHHGD của nhà trường; có cần nguồn vật lực để thực hiện kế hoạch không? Nguồn tài chính và nguồn thông tin lấy từ đâu? Ngoài ra, hiệu trưởng cần phải tạo được môi trường để các lực lượng tại địa phương tham gia vào công tác XHHGD của nhà trường. Công tác XHHGD cần môi trường truyền thông rộng lớn, do vậy, càng nhiều lực lượng tham gia thì càng có khả năng thành công nhiều hơn.

Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng nội dung XHHGD của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường sau khi xây dựng xong kế hoạch, cần chỉ đạo từng cá nhân, bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho riêng mình. Thông qua kế hoạch hành động, người thực thi nhiệm vụ biết rõ mình phải làm gì, làm như thế nào và trong khoảng thời gian nào để đạt được mục tiêu; đồng thời, giúp họ có được sự cố gắng, nổ lực để hoàn thành mục tiêu.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Để thực hiện được biện pháp này, hiệu trưởng nhà trường phải nhận thức được tầm quan trọng của công tác XHHGD trong xây dựng và phát triển nhà trường cũng như tính cần thiết của kế hoạch trong việc giúp hiệu trưởng triển khai công tác XHHGD một cách chủ động nhằm đạt kết quả cao nhất mục tiêu XHHGD của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường phải nắm vững quy trình xây dựng kế hoạch; quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về XHHGD; đánh giá được điểm mạnh, hạn chế, thách thức và cơ hội của nhà trường, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu phát triển giáo dục của nhà trường.

3.2.2. Biện pháp 2. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD

Mục tiêu của biện pháp

Khi tiến hành bất cứ hành động nào, người ta đều phải nhận thức đúng về hành động đó, hiểu được và ý thức được tại sao mình phải thực hiện hành động đó thì khi bắt tay vào thực hiện hành động, con người ta mới chủ động, tích cực và quyết tâm thực hiện thành công hành động đó. Nhận thức có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động thực tiễn của con người, nhận thức không chỉ định hướng mà còn chỉ đạo hoạt động thực tiễn của con người, nhận thức đúng là cơ sở để có hành động đúng. Nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng, ý nghĩa, bản chất, nội dung, phương thức tổ chức công tác XHHGD giúp cho đội ngũ cán bộ quản lí các cấp ở các trường THCS trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và các lực lượng tham gia vào công tác XHHGD sẽ chủ động, tích cực, thực hiện một cách nhịp nhàng, thống nhất trong từng khâu, từng bước trong thực hiện XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh. Do vậy, quản lý công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng chỉ đạt được kết quả cao, tạo lòng tin cho nhân dân địa phương khi các tổ chức, cán bộ quản lí, giáo viên và các lực lượng khác có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về công tác XHHGD ở các trường THCS trên địa bàn huyện. Nếu nhận thức không đúng đắn, không đầy đủ sẽ dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm, không thống nhất, bị động trong triển khai thực hiện và tất yếu dẫn đến hiệu quả, chất lượng công tác XHHGD ở các trường không cao. Vì vậy, mục tiêu của biện pháp này là:

Tham mưu, tuyên truyền về chủ trương, chính sách và tầm quan trọng của công tác XHHGD trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương để họ nhận thức sâu sắc và thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong chỉ đạo thực hiện xã hội hóa giáo dục.

Tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, cha mẹ học sinh, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức tôn giáo, các doanh nghiệp, các nhà trí thức, các mạnh thường quân để hiểu rõ mục tiêu, ý nghĩa, nội dung, phương thức và tầm quan trọng của công tác XHHGD. Qua đó, phát huy được vai trò chủ đạo của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và vai trò chủ động của cha mẹ học sinh, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức tôn giáo, các doanh nghiệp, các nhà trí thức, các mạnh thường quân

trong công tác XHHGD của nhà trường.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Công tác tuyên truyền, truyền thông đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với mọi hoạt động của các trường học nói chung và các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Thông qua truyền thông, tuyên truyền giúp xã hội hiểu rõ hơn nhà trường cũng như mục tiêu mà nhà trường hướng đến. Đối với công tác XHHGD ở các trường THCS, công tác tuyên truyền, truyền thông càng vô cùng quan trọng hơn bởi vì có truyền thông, tuyên truyền đến mọi người trong xã hội thì họ mới có nhận thức về chủ trương cũng như trách nhiệm xã hội trong thực hiện công tác XHHGD. Do vậy, hiệu trưởng nhà trường phải có năng lực, có tầm nhìn chiến lược trong thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo địa phương; có khả năng quản lí thông tin tốt. Phải nghiên cứu kĩ các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành để trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương; tham mưu phải kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, hiệu trưởng nhà trường phải nắm chắc cơ sở lí luận về công tác XHHGD thì mới có thể thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền tốt được. Vì thế, hiệu trưởng nhà trường phải thực hiện tốt các nội dung sau:

Tổ chức tuyên truyền về chủ trương, chính sách và và tầm quan trọng của XHHGD cũng như kế hoạch XHHGD của nhà trường trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi họp chi bộ của nhà trường; tổ chức tuyên truyền trong cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh;

Thành lập ban tuyên truyền, tổ vận động tài trợ các nguồn lực vật chất và phi vật chất gồm các thành viên cốt cán trong nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh, mời đại diện của các ban ngành, đoàn thể địa phương để thực hiện tuyên truyền, vận động trong các buổi hội họp, tại gia đình, cơ quan, doanh nghiệp;

Xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, rõ ràng, mục tiêu thiết thực. Huy động được nguồn lực trong và ngoài nhà trường làm công tác truyền thông;

Đăng tải nội dung truyền thông, tuyên truyền trên website của nhà trường; viết bài phát thanh trên loa phát thanh địa phương; treo băng rôn, v.v.

Tổ chức diễn đàn, hội thảo nhằm giới thiệu về hiện trạng nhà trường, mục tiêu giáo dục của nhà trường, nhu cầu dạy và học đáp ứng xu thế phát triển của xã hội, đồng thời là cơ hội để tiếp cận và tạo mối quan hệ thân thiết với các nhà tài trợ, mạnh thường quân.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng nhà trường phải có năng lực, có tầm nhìn chiến lược trong thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo địa phương. Phải nghiên cứu kĩ các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành để trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương. Tham mưu phải kịp thời và hiệu quả.

Đưa nội dung tuyên truyền về công tác XHHGD vào kế hoạch XHHGD của đơn vị, biên soạn nội dung tuyên truyền cụ thể, sinh động, dễ nhớ, dễ hiểu tạo được hiệu quả cao về nhận thức. Phương pháp, cách thức tuyên truyền phải hấp dẫn, dễ hiểu, dễ tiếp cận để thu hút mọi người tham gia các hoạt động XHHGD.

Lựa chọn và thành lập các ban, tổ, nhóm tuyên truyền và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên phụ trách.

Đảm bảo lợi ích của các bên tham gia; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên; đảm bảo dân chủ, công khai, đúng pháp luật.

3.2.3. Biện pháp 3. Đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD

Mục tiêu của biện pháp

Nói đến XHHGD, nhiều người nghĩ đến việc đóng góp tài chính để xây dựng cơ sở vật chất và thực hiện một số nhiệm vụ giáo dục khác. Tuy nhiên, hình thức xã hội hóa rất đa dạng. Nguồn lực huy động từ XHHGD gồm nguồn lực hữu hình và cả nguồn lực vô hình. Ngoài ra, nhu cầu xã hội hóa của nhà trường rất lớn. Do vậy, đổi mới, đa dạng hóa các hình thức huy động các nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD nhằm giúp nhà quản lí có các hình thức tổ chức vận động nguồn lực xã hội hóa phong phú, đa dạng, tránh cứng nhắc và rập khuôn, giới hạn.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Tổ chức vận động nguồn lực thông qua tài trợ tự nguyện. Đây là hình thức

hầu hết các trường sử dụng trong thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Qua tự nguyện tài trợ, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có thể cung cấp nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Nhà trường có thể sử dụng nguồn tài trợ để khắc phục các hạn chế, khó khăn. Khi vận động tài trợ tự nguyện, hiệu trưởng nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tổ chức vận động nguồn lực thông qua hoạt động khuyến học. Một trong những nhiệm vụ của khuyến học là liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội, các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Do vậy, hiệu trưởng các trường cần phát huy chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khuyến học trong nhà trường để làm đầu mối liên kết, tập hợp các lực lượng xã hội tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường có thể vận động nguồn tài lực thông qua các buổi văn nghệ khuyến học, khuyến tài; các chương trình thiện nguyện hỗ trợ, giúp đỡ học sinh nghèo. Thông qua hội khuyến học, nhà trường có thể vận động nguồn nhân lực đóng góp sức lực hoặc trí tuệ cho các hoạt động của nhà trường như tổ chức các buổi nói chuyện, tuyên truyền; tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.

Tổ chức vận động nguồn lực thông qua đấu giá sản phẩm của học sinh và giáo viên. Nhằm phát huy năng lực sáng tạo của giáo viên và học sinh, các trường THCS hiện nay khuyến khích học sinh tạo sản phẩm thông qua vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhà trường có thể vận động gây quỹ từ hoạt động tổ chức hội chợ, thu hút nguồn tài trợ từ chính các sản phẩm mà giáo viên và học sinh tạo nên. Qua hoạt động này, kích thích tính tư duy sáng tạo của học sinh từ sự ủng hộ nhân văn của cộng đồng.

Tổ chức vận động nguồn nhân lực tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đối với các trường THCS thuộc xã khu vực 2, ngoài nguồn tài chính tài trợ từ nguồn XHHGD, nguồn nhân lực trực tiếp rất cần thiết cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cha mẹ học sinh cũng như các cá nhân trong cộng đồng có thể

tham gia vào các hoạt động lao động do nhà trường tổ chức, các hoạt động trải nghiệm của học sinh. Ngoài việc đóng góp sức lao động, cha mẹ học sinh và cá nhân trong cộng đồng có thể giúp nhà trường giáo dục học sinh tình yêu lao động, ý nghĩa của lao động trong cuộc sống của người dân vùng nông thôn.

Tổ chức vận động nguồn trí lực từ lực lượng trí thức của địa phương. Tại các địa phương, ngay cả vùng khó khăn hiện nay, trình độ dân trí ngày một nâng lên, đội ngũ cán bộ quản lí và các trí thức quay về địa phương sinh sống và làm việc ngày một đông hơn. Bên cạnh đó, nhà trường còn có đội ngũ học sinh đã trưởng thành. Đây là lực lượng có thể giúp nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, nhất là các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục học sinh. Hiệu trưởng nhà trường cần thu hút được lực lượng này tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Vận động nguồn tài trợ thông qua thực hiện các dự án của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường có thể triển khai thực hiện các dự án nhỏ để vận động nguồn tài trợ từ cộng đồng. Việc thực hiện các dự án giúp hiệu trưởng có thể đề xuất các ý tưởng một cách rõ ràng, thiết thực, phù hợp với thực trạng và nhu cầu của nhà trường. Kế hoạch thực hiện dự án rõ ràng về mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng sẽ giúp nhà tài trợ biết rõ được nguồn lực mình tài trợ sẽ thực hiện vào đâu, như thế nào và hiệu quả ra sao.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Hình thức thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường phải đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; được sự ủng hộ của cộng đồng.

Các hình thức vận động phải đảm bảo đúng quy định, được sự đồng thuận của tập thể cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

Các hình thức vận động phải được xây dựng thành kế hoạch cụ thể, rõ ràng; được kiểm tra, đánh giá và công khai đầy đủ, kịp thời.

Hiệu trưởng nhà trường phải thật sự năng động, có khả năng xây dựng các mối quan hệ tốt.

3.2.4. Biện pháp 4. Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường

Mục tiêu của biện pháp

Trong thực hiện các chức năng quản lí giáo dục nói chung, quản lí thực hiện XHHGD nói riêng, công tác chỉ đạo thực hiện là một khâu rất quan trọng. Việc chỉ đạo, thúc đẩy thường xuyên sẽ giúp hiệu trưởng nắm được chính xác tiến độ, kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch. Qua đó cũng thể hiện được năng lực, tầm nhìn sâu sát, nắm bắt được sự vận động của hoạt động thực tiễn. Chỉ đạo là một trong những bước quan trọng để cụ thể hóa các kế hoạch, phân công nhiệm vụ, dự kiến những tình huống có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lí. Đôn đốc, thúc đẩy giúp cho việc thực hiện kế hoạch được diễn ra thường xuyên và đảm bảo tiến độ đề ra. Chỉ đạo thực hiện XHHGD là hoạt động rất cần thiết, giúp cho hiệu trưởng nắm bắt được tiến độ, rà soát yêu cầu công việc, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng tham gia. Do vậy, Hiệu trưởng cần quan tâm chỉ đạo triệt để nhằm tăng hiệu lực quản lí, nắm bắt thông tin, làm cơ sở cho việc đánh giá toàn diện về hoạt động này. Đây là một trong những biện pháp quan trọng, có ý nghĩa thúc đẩy việc thực hiện XHHGD đúng tiến độ, đúng quy định và đạt mục tiêu đề ra.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Việc thực hiện XHHGD tại các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cũng phải được tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, mang tính thường xuyên, có hiệu quả và đúng quy định. Do đó công tác chỉ đạo, giám sát thực hiện không những giúp cụ thể hóa việc thực hiện kế hoạch có hiệu quả mà còn ngăn chặn, phát hiện kịp thời các sai phạm hoặc trì trệ trong quá trình thực hiện. Từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể, kịp thời nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện để nhà trường giải quyết những khó khăn, điều chỉnh những lệch lạc trong hoạt động XHHGD. Hiệu trưởng nhà trường cần thực hiện các nội dung sau:

Căn cứ vào kế hoạch công tác xã hội hóa giáo dục của mình, hiệu trưởng có những hướng dẫn cụ thể đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường và đặc biệt là các tổ trưởng chuyên môn để làm căn cứ triển khai kế hoạch của tổ mình. Từ đó, các tổ trưởng chuyên môn sẽ nắm bắt cụ thể nhiệm vụ thực hiện công tác XHHGD của tổ chuyên môn; xây dựng kế hoạch; phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể giáo viên trong tổ các nhiệm vụ XHHGD được giao.

Thường xuyên theo dõi tiến độ, cách thức, kết quả thực hiện để kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp cũng như đảm bảo mọi thành viên được phân công thực hiện kế hoạch theo đúng yêu cầu và chức năng, nhiệm vụ được giao.

Có biện pháp động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện XHHGD tại đơn vị. Ngoài ra, người hiệu trưởng phải có những tác động cần thiết đến nhận thức của các đối tượng để mọi người xem đây là nhiệm vụ của chính mình.

Kịp thời đưa ra các phương án giải quyết và điều chỉnh những việc làm không đúng theo quy định, không đảm bảo kế hoạch và đáp ứng mục tiêu đề ra. Việc này đòi hỏi người hiệu trưởng phải quyết đoán, có khả năng đánh giá kết quả công việc một cách chính xác và kịp thời.

Phối hợp với Ban thanh tra nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh tăng cường công tác giám sát hoạt động thu chi, việc sử dụng các nguồn lực đóng góp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường với phương châm tiết kiệm, hiệu quả, thiết thực và đúng quy định. Việc giám sát của Ban thanh tra nhân dân và Ban đại diện cha mẹ học sinh giúp nhà trường phát hiện những sai sót trong thu, chi một cách kịp thời, đảm bảo thực hiện đúng quy định về hình thức vận động tài trợ từ công tác XHHGD.

Công tác chỉ đạo, giám sát là một trong những bước quan trọng để cụ thể hóa kế hoạch, phân công nhiệm vụ, dự kiến những tình huống có thể xảy ra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các sai phạm làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lí thực hiện XHHGD. Vì vậy, đây là một trong những biện pháp quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy, tạo điều kiện cho hoạt động kiểm tra - đánh giá công tác XHHGD được tốt hơn.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng phải nhiệt tình, tâm huyết với nghề, hết lòng với công việc; nắm chắc các chủ trương XHHGD và nguyên tắc quản lí nhà trường phổ thông cũng như tình hình thực tế của nhà trường; có khả năng nắm bắt, xử lí thông tin nhanh nhạy, chính xác; có khả năng quan hệ, giao tiếp tốt để tranh thủ sự đồng tình hưởng ứng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường; biết tạo ra môi trường thuận lợi, thân thiện; động viên, biểu dương kịp thời để phát huy tính chủ động, sáng tạo của

các lực lượng tham gia thực hiện XHHGD trong và ngoài nhà trường.

3.2.5. Biện pháp 5. Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường

Mục tiêu của biện pháp

Tự kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD là công việc mà hiệu trưởng nhà trường phải chủ động thực hiện nhằm mục đích tìm ra, khẳng định những ưu điểm để phát huy, đồng thời phát hiện kịp thời những hạn chế, sai sót để kịp thời điều chỉnh, giúp cho các hoạt động đã đề ra trong kế hoạch công tác XHHGD của nhà trường đi đúng hướng, đảm bảo thực hiện mục tiêu quản lí công tác XHHGD đã đề ra.

Qua kiểm tra, đánh giá giúp cho hiệu trưởng nhà trường quản lí, nắm bắt được tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng tham gia. Bên cạnh đó, nguồn lực vận động, huy động đóng góp, tài trợ, hỗ trợ từ công tác XHHGD là nguồn lực của toàn xã hội, việc sử dụng các nguồn lực đó phải hiệu quả và được mọi người công nhận. Do vậy việc công khai và sử dụng các nguồn lực huy động được phải được thực hiện kịp thời, minh bạch và hiệu quả là điều vô cùng quan trọng mà hiệu trưởng nhà trường cần phải thực hiện.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác XHHGD của nhà trường. Kiểm tra, đánh giá là một trong những nội dung của kế hoạch công tác XHHGD. Tuy nhiên, người hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác XHHGD một cách cụ thể, rõ ràng, có mục tiêu, nội dung, phương pháp và các tiêu chí đánh giá cụ thể. Một kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác xã hội hóa cụ thể, khoa học có thể giúp hiệu trưởng nhà trường theo dõi, nắm bắt được tiến độ và mức độ thực hiện kế hoạch công tác XHHGD của mình.

Tổ chức thành lập tổ kiểm tra gồm các thành viên trong hội đồng trường, Chủ tịch Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân và mời Ban địa diện cha mẹ học sinh để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ XHHGD của các các thành viên trong nhà trường; kết quả huy động và thực tế sử dụng các nguồn lực XHHGD của nhà trường; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện XHHGD của các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện; kịp thời động viên, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp. Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện thường xuyên là một trong những nội dung của kế hoạch kiểm tra. Hiệu trưởng nhà trường cần thường xuyên theo dõi kế hoạch kiểm tra, thực hiện các nội dung kiểm tra thường xuyên và kịp thời. Qua kiểm tra, hiệu trưởng nhà trường có thể thấy được tiến độ thực hiện kế hoạch XHHGD của mình, những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn cần khắc phục để từ đó đề xuất hướng điều chỉnh kịp thời.

Đôn đốc, động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện hoạt động XHHGD tại đơn vị. Hiệu trưởng cần có những tác động cần thiết đến các đối tượng để biến yêu cầu của XHHGD thành nhu cầu hoạt động của từng người. Qua kiểm tra, đánh giá, hiệu trưởng nhà trường có thể biết được nội dung nào được thực hiện tốt, nội dung nào chưa được thực hiện tốt; ai thực hiện tốt nhiệm vụ, ai chưa thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời động viên, khen thưởng hoặc đôn đốc, nhắc nhở kịp thời.

Công khai kết quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường định kì trong các buổi họp, trên website, trên bảng thông báo và trong báo cáo của nhà trường. Đây là một nội dung rất cần thiết phải được thực hiện bởi vì các lực lượng được huy động tham gia vào thực hiện công tác XHHGD của nhà trường rất muốn biết kết quả thực hiện như thế nào cũng như những đóng góp của mình mang lại lợi ích gì đối với sự phát triển giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó, hiệu trưởng nhà trường cần công khai kết quả công tác XHHGD của nhà trường để toàn xã hội thấy được các nguồn lực huy động được từ xã hội hóa được sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đã đề ra.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Để thực hiện hiệu quả các nội dung của biện pháp trên, cần phải có các điều kiện sau:

Kế hoạch kiểm tra, đánh giá của nhà trường phải cụ thể, rõ ràng, có tiêu chí đánh giá cụ thể. Đây là điều kiện tiên quyết để có thể thực hiện được việc kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Do vậy, hiệu trưởng nhà trường phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá một cách cụ thể,

rõ ràng; xác định đầy đủ các nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng như các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng.

Hiệu trưởng nhà trường phải có khả năng nắm bắt thông tin nhanh nhạy và chính xác; kịp thời biểu dương, khuyến khích, động viên để phát huy tính tích cực chủ động của các lực lượng khi tham gia các hoạt động của XHHGD nhà trường.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ và nguyên tắc công khai trong nhà trường. Đây là điều kiện bắt buộc cho bất kì nội dung quản lí nào của người hiệu trưởng nhà trường. Đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ và nguyên tắc công khai trong xây dựng kế hoạch cũng như sử dụng nguồn tài trợ từ công tác XHHGD giúp nhà trường nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên và sự tin tưởng, hưởng ứng của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

3.2.6. Biện pháp 6. Tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD ở các trường

Mục tiêu của biện pháp

Muốn thực hiện hiệu quả công tác XHHGD của nhà trường trong điều kiện khó khăn như các trường thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là điều khá khó khăn bởi vì các nguồn lực hỗ trợ thực hiện công tác XHHGD không được thuận lợi. Thực tế cho thấy nguồn kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp; đội ngũ cán bộ, giáo viên mỏng; điều kiện kinh tế của người dân địa phương còn nhiều khó khăn. Do vậy, việc quản lí các điều kiện hỗ trợ thực hiện công tác XHHGD là cần thiết giúp cho việc huy động các nguồn lực thực hiện công tác XHHGD được thuận lợi hơn, giúp cho hiệu trưởng nhà trường biết được khả năng của nhà trường trong triển khai thực hiện kế hoạch. Từ đó có giải pháp huy động tối đa các điều kiện hiện có và tìm giải pháp huy động, tăng cường các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho công tác XHHGD của trường mình.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Để quản lí hiệu quả các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD của nhà trường, hiệu trưởng nhà trường cần phải thực hiện tốt các nội dung sau:

Rà soát, đánh giá các điều kiện hiện có có thể huy động để thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Điều kiện hiện có gồm các điều kiện bên trong có thể sử

dụng như điều kiện về tài chính, con người, cơ sở vật chất và điều kiện bên ngoài có thể huy động được. Do vậy, việc rà soát, đánh giá các điều kiện hiện có giúp hiệu trưởng nhà trường có thể bố trí các nguồn lực cần thiết phục vụ cho công tác XHHGD một cách hợp lí và hiệu quả.

Xem xét, bố trí nguồn tài chính phù hợp cho thực hiện công tác XHHGD; có thể tham mưu với các cấp quản lí cung cấp bổ sung kinh phí nếu cần thiết. Để triển khai thực hiện kế hoạch XHHGD, tổ chức tuyên truyền, tiếp cận các tổ chức, cá nhân nhằm vận động nguồn tài trợ từ công tác XHHGD, những người thực hiện cần có nguồn kinh phí nhất định. Do vậy, hiệu trưởng nhà trường cần có kế hoạch quản lí tốt nguồn tài chính này, vừa đảm bảo chi tiêu hợp lí trong khả năng tài chính của nhà trường, vừa đảm bảo hiệu quả thực hiện kế hoạch XHHGD của nhà trường.

Xem xét nhu cầu, bố trí cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho công tác XHHGD của nhà trường. Mặc dầu công tác XHHGD không yêu cầu cao về cơ sở vật chất nhưng trong quá trình triển khai thực hiện, người hiệu trưởng phải căn cứ vào từng nội dung, phương pháp thực hiện công tác XHHGD của nhà trường để dự kiến các nguồn lực cơ sở vật chất cần thiết để đảm bảo hiệu quả công tác XHHGD của mình.

Xem xét, đánh giá năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên để bố trí, phân công nhiệm vụ thực hiện công tác XHHGD một cách hợp lí. Đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên nhà trường đóng vai trò quyết định trong triển khai thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công. Do vậy, hiệu trưởng nhà trường cần xem xét năng lực của từng người để bố trí, phân công công việc cụ thể, phù hợp; tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ họ được phân công; đồng thời phải kiểm tra, đánh giá thường xuyên để có biện pháp khuyến khích kịp thời.

Tham mưu với chính quyền địa phương, huy động sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương, các tổ chức đoàn thể và cha mẹ học sinh trong thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Sự hỗ trợ tích cực của lãnh đạo, các tổ chức, đoàn thể địa phương và cha mẹ học sinh nhà trường là điều kiện thuận lợi nhất hỗ trợ nhà trường thực hiện thành công công tác XHHGD của mình. Vì vậy, hiệu trưởng nhà trường phải quản lí

tốt hoạt động tham mưu, phối hợp, kêu gọi sự hỗ trợ từ lãnh đạo địa phương, các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường và cha mẹ học sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác XHHGD của mình.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng cần làm tốt công tác vận động tuyên truyền, tham mưu tích cực về công tác XHHGD để cấp ủy Đảng, các ban ngành trong xã hội tích cực tham gia hưởng ứng các hoạt động XHHGD của nhà trường.

Hiệu trưởng cần phải nắm chắc nội dung, tinh thần các văn bản quy định về vận động tài trợ, việc thu chi cho các hoạt động giáo dục của nhà trường cũng như các khoản huy động được từ nguồn tài trợ. Trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương về tài chính liên quan XHHGD, hiệu trưởng cần bàn bạc, lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân liên quan trong nhà trường về những khó khăn, vướng mắc khi triển khai ở đơn vị để kịp thời tham mưu phòng GDĐT và các cấp quản lí nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh.

Nắm bắt được thực trạng nguồn lực hiện có của nhà trường và dự báo được các nguồn lực có thể huy động để hỗ trợ việc triển khai thực hiện công tác XHHGD của nhà trường một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, hiệu trưởng nhà trường cần phải có khả năng phân công, bố trí nguồn lực một cách hợp lí và hiệu quả.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Từ thực trạng công tác XHHGD của các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thì cả 06 biện pháp trên đều rất quan trọng và cần thiết. Để thực hiện thành công bất kì công việc gì dù lớn hay nhỏ thì người thực hiện đều phải có kế hoạch cụ thể, rõ ràng. Do vậy, biện pháp (1) *"Tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường"* là biện pháp tiên quyết giúp hiệu trưởng nhà trường xác định được mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện công tác XHHGD của mình; đồng thời giúp cho lực lượng tham gia vào công tác XHHGD thấy được nguồn lực mình tài trợ đảm bảo đúng mục đích và khả thi. Biện pháp 2 *"Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng*

đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD" giúp cho hiệu trưởng nhà trường nắm bắt được thực trạng, tình hình, bối cảnh nhà trường trong triển khai thực hiện công tác XHHGD của mình. Bên cạnh đó việc tuyên truyền giúp cho cộng đồng nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD trong việc góp phần phát triển giáo dục nhà trường cũng như trách nhiệm, vai trò của mỗi cá nhân trong nhiệm vụ xây dựng xã hội nói chung và giáo dục đào tạo nói riêng. Biện pháp (3) *"Đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD"* là biện pháp cần thiết giúp hiệu trưởng nhà trường đưa ra nhiều hình thức thực hiện công tác XHHGD khi xây dựng kế hoạch công tác xã hội hóa của mình. Qua đó, hiệu trưởng nhà trường có được các hình thức huy động nguồn lực xã hội hóa một cách linh hoạt, phong phú và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, giúp cho các lực lượng tham gia vào công tác XHHGD của nhà trường cảm thấy thoải mái, có thể tham gia đóng góp cho sự phát triển giáo dục của nhà trường bằng chính khả năng của mình, không còn thắc mắc về tình trạng "lạm thu" ở các trường như báo chí trong thời gian qua đã phản ánh. Biện pháp (4) *"Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường"* giúp cho hiệu trưởng nhà trường nắm bắt được tiến độ triển khai thực hiện công tác XHHGD so với kế hoạch đề ra cũng như có kế hoạch điều chỉnh kịp thời. Biện pháp này quyết định sự thành công của biện pháp (1) và biện pháp (3) cũng như hỗ trợ thực hiện biện pháp (5) được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Biện pháp (5) *"Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường"* là biện pháp không thể tách rời với biện pháp (1) và hỗ trợ thực hiện biện pháp (4). Biện pháp này giúp hiệu trưởng nhà trường kịp thời điều chỉnh kế hoạch công tác XHHGD của mình cũng như đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện kế hoạch có đáp ứng với mục tiêu đề ra hay không.

Biện pháp (6) *"Tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD ở các trường"* là biện pháp cụ thể giúp hiệu trưởng nhà trường tổ chức tốt tất cả các biện pháp từ (1) đến (5) bởi vì các điều kiện hỗ trợ là yếu tố cần thiết để triển khai thành công các biện pháp thực hiện công tác XHHGD nói riêng và công tác XHHGD

của nhà trường nói chung.

Tóm lại, mỗi biện pháp đều có vai trò và nội dung khác nhau nhưng chúng hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Nếu thiếu một trong các biện pháp trên thì hiệu quả quản lí công tác XHHGD của nhà trường có thể sẽ không đạt kết quả như mong muốn.

3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.4.1. Mục đích khảo nghiệm

Từ những đánh giá khách quan của các khách thể về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp thực hiện công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã được đề xuất, tác giả có thể xem xét, điều chỉnh các biện pháp không cần thiết và khó khả thi bằng những biện pháp cần thiết và khả thi hơn; đồng thời làm cơ sở để khẳng định độ tin cậy của biện pháp khi được vận dụng vào trong thực tế tại các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3.4.2. Nội dung và phương pháp khảo nghiệm

Căn cứ vào những biện pháp đã được đề xuất (mục 3.2), chúng tôi tiến hành khảo sát hai nội dung quan trọng sau:

Mức độ cần thiết của biện pháp được đề xuất trong việc vận dụng vào quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tính khả thi của các biện pháp được đề xuất được đánh giá như thế nào khi hiệu trưởng nhà trường vận dụng vào quản lí công tác XHHGD ở trường THCS huyện Di Linh hiện nay.

Trên cơ sở những số liệu khảo sát, có thể rút ra những kết luận cần thiết về các biện pháp được đề xuất để có thể vận dụng vào quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Về phương pháp khảo nghiệm, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến các đối tượng khảo sát bằng bảng hỏi về các biện pháp đã được đề xuất. Sử dụng phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) để phân tích dữ liệu thu thập từ phiếu hỏi. Các câu hỏi sử dụng thang đo khoảng cách Likert 4 mức độ đánh giá gồm:

Rất cần thiết/ rất khả thi

Cần thiết/ khả thi

Ít cần thiết/ ít khả thi

Không cần thiết/ không khả thi

3.4.3. Đối tượng khảo nghiệm

Để đánh giá sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, tôi đã tiến hành lấy ý kiến của 49 người, gồm: 19 hiệu trưởng, 26 phó hiệu trưởng của 19 trường trung học cơ sở thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, 02 lãnh đạo và 02 chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3.4.4. Kết quả khảo nghiệm

Bảng 3.1. Quy ước mã hóa và định khoảng trung bình

Khoảng trung bình	***Tính cần thiết***	***Tính khả thi***	***Mã hóa***
Từ 1 đến 1,75	Không cần thiết	Không khả thi	1
Từ 1,76 đến 2,51	Ít cần thiết	Ít khả thi	2
Từ 2,52 đến 3,27	Cần thiết	Khả thi	3
Trên 3,27	Rất cần thiết	Rất khả thi	4

Biện pháp 1: ***Tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường***

Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của công tác XHHGD. Khảo sát tại chương 2 cho thấy công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch còn một số nội dung cần điều chỉnh cho phù hợp thực tế. Trên cơ sở đó chúng tôi đề xuất biện pháp *Tăng cường xây dựng hoạch cụ thể thực hiện công tác Xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường*. Bảng 3.2 dưới đây là kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp.

Bảng 3.2. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Phân tích môi trường, đặc điểm tình hình của nhà trường, điều kiện, hiện trạng của nhà trường để thực hiện công tác XHHGD.	3,61	0,49	2	3,45	0,50	2
2	Xác định mục tiêu thực hiện XHHGD cho năm học và từng giai đoạn	3,51	0,51	6	3,41	0,50	3
3	Xác định nội dung và biện pháp thực hiện XHHGD.	3,55	0,50	3	3,41	0,50	3
4	Xác định điều kiện cần thiết hỗ trợ công tác XHHGD.	3,53	0,50	4	3,39	0,49	6
5	Dự kiến những khó khăn, chuẩn bị phương án để khắc phục khó khăn có thể xảy ra.	3,53	0,50	4	3,41	0,50	3
6	Huy động nguồn lực sẵn có và tạo môi trường phối hợp với các lực lượng tham gia vào XHHGD tại địa phương.	3,41	0,61	7	3,27	0,61	7
7	Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng nội dung XHHGD của nhà trường.	3,76	0,43	1	3,55	0,58	1
Trung bình chung		*3,56*			*3,41*		
Đánh giá chung		*Rất cần thiết*			*Rất khả thi*		
Độ tin cậy của thang do (Cronbach's Alpha)		*0,73*			*0,80*		
Tương quan (Pearson)		*0,97***					

** mức lựa chọn Alpha = 0,01

Đánh giá về tính cần thiết

Kết quả khảo sát bảng 2.3 phần tính cần thiết của biện pháp cho thấy đa số các ý kiến được hỏi đều đánh giá cao các nội dung được hỏi. Được đánh giá cao nhất bảng là công tác xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng nội dung XHHGD của nhà trường. Điểm trung bình 3,76 xếp hạng 1, độ lệch chuẩn khá thấp 0,43 cho thấy hầu hết các ý kiến đều nhận định đây là nội dung rất cần thiết cho công tác nâng cao xây dựng kế hoạch độc lập. Ngoài ra việc phân tích môi trường, đặc điểm tình hình của nhà trường, điều kiện, hiện trạng của nhà trường để thực hiện công tác XHHGD, cũng được nhận định rất cần thiết. Trung bình 3,61 xếp hạng 2 của bảng. Độ lệch chuẩn 0,49 cho thấy các ý kiến được hỏi chủ yếu lựa chọn mức độ rất cần thiết. Nội dung có điểm đánh giá thấp nhất bảng là hoạt động Huy động nguồn lực sẵn có và tạo môi trường phối hợp với các lực lượng tham gia vào XHHGD tại địa phương. Điểm trung bình 3,41 xếp hạng 7. Độ lệch chuẩn của nội dung này khá cao, cho thấy vẫn còn một số ý kiến chưa thực sự đồng tình với đa số những người được hỏi. Tuy nhiên, các ý kiến này không ảnh hưởng nhiều đến kết quả của khảo sát. Mức độ đánh giá của nội dung này theo khung định khoảng vẫn ở mức rất cần thiết. Các nội dung còn lại mặc dù thứ hạng và điểm số không giống nhau nhưng mức độ đánh giá vẫn ở mức rất cần thiết. Trung bình chung của các nội dung bảng 3.2 phần mức độ thực hiện là 3,56 tương đương mức đánh giá rất cần thiết. Kết quả đánh giá cho thấy, những nội dung mà chúng tôi đề xuất nhằm nâng cao công tác xây dựng kế hoạch độc lập thực hiện công tác XHHGD là hoàn toàn có cơ sở.

Đánh giá về tính khả thi

Đa số các ý kiến đánh giá tính khả thi của các nội dung thuộc bảng 3.2 không có khác biệt nhiều so với đánh giá ở phần tính cần thiết. Tuy nhiên, do sự chi phối của các điều kiện tác động, cũng như môi trường khác nhau của từng trường, nên các đánh giá có sự khác nhau về thứ tự ưu tiên. Cụ thể, việc xác định mục tiêu thực hiện XHHGD cho năm học và từng giai đoạn. Tính cần thiết của nội dung này chưa được đánh giá cao, trung bình 3,51 xếp hạng 6, nhưng tính khả thi của nội dung lại được đánh giá khá cao, trung bình 3,41 xếp hạng 3. Việc xác định điều kiện cần thiết hỗ trợ công tác XHHGD được nhìn nhận rất cần thiết (trung bình 3,53) xếp hạng 4,

nhưng đánh giá về tính khả thi của nội dung này lại xếp hạng 6 (trung bình 3,39). Công tác dự kiến những khó khăn, chuẩn bị phương án để khắc phục khó khăn có thể xảy ra, cũng có thứ hạng không đồng nhất. Sự chênh lệch về các đánh giá cho thấy có sự khác biệt đáng kể về môi trường quản lí hoạt động XHHGD ở các địa bàn khác nhau. Tuy nhiên, điểm trung bình của các nội dung khảo sát đều nằm trong khung định khoảng rất khả thi. Trung bình chung phần tính khả thi là 3,41 điểm số này đạt mức nhận định các nội dung của bảng 3.2 ở mức rất khả thi.

Kết quả khảo sát bảng 3.2 cho thấy biện pháp đề xuất nâng cao hoạt động xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác XHHGD nhận được nhiều sự đồng thuận tích cực của các đối tượng tham gia khảo sát. Hầu hết những nội dung của biện pháp đều được xác định rất cần thiết và có tính rất khả thi. Mức độ tin cậy của những nhận định trên hoàn toàn có thể tin tưởng được. Chỉ số thống kê (Cronbach's Alpha) chúng tôi nhận được từ bảng 3.2 lần lượt là 0,73 và 0,80 cho thấy độ tin cậy của thang đo đạt mức khá, mức chấp nhận được. Ngoài ra, mối liên hệ giữa những ý kiến đánh giá tính cần thiết với những ý kiến đánh giá tính khả thi là mối liên hệ thuận. Chỉ số tương quan (Pearson) 0.97** cho thấy hai mức độ đánh giá này có mối tương quan với nhau rất chặt chẽ, độ tin cậy của mối liên hệ này là 99%.

Biện pháp 2: ***Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD***

Truyền thông đóng vai trò rất lớn đối với hiệu quả của công tác vận động xã hội hóa giáo dục. Kết quả khảo sát cho thấy công tác này hiện nay còn một số nội dung chưa được thực hiện tốt. Bảng 3.3 dưới đây là kết quả khảo sát các nội dung của biện pháp đề xuất nhằm *Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD.*

Bảng 3.3. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Tổ chức tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi họp chi bộ của nhà trường; tổ chức tuyên truyền trong cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh.	3,82	0,39	1	3,76	0,43	1
2	Thành lập ban tuyên truyền, vận động gồm các thành viên cốt cán trong nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh, mời đại diện của các ban ngành, đoàn thể địa phương để thực hiện tuyên truyền, vận động trong các buổi hội họp, tại gia đình, cơ quan, doanh nghiệp.	3,53	0,50	2	3,33	0,59	2
3	Xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, rõ ràng, mục	3,53	0,50	2	3,29	0,58	4

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
	tiêu thiết thực						
4	Đăng tải nội dung truyền thông, tuyên truyền trên website của nhà trường; viết bài phát thanh trên loa phát thanh địa phương; treo băng rôn, …	3,37	0,57	4	3,33	0,63	2
5	Tổ chức diễn đàn, hội thảo nhằm giới thiệu về hiện trạng nhà trường, mục tiêu giáo dục của nhà trường, nhu cầu dạy và học đáp ứng xu thế phát triển của xã hội, đồng thời là cơ hội để tiếp cận và tạo mối quan hệ thân thiết với các nhà tài trợ, mạnh thường quân.	3,29	0,46	5	3,02	0,60	5
Trung bình chung		*3,51*			*3,34*		
Đánh giá chung		*Rất cần thiết*			*Rất khả thi*		
Độ tin cậy của thang do (Cronbach's Alpha)		*0,87*			*0,70*		
Tương quan (Preason)		*0,93***					

Đánh giá về tính cần thiết

Nội dung được đánh giá cao nhất bảng là công tác tổ chức tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi họp chi bộ của nhà trường; tổ chức tuyên truyền trong cha

mẹ học sinh thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh. Điểm trung bình 3,82 xếp hạng 2. Độ lệch chuẩn khá thấp 0,39 cho thấy đa số các ý kiến được hỏi đều lựa chọn mức độ rất cần thiết. Thông qua các hoạt động trên đây, hiệu trưởng nhà trường sẽ trình bày những thuận lợi khó khăn trong hoạt động giáo dục, đồng thời nêu lên những mong muốn hỗ trợ từ nhiều nguồn khác nhau để đồng hành cùng cán bộ giáo viên vì sự nghiệp giáo dục chung. Ngoài ra việc thành lập ban tuyên truyền, vận động gồm các thành viên cốt cán trong nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh, mời đại diện của các ban ngành, đoàn thể địa phương để thực hiện tuyên truyền, vận động trong các buổi hội họp, tại gia đình, cơ quan, doanh nghiệp. Cũng nhận được sự đồng tình cao về mức độ cần thiết. Điểm trung bình của khảo sát là 3,53 xếp hạng 2, thứ hạng và điểm số này tương đương mức đánh giá rất cần thiết. Nội dung có đánh giá thấp nhất bảng về mức độ khả thi là hoạt động, tổ chức diễn đàn, hội thảo nhằm giới thiệu về hiện trạng nhà trường, mục tiêu giáo dục của nhà trường, nhu cầu dạy và học đáp ứng xu thế phát triển của xã hội, đồng thời là cơ hội để tiếp cận và tạo mối quan hệ thân thiết với các nhà tài trợ, mạnh thường quân. Điểm trung bình khảo sát 3,29 xếp hạng 5. Độ lệch chuẩn 0,46 khá cao so với bảng, cho thấy vẫn còn một số ý kiến nhận định nội dung này chỉ ở mức khả thi và mức không khả thi. Điểm trung bình chung của các nội dung khảo sát mức độ khả thi là 3,34 tương đương mức đánh giá rất khả thi. Như vậy, có thể thấy toàn bộ những nội dung của biện pháp tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD, mà người nghiên cứu đề xuất là hoàn toàn hợp lí và phù hợp với thực tế hiện nay.

Đánh giá về tính khả thi

Các ý kiến được hỏi về tính khả thi của các giải pháp không có sự khác biệt nhiều so với sự đánh giá về tính cần thiết. Có một số hội dung có sự thay đổi vị trí thứ hạng trong bảng, nhưng mức độ nhận định không có sự khác biệt. Cụ thể, đánh giá nội dung công tác xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, rõ ràng, mục tiêu thiết thực. Phần đánh giá tính cần thiết trung bình 3,53 xếp hạng 2. Nhưng phần tính khả thi điểm trung bình chỉ 3,29 xếp hạng 4. Điều này cho thấy việc triển khai thực hiện

xây dựng kế hoạch truyền thông có hiệu quả là hoạt động tương đối khó. Tuy nhiên, điểm số của nội dung này vẫn được đánh giá ở mức rất khả thi. Ngoài ra, việc Đăng tải nội dung truyền thông, tuyên truyền trên website của nhà trường; viết bài phát thanh trên loa phát thanh địa phương; treo băng rôn, v.v. cũng có sự khác nhau về điểm số, mặc dù không lớn, nhưng cũng phần nào phản ánh được thực trạng việc triển khai thực hiện nội dung này. Điểm trung bình chung đánh giá tính khả thi của biện pháp tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác XHHGD là 3,34 tương đương mức nhận định rất cần thiết.

Kết quả kiểm nghiệm các chỉ số thống kê cho thấy mức độ tin cậy của khảo sát bảng 3.3 trên đây khá cao. Hệ số Cronbach's Alpha của tính cần thiết 0,87 chỉ số này cho biết độ tin cậy của khảo sát ở mức khá. Phần tính khả thi chỉ số Cronbach's Alpha 0.70 mức độ này khá thấp (*độ tin cậy của thang đo chỉ ở mức trung bình*) nhưng trong giới hạn cho phép. Ngoài ra mức độ quan hệ giữa những đánh giá tính cần thiết và tính khả thi ở mức cao. Hệ số tương quan Pearson 0,93** cho thấy, ý kiến đánh giá tính cần thiết có liên quan chặt chẽ với ý kiến đánh giá tính khả thi của giải pháp. Mức độ tin cậy của sự tương quan này là rất cao (**).

Biện pháp 3: ***Đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD***

Vận dụng các hình thức triển khai thực hiện công tác XHHGD phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, cơ quan, doanh nghiệp hay với từng cá nhân có ý nghĩa rất lớn đến hiệu quả của hoạt động này. Thông thường, hiệu trưởng các trường rất ngại đổi mới hình thức tổ chức thực hiện công tác XHHGD của trường mình. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thực hiện công tác XHHGD ở các trường vẫn còn hạn chế. Bảng 3.4 dưới đây là kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của giải pháp *Đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD*.

Bảng 3.4. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Tổ chức vận động nguồn lực thông qua tài trợ tự nguyện.	3,51	0,51	1	3,39	0,61	1
2	Tổ chức vận động nguồn lực thông qua hoạt động khuyến học.	3,39	0,53	2	3,31	0,59	2
3	Tổ chức vận động nguồn lực thông qua đấu giá sản phẩm của học sinh và giáo viên.	3,02	0,69	6	2,94	0,72	6
4	Tổ chức vận động nguồn nhân lực tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường	3,33	0,52	3	3,27	0,53	3
5	Tổ chức vận động nguồn trí lực từ lực lượng trí thức của địa phương.	3,10	0,62	5	3,06	0,59	4
6	Vận động nguồn tài trợ thông qua thực hiện các dự án của nhà trường.	3,12	0.60	4	2,98	0,69	5
Trung bình chung		*3,24*			*3,16*		
Đánh giá chung		*Cần thiết*			*Khả thi*		
Độ tin cậy của thang do (Cronbach's Alpha)		*0,85*			*0,84*		
Tương quan (Pearson)		*0,98***					

Đánh giá về tính cần thiết

Ý kiến đánh giá mức độ cần thiết của các nội dung biện pháp đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD khá cao. Được đánh giá có tính khả thi nhất là hoạt động tổ chức vận động nguồn lực thông qua tài trợ tự nguyện. Điểm trung bình 3,51 xếp hạng 1. Độ lệch chuẩn 0,51 cho thấy ít có sự phân tán các ý kiến khi lựa chọn đánh giá rất cần thiết. Ngoài ra việc tổ chức vận động nguồn lực thông qua hoạt động khuyến học, cũng được đánh giá là rất cần thiết. Trung bình 3,39 độ lệch chuẩn 0,53 xếp hạng 2 của bảng. Nội dung có điểm đánh giá thấp nhất bảng là tổ chức vận động nguồn lực thông qua đấu giá sản phẩm của học sinh và giáo viên. Trung bình 3,02 xếp hạng 6 của bảng. Điểm số này chỉ tương đương mức đánh giá cần thiết, đồng nghĩa với việc sự đồng tình về mức độ cần thiết của nội dung này chưa thực sự cao. Đánh giá chung của các ý kiến khảo sát bảng 3.4 phần tính cần thiết điểm trung bình 3,24 tương đương mức đánh giá chung cần thiết. Điều này cho thấy biện pháp đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác XHHGD, chưa thực sự nhận được nhiều sự đồng tình.

Đánh giá về tính khả thi

Kết quả đánh giá mức độ khả thi không có khác biệt so với đánh giá tính cần thiết. Chỉ có một số nội dung có sự thay đổi vị trí thứ hạng trong bảng, do có sự thay đổi về điểm số đánh giá. Cụ thể như sau: Việc tổ chức vận động nguồn trí lực từ lực lượng trí thức của địa phương, điểm trung bình mức độ cần thiết 3,10 tương đương mức đánh giá cần thiết, xếp hạng 5. Nhưng tính khả thi lại có điểm trung bình 3,06. Như vậy có thể thấy mức độ đánh giá tính khả thi thấp hơn mức độ đánh giá tính cần thiết. Đánh giá cho thấy việc triển khai thực hiện nội dung này sẽ gặp một số khó khăn nhất định. Ngoài ra việc vận động nguồn tài trợ thông qua thực hiện các dự án của nhà trường, cũng có đánh giá tương tự. Điểm trung bình mức độ cần thiết 3,12 xếp hạng 4. Phần tính khả thi trung bình 2,98 xếp hạng 5. Như vậy, nội dung này chưa nhận được sự đồng thuận tương ứng với mức độ cần thiết. Đánh giá chung các nội dung của biện pháp đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức

thực hiện công tác XHHGD về tính khả thi khi áp dụng vào thực tế có điểm trung bình 3,16. Điểm số tương ứng mức nhận định khả thi.

Các chỉ số thống kê cho thấy độ tin cậy của khảo sát bảng 3.4 hoàn toàn có thể tin tưởng được (Cronbach's Alpha 0,85 và 0,84). Mức độ tương quan giữa những đánh giá cần thiết với đánh giá tính khả thi có mối liên hệ thuận chặt chẽ với nhau (Tương quan Pearson 0,98), độ tin cậy của tương quan lên đến 99%.

Biện pháp 4: ***Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường***

Kết quả khảo sát nội dung chỉ đạo của hiệu trưởng đối với hoạt động xã hội hóa ở chương 2 cho thấy còn nhiều nội dung chưa sát với thực tế, cho nên hiệu quả đạt được của công tác này chưa cao. Bảng 3.5 dưới đây là kết quả khảo sát biện pháp *Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát việc thực hiện công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường*.

Bảng 3.5. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Hiệu trưởng có những hướng dẫn cụ thể đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường và đặc biệt là các tổ trưởng chuyên môn để làm căn cứ triển khai kế hoạch của tổ mình.	3,78	0,47	1	3,61	0,53	2
2	Thường xuyên theo dõi tiến độ, cách thức, kết quả thực hiện kế hoạch để kịp thời bổ sung, điều chỉnh.	3,78	0,42	1	3,45	0,50	5

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
3	Có biện pháp động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện XHHGD tại đơn vị.	3,78	0,42	1	3,49	0,55	4
4	Kịp thời đưa ra các phương án giải quyết và điều chỉnh những việc làm không đúng theo quy định, không đảm bảo kế hoạch và đáp ứng mục tiêu đề ra.	3,65	0,48	5	3,61	0,49	2
5	Phối hợp với Ban thanh tra nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh tăng cường công tác giám sát hoạt động thu chi, việc sử dụng các nguồn lực đóng góp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường	3,73	0,45	4	3,78	0,42	1
Trung bình chung		*3,74*			*3,59*		
Đánh giá chung		*Rất cần thiết*			*Rất khả thi*		
Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)		*0,96*			*0,92*		

Đánh giá về tính cần thiết

Đa số các nội dung khảo sát đều nhận được sự đồng tình cao về đánh giá mức độ tính cần thiết. Trong đó có 3 nội dung có điểm số và thứ hạng tương đương nhau, cụ thể như sau: Việc hiệu trưởng có những hướng dẫn cụ thể đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường và đặc biệt là các tổ trưởng chuyên môn để làm căn cứ triển khai kế hoạch của tổ mình. Điểm trung bình 3,78 xếp hạng 1. Thứ hạng cho thấy, vai trò của lãnh đạo nhà trường được đánh giá có ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai kế

hoạch xã hội hóa. Ngoài ra hiệu trưởng nhà trường thường xuyên theo dõi tiến độ, cách thức, kết quả thực hiện kế hoạch để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cũng được nhận định là rất cần thiết (trung bình 3,78 xếp hạng 1). Nội dung có điểm xếp hạng thấp nhất bảng là Kịp thời đưa ra các phương án giải quyết và điều chỉnh những việc làm không đúng theo quy định, không đảm bảo kế hoạch và đáp ứng mục tiêu đề ra, trung bình 3,65 xếp hạng 5. Kết quả đánh giá chung mức độ cần thiết của các nội dung bảng 3.5 đạt mức nhận định rất cần thiết. Mức độ này cho thấy biện pháp tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của hiệu trưởng trong quá trình thực hiện công tác XHHGD của nhà trường, mà chúng tôi đề xuất là hoàn toàn hợp lí.

Đánh giá về tính khả thi

Các ý kiến khảo sát bảng 3.5 cho thấy có sự thay đổi đáng kể về điểm trung bình của các nội dung. Chính vì vậy, thứ tự thứ hạng sắp xếp của bảng cũng có sự chênh lệch đáng kể. Nội dung thường xuyên theo dõi tiến độ, cách thức, kết quả thực hiện kế hoạch để kịp thời bổ sung, điều chỉnh mức độ khả thi điểm trung bình chỉ 3,45 xếp hạng 5. Đánh giá này cho thấy sẽ có những khó khăn nhất định khi triển khai nội dung này trong thực tế. Ngược lại việc kịp thời đưa ra các phương án giải quyết và điều chỉnh những việc làm không đúng theo quy định, không đảm bảo kế hoạch và đáp ứng mục tiêu đề ra lại không được đánh giá cao về tính cần thiết (trung bình 3,65 xếp hạng 5), nhưng nội dung này lại nhận được nhiều sự đồng tình về tính khả thi khi thực hiện (trung bình 3,61 xếp hạng 2). Mặc dù có sự khác nhau về điểm số và thứ hạng nhưng đánh giá chung của hoạt động này vẫn ở mức rất cần thiết và rất khả thi. Điểm trung bình chung về tính khả thi của bảng 3.5 là 3,59 tương đương mức đánh giá rất khả thi.

Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha) 0,96 và 0,92 cho thấy các khảo sát trên hoàn toàn có thể tin cậy ở mức cao.

Biện pháp 5: ***Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác XHHGD của hiệu trưởng nhà trường***

Kiểm tra đánh giá nhằm mục đích xem xét và điều khiển, điều chỉnh quá trình thực hiện kế hoạch sao cho đạt được mục tiêu đã đề ra trước đó. Khảo sát ở chương 2 cho thấy hoạt động này cần phải được bổ sung một số nội dung cho phù hợp với thực

tế. Trên cơ sở đó chúng tôi đề xuất biện pháp *Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường*. Bảng 3.6 dưới đây là kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi các nội dung của biện pháp.

Bảng 3.6. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác XHHGD của nhà trường.	3,61	0,53	2	3,53	0,50	3
2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ XHHGD của các các thành viên trong nhà trường; kết quả huy động và thực tế sử dụng các nguồn lực XHHGD của nhà trường; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong thực hiện XHHGD của các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.	3,59	0,50	3	3,63	0,49	2
3	Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời động viên, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp.	3,53	0,50	4	3,47	0,50	4

TT	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
4	Đôn đốc, động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện hoạt động XHHGD tại đơn vị.	3,39	0,49	5	3,37	0,49	5
5	Công khai kết quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường định kì trong các buổi họp, trên website, trên bảng thông báo và trong báo cáo của nhà trường.	3,90	0,31	1	3,82	0,39	1
Trung bình chung		*3,60*			*3,56*		
Đánh giá chung		*Rất cần thiết*			*Rất khả thi*		
Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)		*0,86*			*0,77*		
Tương quan (Pearson)		*0,96***					

Đánh giá về tính cần thiết

Kết quả khảo sát cho thấy đa số các ý kiến được hỏi đều đánh giá cao nội dung của biện pháp. Việc công khai kết quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường định kì trong các buổi họp, trên website, trên bảng thông báo và trong báo cáo của nhà trường được nhận định rất cần thiết (trung bình 3,90 xếp hạng 1) vì đây là hoạt động nhằm minh bạch hóa việc sử dụng nguồn tài trợ, đồng thời cũng thể hiện uy tín của nhà trường đối với tài sản đóng góp cho hoạt động giáo dục. Ngoài ra công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác XHHGD của nhà trường cũng được nhìn nhận rất cần thiết (trung bình 3,61 xếp hạng 3). Nội dung có điểm số thấp của bảng là đôn đốc, động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện hoạt

động XHHGD tại đơn vị, trung bình 3,39 xếp hạng 5. Độ lệch chuẩn 0,49 cho thấy vẫn còn một số ý kiến cho rằng hoạt động này chỉ ở mức cần thiết thậm chí còn có một số đánh giá ở mức không cần thiết. Đánh giá chung của tính cần thiết bảng 3.6 điểm trung bình là 3,60 đạt mức đánh giá chung rất cần thiết.

Đánh giá về tính khả thi

Điểm số của khảo sát phần khả thi không có sự khác biệt so với điểm số của tính cần thiết. Các ý kiến đều cho rằng, những nội dung nhằm nâng cao biện pháp công tác kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác XHHGD của nhà trường là rất khả thi. Trong đó việc công khai kết quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường định kì trong các buổi họp, trên website, trên bảng thông báo và trong báo cáo của nhà trường có ý nghĩa quan trọng đến toàn bộ hoạt động kế hoạch hóa, điểm trung bình 3,82 xếp hạng 1. Độ lệch chuẩn rất thấp 0,39 cho thấy đa số các ý kiến đều lựa chọn mức độ rất khả thi. Đánh giá chung phần tính khả thi của đề xuất có điểm trung bình 3,56 tương đương mức nhận định biện pháp đề xuất rất khả thi khi áp dụng vào thực tế.

Kết quả kiểm nghiệm độ tin cậy (Cronbach's Alpha) cho biết điểm số và nhận định của bảng 3,60 đạt mức khá. Mức độ này cho phép tin tưởng vào kết quả của khảo nghiệm. Mối liên hệ giữa những đánh giá phần tính khả thi có mối liên hệ thuận với các đánh giá tính cần thiết (tương quan Pearson 0,96**), độ tin cậy của mối liên hệ này lên đến 99%.

Biện pháp 6: ***Tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD***

Các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả của hoạt động. Quá trình nghiên cứu cho thấy, công tác quản lí hiện nay của một số trường cần phải khắc phục một số tồn tại để hoạt động này đạt được hiệu quả cao hơn. Bảng 3.7 dưới đây là kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường công tác quản lí các điều kiện hỗ trợ.

Bảng 3.7. Kết quả khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của biện pháp tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác XHHGD

Stt	Nội dung	Tính cần thiết			Tính khả thi		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Rà soát, đánh giá các điều kiện hiện có có thể huy động để thực hiện công tác XHHGD của nhà trường	3,69	0,47	3	3,65	0,48	5
2	Xem xét, bố trí nguồn tài chính phù hợp cho thực hiện công tác XHHGD	3,67	0,47	4	3,73	0,45	3
3	Xem xét nhu cầu, bố trí cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho công tác XHHGD của nhà trường.	3,82	0,39	1	3,80	0,41	1
4	Xem xét, đánh giá năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên để bố trí, phân công nhiệm vụ thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục một cách hợp lí.	3,80	0,41	2	3,78	0,42	2
5	Tham mưu với chính quyền địa phương, huy động sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương, các tổ chức đoàn thể và cha mẹ học sinh trong thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.	3,59	0,50	5	3,69	0,47	4
Trung bình chung		*3,71*			*3,73*		
Đánh giá chung		*Rất cần thiết*			*Rất khả thi*		
Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)		*0,79*			*0,75*		
Tương quan (Pearson)		*0,78*					

Đánh giá về tính cần thiết

Nội dung được đánh giá cao nhất về tính cần thiết của bảng là xem xét nhu cầu, bố trí cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho công tác XHHGD của nhà trường. Điểm trung bình 3,82 xếp hạng 1, độ lệch chuẩn 0,39 cho biết không có sự phân tán nhiều của những người được hỏi đối với lựa chọn rất cần thiết. Đa số những người tham gia khảo sát đều cho rằng xem xét, đánh giá năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên để bố trí, phân công nhiệm vụ thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục một cách hợp lí, là rất cần thiết. Vì hoạt động này có liên quan trực tiếp đến hiệu quả của vận động công tác XHHGD. Nội dung có điểm khảo sát thấp của bảng là tham mưu với chính quyền địa phương, huy động sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương, các tổ chức đoàn thể và cha mẹ học sinh trong thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Trung bình 3,59 xếp hạng 5. Đánh giá chung phần mức độ cần thiết điểm trung bình 3,71 tương đương mức nhận định rất cần thiết.

Đánh giá về tính khả thi

Kết quả khảo sát tính khả thi các nội dung của biện pháp *Tăng cường quản lí các điều kiện hỗ trợ công tác xã hội hóa giáo dục*, có một số nội dung chưa tương đồng về đánh giá giữa tính cần thiết và tính khả thi. Cụ thể, việc rà soát, đánh giá các điều kiện hiện có có thể huy động để thực hiện công tác XHHGD của nhà trường. Điểm trung bình tính cần thiết 3,69 xếp hạng 3. Nhưng phần tính khả thi trung bình 3,65 xếp hạng 5. Điều này cho thấy quá trình triển khai thực hiện nội dung này trong thực tế sẽ gặp một số khó khăn nhất định. Hay nội dung, xem xét, bố trí nguồn tài chính phù hợp cho thực hiện công tác XHHGD. Phần tính cần thiết không được đánh giá cao xếp hạng 4, nhưng tính khả thi lại được đánh giá cao hơn xếp hạng 3. Các nội dung còn lại có mức tương đồng giữa đánh giá tính cần thiết và tính khả thi. Trung bình chung của tính khả thi là 3,73 tương đương mức đánh giá rất khả thi.

Các chỉ số thống kê cho thấy, độ tin cậy của thang đo (0,79 và 0,75) ở mức chấp nhận được. Nghĩa là kết quả khảo sát của bảng 3.7 hoàn toàn có thể tin tưởng. Mối liên hệ (tương quan Pearson) giữa những đánh giá tính cần thiết và đánh giá tính khả thi là mối liện hệ thuận có quan hệ chặt chẽ với nhau ở mức khá 0,78.

3.4.5. Đánh giá chung về khảo sát tính cần thiết và tính khả thi

Kết quả khả sát cho thấy hầu hết nội dung của các biện pháp đều nhận được sự đánh giá cao về tính cần thiết và tính khả thi. Mặc dù có sự khác nhau về thứ hạng, điểm số trong từng biện pháp, nhưng kết quả đó không ảnh hưởng nhiều đến đánh giá chung của biện pháp. Nhưng đây cũng là một trong những lưu ý khi vận dụng vào thực tế của các trường. Căn cứ vào tình hình, điều kiện mà nhà quản lí vận dụng sao cho linh hoạt, để các biện pháp đề xuất phát huy được hiệu quả.

Qua đánh giá của các bảng khảo sát, người nghiên cứu cho rằng các biện pháp đề xuất là hoàn toàn hợp lí và có tính khả thi cao trong thực tế.

Tiểu kết chương 3

Công tác XHHGD ở các trường THCS nói chung cũng như các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng nói riêng đòi hỏi phải được thực hiện một cách đồng bộ, nâng cao hiệu quả, chất lượng của từng mặt, từng nội dung cụ thể. Để thực hiện được điều đó, hiệu trưởng các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cần đổi mới quản lí công tác XHHGD một cách quyết liệt; vận dụng các biện pháp khả thi, phù hợp với thực tiễn địa phương vào quản lí công tác XHHGD của trường mình. Do vậy, các biện pháp quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng được đề xuất trong luận văn này có thể cần thiết giúp hiệu trưởng nhà trường tăng cường hiệu quả quản lí công tác XHHGD của mình.

Mỗi biện pháp đều có những vị trí, vai trò nhất định trong quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, không có biện pháp nào là vạn năng nên trong triển khai thực hiện quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, đòi hỏi hiệu trưởng nhà trường phải phối hợp nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ, bổ sung cho các biện pháp khác, góp phần nâng cao hiệu quả quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy, các biện pháp quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng được đề xuất trong luận văn này đều có tính cần thiết và khả thi. Qua đó, cho phép khẳng định rằng các biện pháp được đề xuất đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ quản lí ở các trường và phù hợp với thực tiễn của các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, để quá trình thực hiện XHHGD ở các trường THCS thuộc các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đạt hiệu quả cao, những biện pháp này cần được hiệu trưởng các trường thực hiện đồng bộ, nghiêm túc và triệt để.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thực hiện XHHGD là một trong những biện pháp quan trọng giúp nhà trường phát triển về cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện giáo dục; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đào tạo của địa phương và hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước trong tình hình mới. Quản lí việc thực hiện XHHGD là nhiệm vụ của nhà trường và toàn xã hội, trong đó hiệu trưởng đóng vai trò nòng cốt, có tính quyết định. Nghiên cứu XHHGD góp phần làm rõ quan điểm của Đảng, nhà nước ta về XHHGD là sự nghiệp của toàn dân, của mọi tổ chức kinh tế xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lí của Nhà nước. Thực hiện XHHGD là giải pháp có tính chiến lược cần thiết trong lúc ngân sách Nhà nước dành cho giáo dục còn hạn hẹp. Hơn nữa, XHHGD nhằm hướng đến mục tiêu dân chủ, công bằng trong giáo dục, không chỉ có thế hệ trẻ mà tất cả nhân dân được hưởng các quyền lợi, thành tựu mà giáo dục mang lại. Từ đó, khuyến khích mọi người, mọi lực lượng xã hội nêu cao tinh thần trách nhiệm và năng lực của mình đóng góp cho giáo dục, xây dựng một xã hội học tập, tạo thói quen cho mọi người học tập suốt đời. Luận văn đã góp phần làm rõ nội hàm các khái niệm cơ bản về quản lí, quản lí công tác XHHGD, quản lí thực hiện XHHGD ở trường THCS và hệ thống lí luận về XHHGD; quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh đó, luận văn cũng làm rõ quy trình, cách thức thực hiện chức năng quản lí công tác XHHGD của các hiệu trưởng trường THCS ở các xã thuộc khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; đồng thời làm rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia vào giáo dục nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

Việc thực hiện XHHGD và XHHGD ở các trường THCS là yêu cầu tất yếu, phù hợp xu thế phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta hiện nay và yêu cầu phát triển của thời đại. Do đó, đổi mới quản lí việc thực hiện XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là yêu cầu thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường THCS thuộc vùng kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

Thực tế kết quả việc thực hiện XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cho thấy, việc thực hiện XHHGD là chủ trương đúng đắn mang tầm chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, là nhiệm vụ quan trọng của các trường THCS trong quá trình phát triển. Kết quả đạt được trong thực hiện XHHGD ở các trường THCS trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trong những năm qua rất đáng khích lệ, nhưng trong quá trình thực hiện, vẫn còn những hạn chế nhất định như: nhận thức về XHHGD của một số bộ phận, đoàn thể, nhân dân chưa thật đầy đủ; công tác xây dựng kế hoạch thực hiện chưa được chú trọng, thiếu tính khả thi; công tác quản lí, chỉ đạo, tổ chức thực hiện còn lúng túng; kết quả huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục chưa cao, chủ yếu là tài lực; các biện pháp triển khai thiếu đồng bộ, việc quản lí thực hiện của hiệu trưởng còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Đây là những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện XHHGD trên địa bàn huyện. Trên cơ sở nhận thức lí luận về giáo dục học, XHHGD, quản lí công tác XHHGD và thực trạng của việc quản lí công tác XHHGD ở các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, luận văn đã đề xuất 6 biện pháp cơ bản nhằm giúp hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng quản lí thực hiện tốt công tác XHHGD, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của mình. Những biện pháp đã đề cập khá toàn diện các chức năng, nhiệm vụ quản lí của Hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đối với việc thực hiện công tác XHHGD và được các khách thể quản lí giáo dục đánh giá ở mức độ cần thiết, tính khả thi cao. Nếu hiệu trưởng thực hiện đồng bộ, sáng tạo các biện pháp trên thì sẽ thu được nhiều kết quả tích cực từ việc thực hiện công tác XHHGD, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục THCS ở các địa phương còn nhiều khó khăn.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Huyện ủy, UBND huyện Di Linh

Ban hành các văn bản nhằm cụ thể hoá hơn nữa các đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực GDĐT và thực hiện XHHGD. Phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, giám sát các hoạt động XHHGD ở các trường THCS trên

địa bàn để cho hoạt động này phát triển tích cực, lành mạnh, đúng hướng, chống hiện tượng lợi dụng đầu tư, hỗ trợ cho giáo dục để thực hiện những mục tiêu phi giáo dục hoặc gây thất thoát, lãng phí. Có lộ trình rõ ràng trong việc nâng dần tỉ lệ đầu tư ngân sách cho phát triển sự nghiệp GDĐT, đồng thời xây dựng và ban hành chính sách thu hút đầu tư vào giáo dục để có cơ sở pháp lí cho các tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội mạnh dạn tham gia thực hiện.

2.2. Đối với Phòng GDĐT huyện Di Linh

Tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền tích cực đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho giáo dục để giảm bớt gánh nặng đầu tư từ ngân sách của nhà nước. Đề xuất UBND huyện tăng cường đầu tư các trường ở vùng khó khăn, đang trong quá trình xây dựng nông thôn mới theo hướng chuẩn hóa. Tham mưu các cấp kiện toàn Hội đồng giáo dục cấp huyện, cấp cơ sở để Hội đồng giáo dục phát huy hết tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ. Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện XHHGD. Triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện XHHGD. Quan tâm chú trọng hơn đến hoạt động của Hội khuyến học, Hội cựu giáo chức. Tăng cường tuyên truyền, khuyến khích, kêu gọi các cá nhân, tổ chức tham gia đóng góp kinh phí hỗ trợ các hoạt động giáo dục. Tăng cường công tác thi đua, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến trong thực hiện công tác XHHGD.

2.3. Đối với Đảng ủy, Chính quyền các xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Sự chỉ đạo kịp thời và sự quan tâm của lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền địa phương đóng vai trò vô cùng quan trọng. Chiến lược phát triển giáo dục của các trường phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt, điều này thể hiện vai trò quan trọng của lãnh đọa địa phương đối với sự phát triển giáo dục nhà trường. Do vậy, Đảng ủy, Chính quyền địa phương cần quan tâm chỉ đạo, huy động các tổ chức, đoàn thể địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp cũng như nhân dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở các trường trên địa bàn. Tạo điều kiện để hiệu trưởng các trường triển khai thực hiện công tác XHHGD. Tổ chức giám sát việc thực hiện công tác XHHGD ở các trường để công tác XHHGD đảm bảo thực hiện đúng quy định và hiệu quả.

2.4. Đối với Hiệu trưởng các trường THCS thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Hiệu trưởng các trường THCS cần tích cực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lí thực hiện XHHGD để tăng cường vai trò, uy tín của nhà trường đối với chính quyền địa phương và nhân dân. Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong công tác phối hợp giáo dục học sinh. Triển khai thực hiện đồng bộ, sáng tạo các biện pháp quản lí nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện XHHGD của nhà trường trong thời gian tới. Đồng thời, hiệu trưởng nhà trường cũng cần chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, trong đó đặc biệt chú trọng giải pháp huy động nguồn lực đầu tư cho giáo dục từ nguồn XHHGD. Lãnh đạo nhà trường cần xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện XHHGD của nhà trường có hiệu quả nhằm thu hút được nhiều nguồn lực để hoàn thành mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Quan trọng hơn, hiệu trưởng cần nghiêm túc thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, quản lí chặt chẽ việc thực hiện, công khai, minh bạch các nguồn đóng góp XHHGD để tạo niềm tin cho các tổ chức, cá nhân và các lực lượng xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ nhà trường. Có như thế, chúng ta mới tạo được động lực thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục. Từ đó, chất lượng giáo dục của các trường ở vùng khó khăn mới được nâng lên, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 11 năm 2011 về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 3 năm 2 011 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 8 năm 2018 Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

Bùi Minh Hiền. (2016). *Lịch sử giáo dục thế giới.* Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Bùi Minh Hiền và Nguyễn Vũ Bích Hiền. (2016). *Quản lí và lãnh đạo nhà trường.* Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Cao Thu Hằng. (2016). *Chính sách xã hội hóa giáo dục và y tế ở Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Chính phủ nước CHXHCNVN. (1997). *Nghị quyết số 90-NQ/CP, ngày 21 tháng 8 năm 1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa.*

Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Chính phủ (2008). *Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Chính phủ (2017). *Quyết định số 582/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.*

Chính phủ (2012). *Quyết định số 30/QĐ-TTg, ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 – 2015.*

Chính phủ (2016). *Quyết định số 12/QĐ-TTg, ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7*

năm 2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Chính phủ (2017). *Quyết định số 1010/QĐ-TTg, ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.*

Clive R. Belfield, & Henry M. Levin. (2002). *Education privatization: causes, consequences and planning implications.* Nhận từ www.academia.com

Danny K. Weil. (2002) *School Vouchers and Privatization: A Reference Handbook.* Nhận từ www.academia.com

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nxb Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1993). *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*. Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1994). *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*. Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1997). *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002). *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2012). *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo trong thời kì đổi mới và hội nhập.*

Everard, K. B., Morris, G., & Wilson, I. (2009). *Quản trị hiệu quả trường học (Effective School Management)*. Nxb Hà Nội.

Harold Koonz, C. O. (2005). *Những vấn đề cốt yếu của quản lí (Essentials of Management)*. Nxb Khoa học và Kĩ thuật.

Holpp, L. (2008). *Quản lí nhóm (Managing teams)*. Nxb Công ti Alpha.

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8. (1996). Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Kon-Đa-Cop, M. I. (1984). *Cơ sở lí luận khoa học quản lí giáo dục*. Trường Cán bộ Quản lí giáo dục và Viện Quản lí giáo dục.

Lê Ngọc Hùng. (2006). *Xã hội hóa giáo dục.* Hà Nội: Nxb Lí luận Chính trị.

Mạc Văn Trang (2011). *Xã hội hóa giáo dục.* Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Đình Hương. (2009). *Việt Nam hướng tới một nền giáo dục hiện đại.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Nguyễn Minh Phương. (2012). *Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế ở Việt Nam.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Ngọc Phú. (2005). *Tiến tới xã hội học tập ở Việt Nam.* Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Quang. (1989). *Những khái niệm cơ bản về quản lí giáo dục.* Hà Nội: Trường Cán bộ quản lí Trung ương 1.

Jocket, N. (1993). Bí quyết thành công trong công tác quản lí. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2002). *Đại cương khoa học quản lí.* Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Sĩ Thư. (2015). *Quản lí giáo dục. Một số vấn đề lí luận và thực tiễn.* Hà Nội: Nxb Văn hóa – Thông tin.

Phạm Minh Hạc. (1997). *Xã hội hóa công tác giáo dục.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Phạm Minh Hạc. (2010). *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ XXI.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Phạm Minh Hạc, Trần Kiều, Đặng Bá Lãm và Nghiêm Đình Vỹ. (2002). *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Phạm Thị Thu Hương. (2017). *Xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay một số vấn đề lý luận và thực tiễn.* Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Phạm Tất Dong. (2012). *Phát triển giáo dục hướng tới một xã hội học tập*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Phạm Viết Vượng. (2003). *Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội

Quốc hội. (2005). *Luật Giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục (2009). (2014)*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Quốc hội. (2004). *Nghị quyết số 37/2004/QH11.*

Quốc hội. (2009). *Nghị quyết số 35/2009/QH12.*

Trần Khánh Đức. (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong Thế kỉ XXI.* Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam

Trần Kiểm. (2014). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lí giáo dục.* Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Trần Kiểm. (1997). *Quản lí giáo dục nhà trường.* Hà Nội: Nxb: Viện khoa học Giáo dục.

Trần Thị Hương, Nguyễn Đức Danh, Hồ Văn Liên và Ngô Đình Qua. (2014). *Giáo dục học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Sư phạm.

Từ điển Giáo dục học. (2001). Nxb Từ điển Bách khoa.

Uemura, M. (1999). *Community Participation in Education: What do we know?* Nhận từ www.academia.com

Võ Tấn Quang. (2001). *Xã hội hóa giáo dục.* Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vũ Ngọc Hải. (2013). *Quản lí nhà nước hệ thống giáo dục Việt Nam trong đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Vũ Ngọc Hải, Đặng Bá Lãm và Trần Khánh Đức. (2007). *Giáo dục Việt Nam - Đổi mới và phát triển hiện đại hóa.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Verger, A., Fontdevila, C., & Zancajo, A. (2016). *The Privatization of Education: A Political Economy of Global Education Reform.* Teachers College Press. Nhận từ www.unesco.org/iiep

PHỤ LỤC

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên các trường)

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2, huyện Di Linh, xin thầy/cô cho biết ý kiến về những vấn đề dưới đây. Ý kiến của thầy/cô sẽ chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học, ngoài ra không có mục đích gì khác. Xin trân trọng cám ơn!

Phần 1: NỘI DUNG CẦN TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Câu 1. Thầy/cô cho biết *vai trò của công tác xã hội hóa giáo dục đối với sự phát triển của nhà trường như thế nào?*

Mức độ	***1. Không có vai trò gì***	***2. Ít quan trọng***	***3. Bình thường***	***4. Quan trọng***	***5. Rất quan trọng***
Lựa chọn					

Câu 2: Thầy/ Cô đánh giá thế nào về *mức độ thực hiện và hiệu quả* của các *lực lượng* tham gia vào công tác xã hội hóa của trường mình?

TT	**Các lực lượng tham gia vào công tác xã hội hóa giáo dục ở trường trung học cơ sở**	**Mức độ thực hiện**					**Hiệu quả**				
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**
		Không bao giờ	*Thỉnh thoảng*	*Bình thường*	*Thường xuyên*	*Rất thường xuyên*	*Không hiệu quả*	*Thấp*	*Bình thường*	*Cao*	*Rất cao*
1	Đảng ủy địa phương										
2	Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể địa phương										
3	Các đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài nhà trường										
4	Tập thể cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường										
5	Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường										
6	Cha mẹ học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh										
7	Cộng đồng dân cư tại địa phương										
8	Các tổ chức, doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh tại địa phương										

9	Các tổ chức, doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh ngoài địa phương										
10	Các cá nhân, mạnh thường quân tại địa phương										
11	Các cá nhân, mạnh thường quân ngoài địa phương										
12	Lực lượng khác…… …… ……										

Câu 3. Thầy/Cô cho biết mức độ huy động các *nguồn lực* công tác xã hội hóa giáo dục ở trường mình như thế nào?

TT	Các nguồn lực huy động từ công tác xã hội hóa giáo dục ở trường trung học cơ sở	Mức độ thực hiện					Hiệu quả				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		Không bao giờ	*Thỉnh thoảng*	*Bình thường*	*Thường xuyên*	*Rất thường xuyên*	*Không hiệu quả*	*Thấp*	*Bình thường*	*Cao*	*Rất cao*
I. Vật lực (Cơ sở vật chất)											
1	Tranh ảnh, đồ dùng dạy học										
2	Ti vi, máy tính, máy chiếu										
3	Bàn ghế học sinh										
4	Thư viện, sách, báo										
5	Bồn hoa, cây cảnh										
6	Sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh										
II. Tài lực											
7	Tiền mặt										
8	Vàng										
9	Ngân phiêu										
III. Nhân lực											
10	Công lao động										
11	Các buổi bồi dưỡng, báo cáo miễn phí										
12	Vận động học sinh ra lớp										
13	Các buổi tham quan, dã ngoại, trải nghiệm, …										
14	Nguồn lực khác…… …… ……										

Câu 4. Đánh giá của quý Thầy/Cô về *mức độ thực hiện* và *hiệu quả công tác lập kế hoạch* xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường như thế nào?

TT	Nội dung kế hoạch	Mức độ					Hiệu quả				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		Không bao giờ	*Thỉnh thoảng*	*Bình thường*	*Thường xuyên*	*Rất thường xuyên*	*Không hiệu quả*	*Thấp*	*Bình thường*	*Cao*	*Rất cao*
1	Kế hoạch công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường được xây dựng cụ thể, chi tiết, đầy đủ nội dung theo từng năm học										
2	Kế hoạch xác định được nguyên tắc xã hội hóa giáo dục của nhà trường										

3	Kế hoạch xác định được mục tiêu và nội dung xã hội hóa giáo dục của nhà trường										
4	Kế hoạch xác định được hình thức và phương pháp thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường										
5	Kế hoạch xác định được các lực lượng tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục										
6	Kế hoạch xác định được các nhiệm vụ cần thực hiện của công tác xã hội hóa giáo dục										
7	Kế hoạch xác định được thời gian, kinh phí thực hiện cho từng nhiệm vụ của công tác xã hội hóa giáo dục										
8	Kế hoạch xã hội hóa của nhà trường đã khắc phục được những tồn tại, hạn chế của kế hoạch trước										
9	Nội dung kế hoạch xã hội hóa giáo dục của nhà trường đạt được sự nhất trí cao khi thông qua hội đồng sư phạm của nhà trường										
10	Nội dung khác…… …… …… …… …… …… ……										

Câu 5. Đánh giá của quý Thầy/Cô về *mức độ* và *hiệu quả công tác tổ chức thực hiện* hoạt động xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường như thế nào?

TT	Nội dung tổ chức thực hiện	Mức độ					Hiệu quả				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		Không bao giờ	*Thỉnh thoảng*	*Bình thường*	*Thường xuyên*	*Rất thường xuyên*	*Không hiệu quả*	*Thấp*	*Bình thường*	*Cao*	*Rất cao*
1	Xây dựng được môi trường thuận lợi, hoan nghênh và khuyến khích sự tham gia của các lực lượng vào thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.										
2	Thành lập Ban vận động và Ban tiếp nhận tài trợ										
3	Phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá										

	nhân triển khai thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục										
4	Thống nhất các quy định và tổ chức các lực lượng trong nhà trường thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục										
5	Xây dựng được mối quan hệ phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và cha mẹ học sinh triển khai công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường										
6	Thực hiện gặp gỡ, trao đổi với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và phụ huynh học sinh nhằm phổ biến kế hoạch và thúc đẩy xã hội hóa giáo dục trong nhà trường										
7	Thực hiện hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế										
8	Tổ chức các hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các đối tác trong nước và quốc tế cho giáo viên và học sinh										
9	Nội dung khác: …… …… ……										

Câu 6. Đánh giá của quý Thầy/Cô về *mức độ* và *hiệu quả công tác chỉ đạo thực hiện* hoạt động xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường như thế nào?

TT	Nội dung chỉ đạo thực hiện	Mức độ					Hiệu quả				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		Không bao giờ	*Thỉnh thoảng*	*Bình thường*	*Thường xuyên*	*Rất thường xuyên*	*Không hiệu quả*	*Thấp*	*Bình thường*	*Cao*	*Rất cao*
1	Hướng dẫn các lực lượng tham gia cách thức thực hiện xã hội hóa giáo dục										
2	Phổ biến phương hướng hành động cho các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục										
3	Hướng dẫn cụ thể nội dung, nhiệm vụ triển khai các hoạt động xã hội hóa giáo dục										
4	Đưa ra chính sách hỗ trợ, khuyến khích các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục										

5	Đôn đốc thực hiện các hoạt động xã hội hóa giáo dục trong nhà trường										
6	Động viên, khuyến khích các lực lượng tham gia xã hội hóa giáo dục										
7	Điều chỉnh kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục										
8	Nội dung khác: …… …… …… …… ……										

Câu 7. Đánh giá của quý Thầy/cô về *mức độ* và *hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá* hoạt động xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường như thế nào.

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Mức độ					Hiệu quả				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		Không bao giờ	*Thỉnh thoảng*	*Bình thường*	*Thường xuyên*	*Rất thường xuyên*	*Không hiệu quả*	*Thấp*	*Bình thường*	*Cao*	*Rất cao*
1	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ xã hội hóa giáo dục trong nhà trường										
2	Kiểm tra, đánh giá quy trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc và sự phối hợp các lực lượng thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục										
3	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện xã hội hóa giáo dục nhà trường so với mục tiêu đề ra										
4	Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp, bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo hoạt động xã hội hóa giáo dục										
5	Định kỳ đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện xã hội hóa giáo dục nhà trường										

Câu 8. Theo thầy/cô, những *thuận lợi và khó khăn, hạn chế nhất* mà thầy/cô gặp phải trong việc triển khai thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường mình quản lý là gì?

Thuận lợi:

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Khó khăn, hạn chế:

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

……
……

Câu 9. Theo Thầy/cô, *mức độ ảnh hưởng* của các yếu tố dưới đây đến hiệu quả quản lý công tác xã hội hóa giáo dục ở trường Trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2 như thế nào?

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				
		1	2	3	4	5
		Hoàn toàn không ảnh hưởng	*Ảnh hưởng ít*	*Bình thường*	*Ảnh hưởng*	*Ảnh hưởng rất lớn*
	I. Yếu tố khách quan					
1	Chủ trương, chính sách xã hội hóa giáo dục					
2	Sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương					
3	Nhận thức của cộng đồng và các lực lượng xã hội					
5	Sự tham gia của cộng đồng và các lực lượng xã hội					
6	Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương					
	II. Yếu tố chủ quan					

7	Phẩm chất, năng lực của hiệu trưởng					
8	Kế hoạch xã hội hóa được xây dựng cụ thể, rõ ràng, hiệu quả					
9	Kế hoạch xã hội hóa được tổ chức thực hiện kịp thời					
10	Kế hoạch xã hội hóa chỉ đạo thực hiện thường xuyên					
11	Sự tham gia của cán bộ, giáo viên nhà trường					
12	Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội của hiệu trưởng.					
13	Hệ thống các biện pháp thực hiện xã hội hóa khả thi và phù hợp thực tế					

Các ý kiến khác:

……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Theo Thầy/cô, *hiệu trưởng* nhà trường cần *phải làm gì* để *quản lí* công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường *hiệu quả hơn*?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Phần 2: MỘT SỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN

Chức vụ:

……...

Đơn vị công tác:

……...

Ngày trả lời: ……/ ……./2019

Xin chân thành cám ơn thầy/cô.

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho lãnh đạo Đảng, Chính quyền và các ban ngành đoàn thể địa phương)

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2, huyện Di Linh, xin ông/bà cho biết ý kiến về những vấn đề dưới đây. Ý kiến của ông/bà sẽ chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học, ngoài ra không có mục đích gì khác. Xin trân trọng cám ơn!

Câu 1. Xin ông/bà cho biết lãnh đạo trường Trung học cơ sở trên địa bàn có thực hiện tốt công tác tham mưu thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục với lãnh đạo địa phương không? Những việc lãnh đạo trường Trung học cơ sở trên địa bàn đã thực hiện?

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 2. Xin ông/bà cho biết việc xây dựng được mối quan hệ phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và cha mẹ học sinh triển khai công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường?

……

……

……

……

……

……

Câu 3. Xin ông/bà cho biết những điểm mạnh và những điểm yếu trong quản lý công tác xã hội hóa giáo dục ở trường Trung học cơ sở trên địa bàn?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 4. Xin ông/bà cho biết đánh giá của mình về việc triển khai kế hoạch xã hội hóa giáo dục của trường Trung học cơ sở trên địa bàn?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 5. Ông/bà cho biết ý kiến của mình về hiệu quả quản lý công tác xã hội hóa giáo dục ở trường Trung học cơ sở tại địa phương? Xin ông bà cho biết lý do ông/bà có ý kiến trên.

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 6. Xin ông/bà cho biết những việc ông/bà đã làm để tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục ở trường Trung học cơ sở trên địa bàn?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 7. Xin ông/bà cho biết để tăng cường hiệu quả quản lý công tác xã hội hóa giáo dục, hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở thuộc xã ông/bà công tác, hiệu trưởng trường Trung học cơ sở cần phải làm gì?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Xin ông/bà cho biết một số thông tin cá nhân:

Chức vụ: ……

Đơn vị công tác: ……

Ngày trả lời: ……/ /2019

Xin chân thành cám ơn ông/bà!

PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho cán bộ quản lí và giáo viên)

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2, huyện Di Linh, xin thầy/cô cho biết ý kiến về những vấn đề dưới đây. Ý kiến của thầy/cô sẽ chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học, ngoài ra không có mục đích gì khác. Xin trân trọng cám ơn!

Câu 1: *Thầy/cô đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của công tác xã hội hóa giáo dục ở các xã khu vực 2 tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng hiện nay.*

……

……

……

……

……

……

……

Câu 2: *Thực trạng huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục ở thầy/cô hiện nay như thế nào? Hãy liệt kê các nguồn đóng góp từ công tác xã hội hóa đối với trường của thầy/cô.*

Thực trạng:

……

……

……

……

……

……

Các nguồn đóng góp:

……

……

……

……

……

……

……

Câu 3: *Thầy/Cô hãy mô tả thực trạng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục ở trường mình đang công tác hiện nay như thế nào? (chỉ rõ những việc đã làm được, chưa làm được và những thuận lợi, khó khăn về công tác này)*

……

……

……

……

……

……

……

Câu 4: *Đánh giá của thầy/cô về thực trạng tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục ở trường mình đang công tác hiện nay như thế nào?(chỉ rõ những việc đã làm được, chưa làm được và những thuận lợi, khó khăn về công tác này)*

……

……

……

……

……

Câu 5: *Đánh giá của thầy/cô về việc chỉ đạo thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục ở trường mình đang công tác hiện nay như thế nào? (chỉ rõ những việc đã làm được, chưa làm được và những thuận lợi, khó khăn về công tác này)*

……

……

……

……

……

……

……

Câu 6: Thực trạng kiểm tra, đánh giá trong công tác xã hội hóa giáo dục ở trường thầy/cô đang công tác hiện nay như thế nào? (chỉ rõ những việc đã làm được, chưa làm được và những thuận lợi, khó khăn về công tác này)

……

……

……

……

……

……

……

Câu 7: *Thầy/Cô hãy cho biết các yếu tố nào tác động đến kết quả quản lí công tác xã hội hóa giáo dục mình đang công tác? (Hãy liệt kê các yếu tố theo thứ tự ưu tiên).*

1. ……
2. ……
3. ……
4. ……

5. ……
6. ……
7. ……
8. ……
9. ……
10. ……

Câu 8: *Thầy/Cô hãy cho biết những thuận lợi và khó khăn trong công tác xã hội hóa giáo dục tại trường mình hiện nay như thế nào?*

Thuận lợi

……

……

……

……

……

Khó khăn

……

……

……

……

……

……

Xin thầy/cô cho biết một số thông tin cá nhân:

Chức vụ: ……

Đơn vị công tác: ……

Ngày trả lời: ……/ /2019

Xin chân thành cám ơn thầy/cô!

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
Về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lí công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường Trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

1. Xin thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin chung

- Chức vụ: ……

- Đơn vị công tác: ……

- Thời gian công tác: (*Khoanh vào A, B, C hoặc D*)

A. Dưới 5 năm; B. Trên 5 năm;

C. Trên 10 năm; D. Trên 15 năm

- Thời gian làm công tác quản lí: (*Khoanh vào A, B, C hoặc D*)

A. Dưới 10 năm; B. Trên 10 năm;

C. Trên 15 năm; D. Trên 20 năm

2. Để giúp cho việc xây dựng các biện pháp quản lí công tác XHHGD ở các trường trung học cơ sở thuộc xã khu vực 2 huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đạt hiệu quả tốt nhất, xin thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp sau theo mức độ dưới đây:

KCT: Không cần thiết; ICT: Ít cần thiết; CT: Cần thiết; RCT: Rất cần thiết

KKT: Không khả thi; IKT: Ít khả thi; KT: Khả thi; RKT: Rất khả thi

Stt	Biện pháp	Tính cần thiết				Tính khả thi			
		KCT	*ICT*	*CT*	*RCT*	*KKT*	*IKT*	*KT*	*RKT*
1	**Tăng cường xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường.**								
1.1	Phân tích môi trường, đặc điểm tình hình của nhà trường, điều kiện, hiện trạng của nhà trường để thực hiện công tác XHHGD.								
1.2	Xác định mục tiêu thực hiện XHHGD cho năm học và								

	từng giai đoạn								
1.3	Xác định nội dung và biện pháp thực hiện XHHGD.								
1.4	Xác định điều kiện cần thiết hỗ trợ công tác XHHGD.								
1.5	Dự kiến những khó khăn, chuẩn bị phương án để khắc phục khó khăn có thể xảy ra.								
1.6	Huy động nguồn lực sẵn có và tạo môi trường phối hợp với các lực lượng tham gia vào XHHGD tại địa phương.								
1.7	Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng nội dung XHHGD của nhà trường.								
2	**Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò và tầm quan trọng của công tác XHHGD đối với sự phát triển giáo dục nhà trường, huy động cộng đồng tham gia thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.**								
2.1	Tổ chức tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi họp chi bộ của nhà trường; tổ chức tuyên truyền trong cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp cha mẹ học								

	sinh.								
2.2	Thành lập ban tuyên truyền, vận động gồm các thành viên cốt cán trong nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh, mời đại diện của các ban ngành, đoàn thể địa phương để thực hiện tuyên truyền, vận động trong các buổi hội họp, tại gia đình, cơ quan, doanh nghiệp.								
2.3	Xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, rõ ràng, mục tiêu thiết thực								
2.4	Đăng tải nội dung truyền thông, tuyên truyền trên website của nhà trường; viết bài phát thanh trên loa phát thanh địa phương; treo băng rôn, …								
2.5	Tổ chức diễn đàn, hội thảo nhằm giới thiệu về hiện trạng nhà trường, mục tiêu giáo dục của nhà trường, nhu cầu dạy và học đáp ứng xu thế phát triển của xã hội, đồng thời là cơ hội để tiếp cận và tạo mối quan hệ thân thiết với các nhà tài trợ,								

	mạnh thường quân.								
3	**Đa dạng hóa hình thức huy động nguồn lực trong tổ chức thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.**								
3.1	Tổ chức vận động nguồn lực thông qua tài trợ tự nguyện.								
3.2	Tổ chức vận động nguồn lực thông qua hoạt động khuyến học.								
3.3	Tổ chức vận động nguồn lực thông qua đấu giá sản phẩm của học sinh và giáo viên.								
3.4	Tổ chức vận động nguồn nhân lực tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.								
3.5	Tổ chức vận động nguồn trí lực từ lực lượng trí thức của địa phương.								
3.6	Vận động nguồn tài trợ thông qua thực hiện các dự án của nhà trường.								
4	**Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường.**								
4.1	Hiệu trưởng có những hướng dẫn cụ thể đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường và đặc biệt là các tổ trưởng chuyên môn để làm căn cứ triển khai kế hoạch của tổ								

	mình.								
4.2	Thường xuyên theo dõi tiến độ, cách thức, kết quả thực hiện kế hoạch để kịp thời bổ sung, điều chỉnh.								
4.3	Có biện pháp động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện XHHGD tại đơn vị.								
4.4	Kịp thời đưa ra các phương án giải quyết và điều chỉnh những việc làm không đúng theo quy định, không đảm bảo kế hoạch và đáp ứng mục tiêu đề ra.								
4.5	Phối hợp với Ban thanh tra nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh tăng cường công tác giám sát hoạt động thu chi, việc sử dụng các nguồn lực đóng góp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường								
5	**Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá và công khai kết quả công tác xã hội hóa giáo dục của hiệu trưởng nhà trường**								
5.1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác XHHGD của nhà trường.								
5.2	Tổ chức kiểm tra việc thực								

	hiện các nhiệm vụ XHHGD của các các thành viên trong nhà trường; kết quả huy động và thực tế sử dụng các nguồn lực XHHGD của nhà trường; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và XH trong thực hiện XHHGD của các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.								
5.3	Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời động viên, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp.								
5.4	Đôn đốc, động viên kịp thời mọi thành viên trong quá trình tham gia thực hiện hoạt động XHHGD tại đơn vị.								
5.5	Công khai kết quả thực hiện công tác XHHGD của nhà trường định kì trong các buổi họp, trên website, trên bảng thông báo và trong báo cáo của nhà trường.								
6	**Tăng cường quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác xã hội hóa giáo dục**								
6.1	Rà soát, đánh giá các điều kiện hiện có có thể huy động								

	để thực hiện công tác XHHGD của nhà trường								
6.2	Xem xét, bố trí nguồn tài chính phù hợp cho thực hiện công tác XHHGD								
6.3	Xem xét nhu cầu, bố trí cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho công tác XHHGD của nhà trường								
6.4	Xem xét, đánh giá năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên để bố trí, phân công nhiệm vụ thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục một cách hợp lí.								
6.5	Tham mưu với chính quyền địa phương, huy động sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương, các tổ chức đoàn thể và cha mẹ học sinh trong thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.								

Xin cám ơn sự hợp tác của thầy/cô./.